

## **Tạp Chí Trúc Lâm số 51**

### **KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2012**

|                                            |                                |
|--------------------------------------------|--------------------------------|
| Thư Tòa Soạn .....                         | 02                             |
| Mùa Phật Đản PL -2256.....                 | Hòa Thượng Thích Chơn Thành 03 |
| Nguyễn Cầu.....                            | thơ .....Thanh Tùng 05         |
| Kỷ Niệm Ngày Sinh.....                     | Thích Quảng Thanh 06           |
| Những Sắc Thái Đặc Thù Của Phật Giáo ..... | Nguyễn Trần Ai 09              |
| Thiền Ngữ Qua Thi Ca.....                  | Như Hùng 13                    |
| Tâm Tình Lữ Khách.....                     | thơ.....Thanh Trí Cao 16       |
| Sự Phục Vụ Của Đức Phật.....               | Thích Quảng Bảo 17             |
| Vọng.....                                  | thơ.....Hàn Long Ân 18         |
| Phương Cách Đản Sanh Của Chư Phật.....     | Thích Nữ Giới Hương 19         |
| Ngày Hội Ngộ Quê Hương.....                | thơ.....Vũ Khang 21            |
| Phật Giáo Tinh Hoa và Phát Triển.....      | Tùng Sơn 22                    |
| Dấu Xưa .....                              | Nhuận Hùng 27                  |
| Nói Xấu Người Khác.....                    | Ni Si Thubten, 31              |

|                                                 |                            |    |
|-------------------------------------------------|----------------------------|----|
| Danh Ni Truyện.....                             | Ngọc Bảo                   | 34 |
| Thư Mời Phật Đản Chùa Hương Sen .....           | Thích Nữ Giới Hương        | 38 |
| Quán Không.....                                 | Nhiên Như                  | 39 |
| Đường Thiền Khai Phóng Tương Lai. ... nhạc..... | Hoàng Quang Huế            | 40 |
| Tuổi Trẻ Theo Bước Ngải.....                    | nhạc.....Nam Hưng          | 41 |
| Chào Em Con Chim Nhỏ .....                      | .Hạnh Chi                  | 42 |
| Về Lại Chùa Bảo Quang.....                      | Tâm Phú                    | 44 |
| Chỉ Một Chữ Duyên.....                          | Như Thủy                   | 47 |
| Vô Thường.....                                  | thơ..... Vô Thức Thi Nhân  | 49 |
| Một Ngày Tu Tập Tại Chùa Bảo Quang.....         | .....Ngọc Như Ý            | 50 |
| Oan Úc Không Cần Biện Bạch.....                 | Tâm Từ ờng Lê Đình Cát     | 52 |
| Bước Nhẹ Vào Thiên Thu.....                     | thơ Nhất Phương            | 54 |
| Tám Bài Kệ Chuyển Hóa Tâm.....                  | Thanh Thái                 | 55 |
| Nhớ!.....                                       | thơ..... Hoài Hương        | 56 |
| Võ Thuật, Thiếu Lâm Công Phu .....              | Thanh Đình                 | 57 |
| Những Ngôi Chùa Cổ.....                         | Diệu Trí                   | 59 |
| Hợp Mặt Tân Niên Nhâm Thìn.....                 | Phan Như Huyền             | 61 |
| Những Búp Sen Non.....                          | Phúc Lâm – Đình Thanh Tùng | 63 |
| Cuộc Di Tản Miền Trung.....                     |                            | 64 |
| Tâm Thư Chùa Bảo Quang.....                     |                            | 67 |



## Lá thư Trúc Lâm

Xin thưa! Chung quanh truyền thống văn hóa và lễ nghi của Phật Giáo, khắp nơi trên thế giới - tín đồ theo các truyền thống ấy tùy thuận hoàn cảnh và khả năng phương tiện tổ chức kỷ niệm ngày Đức Phật Đản Sinh.

Biến cố lịch sử đã hơn một lần làm thay đổi tư duy của con người rất đáng kể. Hằng năm thiên tai và chiến tranh đã cướp đi hàng triệu sinh mạng khắp đó đây, không loại trừ các nước văn minh đứng đầu thế giới. Cho dù ai đó cố tình quên lãng hay mơ hồ quên lãng những giá trị đạo đức, rồi có lúc cũng phải ưu tư quay đầu dừng bước lắng sâu gặm nhấm vui buồn một thời oanh liệt. Những lãnh tụ độc tài xây dựng độc đảng trên một quốc gia thiếu vắng tự do, dân chủ rồi họ đã chết hay phải trả cái giá quá đắt! Hầu như nước nào cũng thế, tôn giáo có một vai trò rất quan trọng đối với công chúng. Nếu nhân danh chính quyền đàn áp tôn giáo dã man, thì hậu quả ấy khó lường được. Chẳng hạn Việt Nam triều đại Ngô Đình Diệm gia đình trị. Ngày nay là đảng Cộng Sản độc quyền cai trị đất nước Việt Nam. Cho dù muốn hay không, thực tế nó là như vậy. Cuộc đấu tranh đòi tự do, dân chủ cho đất nước Việt Nam đã đến lúc gay cấn hơn, tuy nhiên phần thắng hay bại khó mà biết được cho đến lúc nào kết thúc. Trách nhiệm là trách nhiệm chung của toàn dân đối với sự vận toàn tổ quốc.

Tín đồ Phật Giáo long trọng tổ chức ngày sinh nhật của Đức Phật, một bậc thầy cách mạng không để đổ máu vì tương tranh thời lúc bấy giờ. Tất nhiên chúng ta là những người tu học Phật phải biết học hạnh từ bi của Đức Phật. Suốt chiều dài hơn 25 thế kỷ, các trường phái Phật Giáo không đi ngược lại hạnh nguyện giác ngộ và giải thoát do Đức Phật Ngài đã khai phóng. Trên lộ trình giác ngộ có quá nhiều ý thức dị biệt, song cốt lõi của đạo Phật không một ai có thể nhân danh làm thay đổi giá trị Kinh-Luật mà Đức Phật đã nói.

Đối với Phật Tử Việt Nam Dân Tộc và Đạo Pháp không thể tách rời giá trị tự tôn. Do vậy, kỷ niệm ngày sinh của Đức Phật được nêu cao tinh thần bình đẳng và tự do đúng nghĩa. Truyền thống Phật Giáo Việt Nam và dân tộc đã sâu đậm suốt chiều dài lịch sử, chúng ta không vì một lý do nào đó tạo sự ngăn cách đáng tiếc.

Tinh thần khám phá và khai phóng tâm thức từng mỗi thế hệ đối với các trường phái Phật Giáo tốt đẹp, rất mong được kết nối thành thật hơn là đả phá trong thời điểm nhiều nhượng máu lệ tràn đầy. Tương kính, tương quan là việc làm tối thiểu để bước đi trên lộ trình giác ngộ theo dấu chân xưa.

Tạp Chí Trúc Lâm nhân mùa Phật Đản 2556, kính chúc Chư Tôn Thiên Đức Tăng- Ni, và quý Đồng Hương- Phật Tử an lành trong ánh hào quang đức Phật.

Tòa Soạn Tạp Chí Trúc Lâm.

## **Mùa Phật Đản PL. 2556 – 2012**

### **Hòa Thượng Thích Chơn Thành**

Kính Bạch Chư Tôn Đức Tăng –Ni,

Kính thưa Quý vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo

Quy Đồng Hương và Đồng Bào Phật Tử

Hoa anh đào đang nở rộ khắp nơi trên nước Phù Tang báo hiệu cho hoa vô ưu sắp nở khắp nơi trên địa cầu lần thứ 2635. Hoa vô ưu tượng trưng cho sự Đản sinh của Đức Thích Ca ra đời mà trước đó, trong một đêm thanh tịnh, hoàng hậu Maya nằm mộng thấy voi trắng sáu ngà từ không gian vô biên và thời gian vô tận, chui vào hông của Bà, hôm sau được A-tư-đà đoán mộng đề vua Tịnh Phạn biết điềm kiết hung. A-Tư-Đà nghe rõ điềm lành của Hoàng Hậu rồi thưa cùng vua Tịnh Phạn rằng đây là điềm tuyệt lành, điềm này cho biết một Thánh nhân sẽ ra đời. Vua Tịnh Phạn cùng mọi người trong hoàng tộc đều vui mừng. Thực vậy, trải qua hơn chín tháng nằm trong bụng chật hẹp của mẫu hậu nhưng tâm rất an lạc, vì Bồ Tát dùng phương tiện hóa sinh vào

đời ác năm thứ ô trước để tế độ quần sinh. Mặc dù sinh vào đời ác năm trước nhưng sáu thức vẫn thanh tịnh như hoa anh đào đẹp để phôi cánh giữa gió Xuân nồng ấm. Con voi trắng, sáu ngà đều trắng, tượng trưng cho sáu thức tuyệt đối trắng phau, thanh tịnh tuyệt vời. Mắt nhìn vạn hữu nhưng không bị dính mắc, nên sự nhận thức tuyệt đối thanh tịnh, tai nghe muôn lời nhưng tâm không xao động, nên nhĩ thức vẫn thanh tịnh, mũi ngửi các mùi mà lòng không bị dính mắc, nên tỉ thức thanh tịnh, lưỡi nếm các vị mà tâm không bị trói buộc, nên miệng vẫn thoang thoang vị ngọt, tay chân thân thể va chạm các đối tượng ngoại tại nhưng tâm không bị ô nhiễm, ý thức không trụ, nên tâm tuyệt đối thanh tịnh. Sáu giác quan lành mạnh, nên sáu thức thật tinh anh và ý thức trở thành diệu quan sát trí, nhìn xuyên suốt không gian bao la và thời gian vô tận; ngã thức (Sub Consciousness) không còn đối tượng để ô nhiễm, chấp khoan chấp nhặt và trở thành Bình-Đẳng Tánh-Trí. Vì thế, tàng thức (unconsciousness) trở nên trắng phau một mạch và chứa nhóm vô lượng hạnh lành, vô lượng công đức thế gian và vô biên công đức siêu việt, và Tàng Thức chuyển thành Đại-Viên Cảnh Trí, là bậc thầy của trời người khắp mười phương vô tận giới.

Kính thưa Liệt Quý Vị,

Phật Pháp tuyệt đối không dạy chúng sinh cuồng tín để thống trị mà chỉ dạy chúng sinh nên mở rộng tâm hồn, để yêu thương và để được yêu thương, Phật pháp không dùng uy quyền tuyệt đối để hà hiếp chúng sinh, không dùng độc tài hay độc tài đảng trị để mị con người, lường gạt dân tộc và đàn áp dân lành, ngược

lại Phật pháp chỉ áp dụng triết lý dân chủ để giáo dưỡng nhân dân, lấy tinh thần từ bi xóa bỏ mọi hận thù, có như vậy mới đoàn kết được mọi thành phần dân tộc, để giữ nước và dựng nước, hướng dẫn dân chúng xóa bỏ lòng ích kỷ và tâm kỳ thị địa phương, giữa khu vực này với khu vực khác, giữa nhân dân các miền, giữa nhân dân bản xứ và nhân dân ít người, bởi vì tất cả đều là những chúng sinh, những con người, biết ham sống sợ chết, thích an vui sợ khổ đau, nên phải được sống bình đẳng dưới ánh mặt trời, để cùng nhau đóng góp toàn lực vào công cuộc xây dựng lại văn hóa, đạo đức cá nhân, đạo đức xã-hội, thúc đẩy toàn dân nỗ lực phát triển kinh tế, như trong Bát-Nhã Tâm Kinh đức Phật đã dùng những ẩn ngữ, ẩn nghĩa để dạy, tùy trình độ của mỗi thời đại hiểu sâu cạn khác nhau. Bởi vì, diệu âm của Phật chỉ có một, nhưng tùy căn tánh mà hiểu khác nhau, ví như mở đầu Bát-Nhã Tâm Kinh đức Phật dạy: Bồ-Tát Quán Tự-Tại trong lúc trí-tuệ siêu-việt tuyệt đối để xem xét vạn sự vạn vật trong vũ-trụ, thấy tất cả đều không, nên vượt qua tất cả khổ ách. Sở dĩ nhân loại bị đau khổ triền miên, bị luân hồi vĩnh kiếp là vì chúng ta không biết buông xả, không biết delite những lớp bụi đời, những lớp bụi phiền não, những lớp tham sân si, nên lâu đời lâu kiếp nghiệp chướng trở nên nặng nề, si mê lầm lạc, nên hardit trong tâm hồn, trong đầu óc tự động đóng cứng những lớp đen, những hoài niệm tham sân si mạn nghi, ác kiến cứ chồng chất mãi rồi sự hấp dẫn của chúng càng tăng dần, như ri sét ăn sâu vào kim loại, thực tế hơn, ví như con mắt khi nhìn thấy sắc đẹp liền bị sắc đẹp của giới nữ, suốt đời gở không ra, ngày đêm mơ mơ tưởng tưởng mãi, sự đau khổ luôn luôn đi theo sự mơ tưởng, mỗi lúc bệnh tâm thần càng nặng và cơn điên bắt đầu.

Chư Phật, các Bồ-tát nhìn vạn hữu vũ trụ đều do các duyên hợp lại mà sinh ra rồi cũng do các duyên tan mà diệt. Vì vậy, do duyên sinh nên tất cả đều vô thường, nên không một lực hấp dẫn siêu hình hay vật chất nào làm dính mắc các ngài, sắc đẹp đến với Bồ-Tát Ngài vẫn nhìn nhưng sắc đẹp đi qua không lưu giữ, nên tâm lúc nào cũng thanh tịnh, tâm mở rộng đến vô biên, thương tất cả muôn loài mà vẫn chấp, không trụ, đến đi như gió thoảng mây bay, bầu trời lúc nào cũng xanh biếc.

Chúng ta có thể đưa câu này xuống bình diện đệ nhị nghĩa để và đưa vào kinh tế học “Quán Tự Tại Bồ Tát khi dùng con mắt trí tuệ để xem xét và thấy rõ rằng muốn làm cho quốc gia được hưng thịnh thì phải phát triển kinh tế. Muốn làm cho kinh tế phát triển, thì các ngân hàng luôn luôn xem tiền bạc là không, là vô thường, có như vậy hệ thống tiền bạc mới luân lưu đều đặn, ví dụ các ngân hàng cho các nhà kinh doanh vay tiền dễ dàng, họ mới có tư bản để đầu tư vào các dịch vụ như xây dựng các nhà máy, tạo các công ty, lập các companies, các corporation, mở các cửa tiệm vân vân. Dịch vụ càng nhiều thất nghiệp càng giảm, chính phủ thu được nhiều thuế, và giảm chi tiền để cung cấp nhân dân lao động bị thất nghiệp. Thế là nền kinh tế quốc gia luôn luôn khởi sắc, dân giàu nước mạnh.

Miền Nam Việt Nam bị rơi vào tay Cộng Sản cũng chỉ vì không xây dựng được kinh tế, tất cả chỉ nương tựa vào bè bạn từ A tới Z thêm vào đó là nạn phong kiến, độc tài, tham nhũng mà không ai chịu trách nhiệm, mình đã làm mất nước, có lỗi với quốc dân. Đó là khuyết điểm nặng nề nhất của các nhà lãnh đạo Miền Nam



đã để đất nước Việt Nam rơi vào các tay kẻ bán nước buôn dân, từ Hồ-Chí-Minh đến Nguyễn Tấn Dũng. Hiện nay quốc dân đồng bào Việt-nam đã thấy rõ ràng kẻ bán nước buôn dân và Tàu đang đô hộ Việt-Nam bằng chính sách tàn nghiệt nhất, chúng muốn giết sạch dân Việt-Nam bằng các hóa chất độc, bỏ vào các thức ăn, biến thịt hôi thối thành thịt tốt bằng chất hóa học, dùng mủ cao su làm gạo, chúng triệt để khai thác các quần mỏ như Bô-xít ở Tây Nguyên, tháo nước bùn đỏ để giết dân Miền Nam, cùng lúc thực hiện chính sách thực dân mới hiện đại nhằm cướp nước một cách nhẹ nhàng, người ngoài khó thấy, nhưng lưới trời lồng lộng, không ai tránh khỏi luật vô thường. các gốc cổ thụ Liên Xô và Đông Âu đã chết thì Cộng Sản Tàu hay Việt-Nam cũng sẽ chết không xa. Vì thế, những nhà lãnh đạo đất nước hậu Cộng Sản phải hiểu rằng vạn vật vô thường, lãnh đạo cũng vô thường, hiểu rõ như thế nhà nước phải biết mở rộng tâm hồn thật to lớn, buông xả, nỗ lực thực hiện tinh thần tự do dân chủ, để toàn dân tự do tham gia vào các việc ăn, nói, gói, xách, nói gọn là tự do dân chủ, phân Ba Quyền rõ rệt, tích cực giáo dục dân chúng bằng tất cả phương pháp tốt, phương tiện lành mạnh và thực lòng giúp dân xây dựng một nền kinh tế lớn, để đưa tổ quốc đi lên.

Xá-Lợi Phát nên biết, sắc bất dị không, không bất dị sắc. Trên phương diện kinh tế học chúng ta chuyển câu này xuống đệ nhị nghĩa đế, tức xã-hội nói rõ là kinh tế học: sản xuất tức tiêu thụ, tiêu thụ tức sản xuất. Nếu sản xuất không có thị trường tiêu thụ thì hàng hóa bị ứ đọng, các nhà máy bị đóng cửa, sản xuất chết. Ngược lại mức tiêu thụ nhiều nhưng hàng hóa không có, vì không có nhà máy sản xuất, thì tiêu thụ không có hàng. Vì thế



cung cũng là cầu, cầu cũng là cung hồ tương mật thiết, sắc bất di không, không bất dị sắc, sắc tức thị không không tức thị sắc. Nếu sắc cũng là không, không cũng là sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc bằng sản xuất tức tiêu thụ, tiêu thụ là sản xuất. Nói tóm lại, cặp ba duyên sinh, nên vô thường và không, thấy rõ như vậy nên vượt qua được mọi khổ ách trên đê nhất nghĩa để cũng như ngân hàng, sản xuất và tiêu thụ lưu thông đều đặn thì nhân dân vượt qua mọi nghèo đói, chậm tiến, nhà nước thu được nhiều khoản thuế, có nhiều tiền xây dựng quốc gia, dân càng giàu, nước càng mạnh. Và nạn thất nghiệp lại giảm, chính phủ thu nhiều mà chi ít cho lao động thất nghiệp. Đây chính là lý thuyết của Phật Giáo trên bình diện đệ nhị nghĩa để tức xã-hội. Nói gọn hơn, cặp ba ngân hàng, sản xuất, tiêu thụ phải được sinh cùng lúc trong kinh tế học hiện đại, để giải quyết nạn nghèo đói, chậm tiến và nô lệ. Nhưng ba nhánh này phải được đặt trên một thân lớn là Nhà Nước phải được thiết lập trên nền tảng dân chủ, tự do thực sự, tam quyền được phân định rõ rệt, luật pháp phải phân minh, để diệt trừ những kẻ gian hùng trong chính phủ cũng như trong xã-hội, có tâm bất chính lợi dụng quyền hành tham nhũng, gian lận làm việc phi pháp, vi phạm luật pháp, buôn dân bán nước.

**Hòa Thượng Thích Chơn Thành**

# NGUYỄN CÀU

thơ

**Thanh Tùng**

Tôi đứng đây nửa vòng trái đất  
Nhìn quê hương tiếng vọng dăng cao  
Bao hờn oán đòi quyền bình đẳng  
Tổ Quốc ơi ! Chẳng hiểu vì sao

Kẻ đói rách gọi trời cầu cứu  
Kẻ vô tâm vơ vét tận cùng  
Vòm ánh sáng soi vào bóng tối  
Đến bao giờ đảng Cộng cáo chung

Tiếng gào thét của người cùng khổ  
Hơn một lần đánh động lòng Trời

Lực đối lực vô thường võ lẻ  
Lắm kẻ giàu giết chết tình người

Tiếng kinh khuya nhất tâm cầu khẩn  
Ánh trăng đêm cảm ứng lạnh lùng  
Nỗi thất vọng than trời, trách đất  
Ấn ở đâu , hỏi những Anh Hùng

Chuông lay động Thiên đường mở cửa  
Tháng ngày Xuân hứa hẹn một mai  
Lòng tráng sĩ nổi đau se thắt  
Vết hằn nào nặng trĩu oằn vai

Dòng tâm thức thở dài lưu lượng  
Mẹ Việt Nam trần trở đau thương  
Đôi vai nhỏ cưu mang tình nước  
Năm tháng dài chỉ biết nhớ thương

Thành tích cũ chôn vùi kín đáo

*Sử thơm hương một thuở ân tình  
Người tuệ giác xem thường danh vọng  
Kẻ vô minh ám muội vô minh*

*Lạy đức Phật; Kính lạy Bồ Tát  
Cứu quê hương đất nước Việt Nam  
Khỏi ách nạn bạo quyền Cộng Sản  
Để người người thoát cảnh lâm than*

***Thanh Tùng***

# *Kỷ niệm ngày sinh*

**Thích Quảng Thanh**

*Tiếc nuôi chi đây, ngày sinh đã đến*

*Tiếc nuôi chi hơn, ta phải làm gì?*

*Ai ngời tiếc nuôi mây trời lãng đãng*

*Gió vẫn hững hờ năm tháng trôi qua*

Một con người có mặt trong cuộc đời, ai cũng có ngày sinh. Cho dù sang trọng hay nghèo hèn ngày-giờ-tháng và năm sinh gắn liền với cuộc sống hiện tại cho đến suốt cuộc đời bao gồm vui-buồn lẫn lộn. Làm nên sự nghiệp lớn hay khốn khổ tận cùng đều có ảnh hưởng ngày-tháng và năm sinh của con người, tạm hiểu qua lá số tử vi. Một bậc thầy thi sĩ giác ngộ có câu:

“Đứa oanh nhi nằm trong lòng mẹ

Nghệ sĩ là đứa bé hay chơi”

Bào thai nằm trong lòng mẹ như sẵn sàng tư thế để ra đời chào đón một bình minh nắng ấm. Ở đó 9 tháng thai nhi đã biết đợi chờ và hứa hẹn ngày mai.

Người mẹ mang thai có lẽ tâm sự khó mô tả bởi vì hoàn cảnh khác nhau. Nếu bà mẹ có địa vị cao sang và sống trong một môi trường tốt, chắc chắn bào thai ấy chịu ảnh hưởng rất tốt cho một tiến trình chờ đợi khai hoa nở nhụy. Nếu hoàn cảnh bất an vây kín bà mẹ mang thai oán thù chồng chất, dòng máu bà mẹ đã nuôi dưỡng bào thai ấy rất ư lợi hại cho một kiếp người mai sau.

Có những bào thai được chăm sóc chu đáo, tuy nhiên có những bào thai bị bạc đãi một cách tệ hại, bởi vì cha mẹ không được thuận hòa, đôi lúc xảy ra bạo động. Từ đó chữ nghiệp được khải niệm trên thân phận một bào thai vừa mới tượng hình! Có phải chẳng chữ nghiệp đã có một chiều dài quá khứ? Huyền thoại chữ nghiệp mang mang trời đất lạnh lùng! Ở đây và ở đó cơ hội nào sẽ chịu ảnh hưởng của một bào thai nằm trong lòng mẹ? Những tiếng cười, tiếng khóc, tiếng thở, tiếng ru, tiếng gọi... Phong cách nào đã chào đón một bào thai: Có bao nhiêu suy tư như những dòng sông trầm mặc lưu chuyển bênh bồng bất tận. Ở đâu đã mất tích, ở đâu còn lại chứng tích của một bào thai? Từ bậc Thánh nhân xuất hiện hay một bạo chúa trang điểm hình hài, có ai lường được hậu quả của một ngày sinh.

Trong những cách thể hiện và bày tỏ, “cái ta hay cái tôi” động lực rất mạnh. Tôi và cái của tôi khó mà chối bỏ trong cách thể

hiện của con người. Ngôn ngữ bắt đầu là tôi. Ô hay! ai cũng thể để xác định và hành động biểu thị cái “danh” của mình. Cái danh dự ấy tự mình làm nên để được thừa hưởng, cũng có thể người khác tạo cho mình được gọi là hưởng lây. Cả hai nó đều thể hiện qua cá tính năng động hay yếm thế của con người. Tĩnh hay Động tập quán ấy đã lưu trữ trong ánh mắt nhạy cảm phiêu bông. Thái độ trầm tư sâu lắng hay cá tính bộc trực quả nhiên khá phức tạp trên một lộ trình giác ngộ.

Ai đó làm sinh nhật của mình để tạo niềm vui, con cái làm sinh nhật cho cha, mẹ để bày tỏ lòng hiếu kính, đệ tử tổ chức sinh nhật để nhớ ơn bậc thầy tổ đã dày công, nhân loại trang trọng tổ chức sinh nhật để tưởng niệm bậc thầy đã truyền bá đạo giáo ngộ và giải thoát. Những hình thức được phô trương theo nghi thức truyền thống có đa dạng, nhưng tựu trung làm thế nào để thể hiện được tinh thần văn hóa rất quan trọng trên mọi bình diện lễ nghi đặc thù. Phong cách thiếu văn hóa, dĩ nhiên rất ư tệ hại! Văn hóa phát sinh phong cách trượng phu, quân tử hay con người làm phát sinh văn hóa tiêu biểu? Tất nhiên tùy thuộc tư cách sống minh triết hay trái lại. Người chịu ảnh hưởng là ai và có gì đáng học hỏi.

Bậc Thánh nhân xuất hiện trong đời nhân loại chịu ảnh hưởng triết lý sống phong phú tốt đẹp. Minh quân xuất hiện trong đời-dân tộc ấy có cơ may sống ấm no hạnh phúc. Bạo chúa xuất hiện vào đời chẳng phải một dân tộc mà nhiều dân tộc sẽ bị điêu đứng bởi chiến tranh tràn đầy tham vọng. Một quốc gia tạo nên bạo chúa thì thật là bất hạnh cho hàng triệu người sống bất an



bởi thiếu hòa bình. Nhưng khổ nỗi quá khứ ấy ân oán chập chùng làm thay đổi, đổi thay bối cảnh lịch sử. Một bạo chúa có thể tạo nên lịch sử rùng rợn bất chấp người đời nguyên rủa thậm tệ. Từ nhân chủng ấy nghiệp dày và trở nên luẩn quẩn ra vào các nẻo luân hồi khổ ải. Chém giết nhau đều có một lý do bí ẩn. Nếu chịu khó khai thác, chúng ta sẽ tránh được những gì đáng sợ ẩn tàng trong nghiệp quả.

Bậc Thánh nhân cũng không đứng ngoài ân quả, song họ được nhiều ân huệ tốt bởi các hành động vị tha bình đẳng. Phong thái đạo sư ung dung tự tại bởi vì họ biết xem thường danh vọng. Lãnh tụ bạo chúa coi trọng danh dự và quyền lực khi hành xử đối với con người - nhất là kẻ đối lập. Cho dù có khác biệt qua cách ứng xử như thế nào, nhưng trách nhiệm không ai khác hơn là mình phải gánh vác cái quá khứ ấy.

Cho nên sách có câu:

**“Bồ Tát sợ nhân – chúng sanh sợ quả”**

Nói khác đi một cách thi vị: Đại dương đa tình sắc tức không, dòng sông huyền thoại nổi lòng người đi.

Thật vậy, nếu nguyên nhân không có phát sinh thì đâu có hưởng ân quả. Nếu ngày sinh ấy được khai thị tốt đẹp quả nhiên tốt vô vàn! Nếu khôn ngoan khi lên ba nó đã thể hiện cá tính phi

thường. Có thể cha - mẹ chọn đường cho cô- cậu ấy, hay chính họ đã tự chọn ngày sinh để chào đời bằng tiếng khóc tu...oa...Hiện nhiên là có hạnh phúc hay trái lại từ buổi ban đầu. Chung quanh kỷ niệm ngày sinh ấy đáng nhớ trong ánh mắt từ dung của mẹ hiền. Dù đời có ra sao, mẹ vẫn là mẹ cho con dòng sữa ngọt ngào!

Ngày sinh của bạn được nhớ nhiều nhất khi bước vào cuộc đời. Bốn mùa lưu chuyển không dừng lại bao giờ, cho dù có thăng trầm ra sao bạn vẫn nhớ ngày sinh nhật được bố hay mẹ kể lại. Nhưng có trường hợp không có ai kể lại ngày sinh ấy thì sao? Vận mệnh của một dòng đời, làm chủ hay người ở mướn cũng là con người, nhưng thân phận có khác nhau. Thế thì hãnh diện về mình hay mặc cảm vì mình có khác biệt khi cảm xúc dâng cao.

Vâng! Chúng ta nên nhớ tiền vận, trung vận và hậu vận đang tiềm ẩn trong đời sống với thời gian. Trang lịch sử có đầy sắc hương rực rỡ hay trang lịch sử điếm tô bằng máu và nước mắt đau thương, bạn nên khám phá nguyên nhân. Người ta đem so sánh đời sống thực tại sẽ cảm nhận được những việc làm cần thiết khi hiện hữu trong cuộc đời này. Bồ Tát hướng tới phương trời cao rộng và lập hạnh nguyện bất phân. Cho đi mà không cần nhận lại đích thực là Tâm Đại Bi, mình tự định hướng phát Bồ Đề Tâm. Người khác định hướng cho mình, điều nào thú vị hơn? Bạn hãy tự chọn cho mình một hướng đi về như khi bạn đã chọn ngày sinh ra đời.

Đức Phật là bậc thầy giác ngộ, Ngài cũng đã chọn ngày đản sinh tuyệt vời! Ngài là cư dân nước Ấn Độ trong thời kỳ vàng son rạng rỡ. Theo tinh thần bồ xứ, Ngài đến từ cung trời Đâu Xuất trong một buổi sáng bình minh rực rỡ, chim muông líu lo chúc tụng giữa muôn hoa đua nở như chào đón bậc thầy xuất trần thượng sĩ. Dấu ấn của ngày sinh ấy được tôn quý và ghi ân.

Thái Tử Sĩ Đạt Đa thông minh nhân hậu khả ái, khả kính thời bảy giờ. Những cảm xúc của Ngài thể hiện tính bao dung độ lượng vượt hẳn sự bình thường của thế nhân. Bất cứ bình diện nào Ngài thể nghiệm đều có thực chứng sâu sắc nội tại. Khai phóng và khám phá, Sĩ Đạt Đa Ngài không xem thường cơ hội kinh qua, Ngài là bậc thầy của những bậc thầy nổi danh hay ẩn danh.

Những âm hưởng của Ngài trải qua nhiều biến cố nhưng vẫn không phai mờ chứng tích truyền thừa. Trân quý và chiêm nghiệm chân lý của các bậc Long Trượng thiền môn lúc nào cũng đánh động tâm thức hiển dương. Những di sản nghệ thuật-văn hóa của đạo Phật đã hòa nhập vào di sản văn hóa của dân tộc không trái nghịch hoang đường. Cho dù cung đình hay dân gian, tính dung hòa của Phật Giáo và dân tộc rất hài hòa phóng khoáng. Tất cả những gì tiêu biểu của nền văn minh thời thượng đã giúp cho Phật Giáo sáng tỏ hơn, nhất là trên bình diện khoa học. Nối kết triết học Đông và Tây để quân bình đời sống lành mạnh, các nhà lãnh đạo Phật Giáo đang khai thác, tri cập khả năng và phương tiện hiện đại. Cứu cánh con đường ngôn ngữ ai cũng có quyền cảm nhận sự huyền diệu minh linh. Cấu trúc

ngôn ngữ ấy mô tả nội tâm siêu việt vô ngần! Nghĩa là vừa thực và không thực trên mọi hiện tượng điều ấy không thể đơn thuần xử dụng khả năng tín ngưỡng mà phải hạ thủ công phu để đổi lấy kinh nghiệm. Cần có kinh nghiệm cũng phải trả giá để hiểu định luật thông thường. Khả năng vượt thoát chướng ngại hay chịu đầu hàng trước nghịch cảnh có phần ảnh hưởng ngày sinh và năm-tháng. Cuộc đời giàu có hay thân phận nghèo hèn đều có số, tuy nhiên có thể làm thay đổi được mọi thứ bằng khả năng tuệ giác.

Phương pháp giáo dục của đạo Phật đặt nặng đời sống nội tâm. Nếu tâm không được tốt sẽ biến tướng bất an lo âu và sợ hãi.

Lắm lúc nghe đâu đó thờ dài qua câu: **“Lực bất tòng tâm”**.

Nghĩa là khả năng không theo ý muốn để thành một cái gì đó. Phước đức không làm mà mong giàu có, ấy thật xa vời! Do vậy, ta nên học hạnh phát Bồ Đề Tâm trồng hoa bất diệt trong vườn sinh diệt. Phải hiểu rằng, mỗi người có một kỹ năng đặc biệt cần phải khai thác chính mình. Mình mà không hiểu được mình là có vấn đề. Cần phải thực tập để cân bằng thân tâm của mình trong tư thế sẵn sàng đối diện, ấy là tính quả cảm rất con người. Mỗi ngày ta làm được một việc có ý nghĩa không thích thú sao? Không bị ai bắt mình làm quả nhiên hạnh phúc tuyệt vời! Không chạy theo xu hướng trào lưu thời thượng lại càng tốt hơn. Nghĩa là làm bằng sự hiểu biết và cảm thông độ lượng.

*Thế sự thăng trầm, ai nhường vì ai*

*Tiếng ru của mẹ sưởi ấm hình hài*

*Ngày sinh còn đó bình tâm tươi tắn*

*Ánh sáng huy hoàng rạng rỡ tương lai.*

Kỷ niệm ngày sinh người Âu Mỹ rất quan tâm khi còn sinh tiền, kể cả khi đã chết. Người Việt Nam rất quý trọng ngày cha-mẹ đã qua đời. Cả hai đều thể hiện tấm lòng kính đối với truyền thống gia đình có văn hóa và giáo dục.

Giao cảm ai mà chẳng có? Ngày sinh của bậc tôn quý được nhân loại tri ân chưa bao giờ đặt vấn đề khép lại. Từng thế hệ được tưới tẩm chất liệu từ bi của đạo giác ngộ để trưởng thành trong ánh hào quang của đức Phật. Ở đây, ở đó năng lượng dưỡng sinh được hiến tặng cho từng sự sống bất phân chủng loại. Ánh mắt thương nhìn cuộc đời mẹ hiền bao giờ cũng huyền diệu nhiệm màu. Bàn tay của bạn có những đường gạch dọc ngang không ai có thể vẽ nổi vận mệnh lạ lùng.

Nói tóm lại, sắc không, không sắc lạnh lùng hư vô! Kỷ niệm ngày sinh, ta ôn lại những bước đã kinh qua và trang điểm thực tại để thích ứng ngày mai trên lộ trình giác ngộ.

Ngày sinh của bạn có thể đã giúp bạn hiểu được nhiều vấn đề, từ đó bạn có thể chuyển hóa mọi vấn đề để được tốt hơn. Không một ai có thể phủ nhận phước đức mà được trưởng thành trong môi trường tốt đẹp.

Ngày sinh của bậc đạo sư hay vị anh hùng của dân tộc mãi mãi được ghi nhớ.

Santa Ana Mùa Đản Sinh Đức Phật 2556-2012

**Thích Quảng Thanh**

# Những sắc thái đặc thù của Phật giáo

Nguyễn Trần Ai

## Bài I. Bản Thân Đức Phật

### Chương IV. Câu Thi Na

#### Tiết IV. Giáo Điển

### IV.3. PHƯƠNG ĐĂNG KINH

**IV.3.1. THẮNG MAN SƯ TỬ HỒNG NHẤT THỪA ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHƯƠNG QUẢNG KINH** (srimaladevi Simhanadavaipulya sutra) là một bộ kinh Đại thừa được hai vị cao tăng Ấn Độ dịch sang Hán văn. Bản thứ nhất của Cầu Na Bạt Đà La (Gunabhadra) dịch đời Lưu Tống (435-443) dưới tên trên. Bản thứ hai của Bồ Đề Lưu-Chi (508-535) dưới tên Thắng Man Phu Nhân Hội vì kinh này là hội 48 của Kinh Đại Bảo Tích mang tên hội "Phu nhân Thắng Man", 1 quyển.

Kinh tương đối ngắn, bao gồm 15 phẩm. Phẩm thứ nhất nói về đức tính chân thật của Như Lai và việc công chúa Thắng Man được Phật thọ ký. Phẩm 2–4 nói về việc phát triển Bồ-đề tâm. Phẩm 5–15 gọi chung là “nhập Như Lai tạng” nói về việc xác quyết Nhất thừa (ekayana), về Như Lai tạng (tathagatagarbha),



Pháp thân (dharmakaya), bản tính thanh tịnh. Kinh thường được so sánh với các kinh luận như Bảo Tánh luận, Nhập Lăng Già, Đại thừa khởi tín luận... Kinh được Wayman dịch sang Anh ngữ năm 1974.

Nhân vật chính trong Kinh là công chúa Thắng Man (Srimala), con gái Vua Ba Tư Nặc (Prasenajit) nước Xá Vệ (Sraavastī), Ấn Độ, do sự gợi ý của Đức Phật, trình bày quan điểm rằng Phật vì Đại thừa thuyết pháp và pháp này bao gồm tất cả ba cỗ xe (ba thừa). Thắng Man nêu ba hạng người có thể đi trên đường Đại thừa, đó là

1. Hạng người thực hiện được Trí huệ vô thượng một mình;
2. Hạng người nhờ nghe pháp mà đạt trí huệ;
3. Hạng người có Tín tâm (sa. śraddhā), tin tưởng Phật pháp, mặc dù không đạt được trí huệ tột cùng.

Sự kiện vai chính là một phụ nữ (bà Thắng Man) khiến cho Kinh khác hẳn với các kinh điển khác. Trong Kinh, Đức Phật bảo đảm rằng phái nữ có thể thành Phật, vì vậy nó đã được dùng để hỗ trợ quan điểm cho rằng phụ nữ cũng có thể trở thành Phật.

Đây là lý do khiến Thái Tử Thánh Đức thuyết giảng cho mẫu hậu Thôi Cỗ (Suiko) là vị nữ Thiên Hoàng đầu tiên trong lịch sử Nhật, và sau đó ông đã viết phần chú giải với nhan đề “Thắng Man Nghĩa Sớ”, là tác phẩm sớm nhất trong số ba cuốn “Tam Kinh Nghĩa Sớ” do ông biên soạn. Đây cũng là tác phẩm Phật

giáo đầu tiên do một người Nhật viết, cho nên thái tử được coi là sáng tổ Phật giáo Nhật.

**IV.3.J. KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN** (Mahaparinirvana Sutra) quan trọng vì Kinh ghi lại những lời thuyết giảng của Đức Phật Thích Ca ngay trước khi Ngài nhập diệt và bao gồm những sự tích liên quan tới những chuyện xảy ra trước và chứa đựng những dữ kiện lịch sử quan trọng sau khi Ngài nhập diệt.

Nguyên nghĩa chữ “Niết Bàn” là “tiêu diệt ngọn lửa dục vọng và đạt tới trạng thái giác ngộ”. Nếu xét theo nghĩa này thì khi Đức Phật đạt tới giác ngộ ở tuổi 35 thì lúc đó ngài đã nhập Niết Bàn. Nhưng vì không thể hoàn toàn diệt trừ những phiền não, dục vọng trong khi nhục thân vẫn còn tồn tại, cho nên sự nhập diệt của Ngài được gọi là Đại Bát Niết Bàn – mahaparinirvana – có nghĩa là “trạng thái đại an tịnh trong đó các ngọn lửa của dục vọng, phiền não đã hoàn toàn dập tắt” và về sau này nhóm chữ “nhập Niết Bàn” được người ta dùng như là “chết đi”.

Tâm Diệu viết “Lời Giới thiệu” cho bản Việt dịch “Kinh Đại Bát Niết Bàn” của HT Thích Trí Tịnh, Tịnh xá Minh Đăng Quang, Hoa Kỳ xuất bản 1990 (có thể xem được ở trang nhà Thư Viện Hoa Sen hay trang nhà Quảng Đức), cho biết nhiều chi tiết về Kinh như sau:

*Có hai bản Kinh Niết Bàn của Phật Giáo Nam Tông và Phật Giáo Bắc Tông. Kinh Đại Bát Niết bàn của Nam Tông, được tìm thấy trong Kinh Trường Bộ, [Kinh Đại Bát Niết Bàn, (Hệ Pali), Việt dịch: Hòa Thượng Thích Minh Châu, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam ấn hành năm 1991]. Còn Kinh Đại Bát Niết Bàn của Phật Giáo Bắc Tông bao gồm hai bản: (1) Phật Thuyết Phương Đăng Bát Nê Hoàn Kinh, do ngài Dharmaakṣa (265-316), đời Tây Tấn dịch và (2) Đại Bát Nê Hoàn Kinh, do ngài Pháp Hiền và Buddhābhaya đời Đông Tấn (317-420) dịch. Bản Việt ngữ của Phật Giáo Bắc Tông do Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch từ bản Hán văn, Tịnh Xá Minh Đăng Quang, Hoa Kỳ tái xuất bản năm 1990, dày 1500 trang gồm tất cả hai mươi chín phẩm (chương), được phân ra làm hai quyển, quyển 1 từ phẩm 1 đến phẩm thứ 21 và quyển hai từ phẩm 22 đến phẩm 29.*

*Kinh Đại Bát Niết Bàn, vì là lời nói sau cùng của Đức Phật, trước khi Ngài Niết Bàn, nên bao quát hầu như đủ mọi thắc mắc của chúng sinh. Vì thời gian có hạn nên lời Ngài dạy rất cô đọng, nhưng minh bạch, rõ ràng. Thí dụ như nơi Phẩm Kim Cang Thân thứ năm và Phẩm Như Lai Tánh thứ mười hai, ngài giải thích cặn kẽ về Chân Ngã hay Phật Tánh, đó chính là bản thể thanh tịnh thường hằng bất biến của tất cả mọi loài chúng sinh, mệnh môn như hư không, thường trụ bất hoại, tuy vậy bản thể ấy không phải tất cả chúng sinh là một, nhưng cũng không phải là khác, vượt ra khỏi tư tưởng suy nghĩ thông thường của đời sống tương đối hiện tượng, cho nên gọi là bất khả tư nghị, tức không thể nghĩ bàn, nhưng chính là cái chân thật của mọi chúng sinh, không phải là cái "Tôi" ô nhiễm tham sân si, đầy vướng mắc khổ vui vô thường này. Bản thể ấy tràn ngập*

*khắp nơi nhưng chúng sinh bị trói buộc vì phiền não, tham sân si nhiễm ô che mờ nên không thấy được. Bản thể ấy luôn luôn sẵn sàng, tịch tĩnh hiện diện, nên gọi là Như Lai.*

*Vấn đề Hộ Pháp. Phật tử chúng ta thường quan niệm rằng hộ pháp là đến chùa làm công quả hoặc đem tiền bạc vật chất đến chùa cúng dường là tròn bổn phận. Trong kinh, đức Phật dạy rằng Ngài giao cho tứ chúng Phật tử gồm Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, nam Cư sĩ và nữ Cư sĩ, tất cả đều phải có nhiệm vụ hộ pháp, nghĩa là giữ gìn sao cho chánh pháp khỏi bị mang tiếng oan vì những người phá giới, khiến cho người đời mất niềm tin, mất cơ hội thấm nhuần dòng sữa Phật pháp. Đó mới là chân chính hộ trì chánh pháp. Đạo Phật là đạo bình đẳng, không khi nào dung dưỡng một loại người đặc biệt nào được quyền phá hoại uy tín của đạo Phật một cách tự do, thoải mái, mà mọi người vẫn phải nhắm mắt bịt tai lại mà cung kính cúng dường. Nếu như thế tức là a dua, đồng lõa với kẻ phạm pháp. Chữ Tăng ở câu kinh Phật trọng Tăng phải hiểu nghĩa là thanh tịnh Tăng.*

*Về vấn đề đức Thích Ca sơ sinh bước bảy bước và nói "Thiên thượng Thiên hạ duy Ngã độc tôn", nơi Phẩm Tứ Tướng thứ bảy, ngài cũng nói rõ rằng Ngã đây chính là Như Lai, là Chân Tâm, Phật tánh, là thân Kim Cang bất hoại, chứ không phải là Ngã của Thái Tử Tất Đạt Đa. Cũng trong phẩm đó, vấn đề ăn thịt cũng được Ngài căn dặn rất kỹ lưỡng.*

*Bộ kinh Đại Bát Niết Bàn được ngài nói khi sắp thị hiện Niết Bàn. Biết rằng Ngài không còn tại thế để hằng ngày giải đáp thắc mắc cho chúng sinh nữa, nên chư đệ tử đã hỏi và Ngài đã giảng gần như đủ loại vấn đề. Ngài còn dặn kỹ rằng vì phương tiện độ sanh, tùy theo thời điểm và tâm chúng sinh đương thời, nên đôi khi có những lời dạy Ngài phải giản lược, chưa đi tới được rốt ráo, cho nên có những kinh ngài gọi là kinh bất liễu nghĩa. Nay, lời cuối cùng, nơi Phẩm Tứ Y thứ 8, ngài dặn lại rằng chúng sinh phải y chỉ kinh liễu nghĩa, là kinh với mục tiêu tối hậu, nói về Giác Tánh của chúng sinh, về Trí tuệ bát nhã, chỉ cho chúng sinh con đường hội nhập lại bản thể thường hằng bất biến, giải thoát hoàn toàn.*

*Chúng tôi thiết tha mong mỗi chư vị dành thì giờ xem toàn thể bộ kinh, tất cả mọi phẩm, tất cả đều là cam lộ thủy, xem rồi lắng tâm suy nghĩ cảm nhận sâu xa từng lời dạy cuối cùng của Đức Phật, tâm càng an tịnh thì lời dạy càng thấm thía, càng thấy ánh sáng của lời kinh rọi vào đủ loại thắc mắc, lẩn khuất trong tâm, sẽ thấy bừng sáng lên lời giải đáp, sẽ thấy tín tâm càng tăng trưởng, càng tích cực cố gắng "không làm điều ác, siêng làm điều lành, thanh tịnh hóa tâm ý" hơn nữa.*

Tâm Diệu.

HT Thích Trí Tịnh dịch bộ Kinh Bắc Tông. Tác giả Trịnh Nguyên Phước của bài “Độc Kinh Đại Bát Niết Bàn” ngày 12.12.2007 trình bày về bộ Kinh Nam Tông (có thể đọc được trên trang nhà Quảng Đức) như sau:

*Kinh Đại Bát Niết Bàn (Maha-Parinibbana-sutta), gọi tắt là Kinh Niết Bàn, là một bài kinh tương đối ít được biết đến trong giới Phật tử, ít được giảng dạy và tụng niệm tại các chùa chiền. Điều đó không khỏi làm chúng ta ngạc nhiên, bởi vì bài kinh này đứng một vị trí quan trọng, có thể nói là duy nhất, trong kho tàng kinh điển Phật giáo, vì một số lý do: thứ nhất, đó là một tài liệu lịch sử, xã hội quý báu về giai đoạn cuối đời đức Phật ; thứ nhì, kinh chứa đựng một cách cô đọng những điểm căn bản, chính yếu của giáo lý đạo Phật ; và thứ ba, kinh cho ta thấy sự chuyển biến từ một con đường giải thoát dưới sự hướng dẫn của một vị thầy, tới một tín ngưỡng dân gian với sự sùng bái di tích của một đấng Thế Tôn.*

### **Nguồn gốc của Kinh**

*Kinh Đại Bát Niết Bàn là bài kinh nói về giai đoạn cuối đời của đức Phật Thích Ca, từ sáu tháng trước cho tới khi ngài viên tịch, tức là nhập Bát Niết Bàn.*

*Đầu tiên, chúng ta hãy tìm hiểu về ý nghĩa của tên kinh: “Đại Bát Niết Bàn” (Maha-Parinibbana).*

*Maha tiếng Pali có nghĩa là to lớn (tiếng Hán là Đại), pari là hoàn toàn, nibbana là Niết Bàn. Parinibbana (phiên âm sang tiếng Hán là Bát Niết Bàn) là sự tịch diệt hoàn toàn (extinction complete), sự chấm dứt hoàn toàn và vĩnh viễn của vòng sanh tử. Đó là từ dùng để chỉ định sự ra đi, lìa khỏi cõi đời của các vị Phật Chánh Đẳng Chánh Giác (samma sambuddha), Phật Độc*

*Giác (pacceka-buddha) và A La Hán (arahant)(chú thích 1), khác với cái chết của người thường (marana).*

*Ngoài ra, khái niệm “hoàn toàn tịch diệt” (parinibbata) cũng được dùng để chỉ định trạng thái tâm linh của các vị Phật, Độc Giác và A La Hán, khi còn tại thế.*

*Do đó, chúng ta thấy có mặt trong kinh điển hai từ:*

*1) sopadisesa parinibbana, là sự tịch diệt hoàn toàn, sự nhổ tận rễ những lậu hoặc, ô nhiễm, kiết sử, nhưng vẫn còn những thể chất của đời sống (Hán: hữu dư y Niết Bàn).*

*2) anupadisesa parinibbana, là sự tịch diệt hoàn toàn, ngay cả những thể chất của đời sống (Hán: vô dư y Niết Bàn). Đó là khi các vị Phật, Độc Giác và A La Hán lìa bỏ thể xác và cõi đời.*

*Sopadisesa parinibbana còn được coi như là kilesa parinibbana, sự dứt bỏ hoàn toàn những ô nhiễm, kiết sử, và anupadisesa parinibbana như là khandha parinibbana, sự dứt bỏ hoàn toàn những uẩn.*

*Như vậy, không phải chỉ có đức Phật Thích Ca mới nhập Bát Niết Bàn, nhưng Kinh Đại Bát Niết Bàn (chữ Đại chỉ định sự tôn kính) là bài kinh nói về sự nhập Bát Niết Bàn của đức Phật Thích Ca.*

*Để tránh mọi ngộ nhận, chúng ta phải nói ngay rằng có hai bài kinh mang tên là Đại Bát Niết Bàn:*

*- một bài thuộc hệ Phật giáo Nguyên Thủy (Nam tông), nguyên văn viết bằng chữ Pali, và*

- một bài thuộc hệ Phật giáo Đại Thừa (Bắc tông), nguyên văn viết bằng chữ Phạn (sanskrit), dịch sang chữ Hán và chữ Tây Tạng. Phải nói rằng đó là một trong những bài kinh nguyên văn chữ Phạn hiếm có còn tồn tại, đa số những bài khác đã bị thất lạc và chỉ còn lại dưới bản dịch sang chữ Hán và chữ Tây Tạng.

Kinh Đại Bát Niết Bàn Nguyên Thủy, viết bằng chữ Pali (Maha-Parinibbana-sutta), là bài kinh dài nhất trong Tam Tạng kinh điển (Tipitaka), thuộc vào Trường Bộ Kinh (Digha-nikaya). Người ta cho rằng bản kinh ban đầu được thành hình mấy chục năm trời sau khi đức Phật tịch diệt, bằng tiếng Prakrit, một ngôn ngữ rất gần với tiếng Pali, và sau đó bị nhiều đổi thay trong một, hai thế kỷ tùy theo những nhu cầu giáo lý và tổ chức của đoàn thể tăng già. Lời kinh được truyền khẩu từ thế hệ này qua thế hệ khác, và chỉ được ghi chép lại vào khoảng thế kỷ thứ 3 trước CN. Toàn phần kinh Pali được ghi chép vào khoảng thế kỷ thứ 1 trước CN, nhưng vẫn còn tiếp tục được truyền khẩu nhiều năm sau.

Kinh Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, nguyên văn bằng chữ Phạn (Maha-Parinirvana-sutra) thuộc vào trường phái Mula-Sarvastivada, một chi nhánh của phái Sarvastivada (Nhất Thiết Hữu), xuất hiện khá muộn và thất truyền từ lâu. Kinh được dịch sang chữ Hán từ khoảng thế kỷ thứ 3 tới thứ 5 sau CN, dưới những tựa đề khác nhau (Phật Thuyết Phương Đẳng Bát Nê Hoàn Kinh, Đại Bát Nê Hoàn Kinh,...). Một trong những bản đó là do ngài Pháp Hiển sang Tích Lan mang về và dịch cùng với Buddhabadra năm 417. Năm 421, tại miền Bắc Trung Hoa, nhà



*sư Ấn Độ Dharmaksema cũng dịch một bản kinh dài hơn, được bổ túc bằng một số đoạn trong một bản kinh viết tay tìm thấy tại Khotan (miền Tây Tân Cương).*

*Tại Tây Phương, Kinh Đại Bát Niết Bàn đã được giới học giả đặc biệt chú ý đến từ cuối thế kỷ 19 qua những bản dịch từ tiếng Pali sang tiếng Anh bởi T.W. Rhys-David (1881, 1910), qua những công trình nghiên cứu tiếng Đức của E. Waldschmidt (từ 1944 đến 51) và nhất là qua công trình nghiên cứu của nhà Phật học Pháp André Bareau (từ 1970 đến 75).*

*Trong những học giả Tây phương, có lẽ André Bareau là người đã có công phu nghiên cứu nhất về các bản kinh Đại Bát Niết Bàn. Ông đem đối chiếu 7 bản kinh khác nhau, 1 viết bằng chữ Pali, 1 bằng chữ Phạn và 5 bằng chữ Hán, soạn thảo trong những thời kỳ khác nhau và thuộc về những trường phái khác nhau.*

*Về bản dịch ra tiếng Việt, thì cũng có hai bài kinh Đại Bát Niết Bàn, một bài dịch từ chữ Pali bởi HT Thích Minh Châu, và một bài dịch từ chữ Hán bởi HT Thích Trí Tịnh.*

*Như đã nói trên, chúng ta nên để ý đó là hai bài kinh khác nhau, một bài thuộc hệ thống Nguyên Thủy, và một bài thuộc hệ thống Đại Thừa.*

*Tuy rằng cả hai đều có liên quan tới giai đoạn cuối đời của đức Phật trước khi ngài nhập Bát Niết Bàn, nhưng có nhiều sự khác biệt về hình thức cũng như về nội dung. Bài kinh Đại Thừa dài hơn bài kinh Nguyên Thủy nhiều, vì có thêm nhiều bài kinh khác. Bản dịch của HT Thích Trí Tịnh được in làm 2 quyển, dày 1500 trang, chia ra làm 29 phẩm, trong khi bản dịch của HT Thích Minh Châu chỉ có 53 trang A4, chia ra làm 6 phẩm. Trong kinh Nguyên Thủy, đức Phật giảng dạy cho Ananda (A Nan), vừa là em họ, thị giả và đệ tử thân cận nhất của ngài, trong khi trong kinh Đại Thừa, đức Phật giảng dạy cho Maha-Kassapa (Đại Ca Diếp), là vị đại đệ tử của ngài. Chúng ta sẽ bàn sau về những khác biệt về nội dung của những lời giảng dạy đó.*

*Trong khuôn khổ bài này, chúng ta sẽ chủ yếu nói về Kinh Đại Bát Niết Bàn Pali, vì những lý do sau: thứ nhất, đó là bài kinh xuất hiện sớm nhất đứng về mặt lịch sử, thứ nhì (cũng liên quan đến điểm trên), những sự kiện lịch sử, xã hội có khả năng được mô tả một cách trung thành nhất, và thứ ba, những lời giảng dạy trong kinh có khả năng gần với những lời dạy cuối cùng của đức Phật nhất.*

Tác giả kết luận bài trình bày uyên bác như sau:

*Kinh có thể được tóm tắt bằng bài kệ Ngài nói, vào cuối phẩm 3:*

*“Tuổi ta đã già,  
Cuộc sống nay chấm dứt.  
Các người ở lại, ta sắp ra đi.  
Sẵn sàng trú ẩn nơi mình.  
Hỡi các tỳ kheo!  
Hãy chánh niệm, tỉnh giác,  
Trì giới, định tâm, nhiếp ý.  
Ai tinh tấn trong Pháp và Luật này,  
Sẽ lìa vòng sanh tử, chấm dứt khổ đau”.*

Với hai trích đoạn trên đây, thiết tưởng không cần thêm gì nữa.

(Còn tiếp)

**Nguyễn Trần Ai**

# Thiên ngữ qua thi ca

**Như Hùng**

Thi nhân, được ví như con chim lạ từ phương xa, bay đến trần gian để ngửa cổ hát chơi, đem lời thơ biến thành điệu nhạc, đưa con người về từng bến đỗ, trải cảm xúc của mình lên từng giai điệu cung bậc, gieo rắc vào lòng người những âm hưởng khác nhau, dẫn chúng ta đến thế giới muôn màu hương sắc. Ở đó có núi sông với mây trời lãng đãng, gió mát trăng thanh soi bóng trên từng nỗi thương nhớ, có gió mưa đọng lại nơi mí mắt bờ môi, hoa thơm cỏ lạ điểm tô lối đi nẻo về, có khúc hoan ca rộn ràng vang vọng theo nhịp bước, có ngang trái phủ đầy lên từng tâm cảnh. Tất cả như một bản hoà tấu vô tận lên cung bậc tử sinh, từ khởi đầu đến chung cuộc, từ nhị nguyên đến thường hằng tự tánh. Cuối cùng từ đâu đến rồi sẽ phải trở về nơi chốn ấy, đi trong bình minh nắng ấm với hoa thơm ngập lối, hay đi trong mưa chiều rả rích với nhớ thương trĩu nặng? Điều tùy thuộc vào từng tâm thức, từng bước đi chung cuộc của mỗi chúng ta. Từ trong tận cùng tâm thức, sự rung động mãnh liệt bật dậy quyện với đôi tay phù phép, thế là lời thơ chấp cánh tung bay, thi nhân đưa ta đến thế giới sắc màu của thiên đường hy vọng, hoặc dẫn ta đến với đôn cô lạnh lẽo. Thông thường bài thơ dễ đi vào lòng người, là bài thơ đọng đầy cảm xúc buồn vui, chợt đến chợt đi, nhớ thương dâng trào, ướt át tràn ngập. Một dạng tâm thức khá phức tạp phổ biến trong mỗi chúng ta, thi nhân trải lòng, lên tiếng dùm cho đối tượng, nên ta dễ dàng cảm thông

đón nhận. Vì đó là cái bản năng tâm lý thường tình đang sống và thở ở trong ta.

Cuộc đời giống như một bài thơ, với đầy đủ âm vang giai điệu, vui buồn lẫn lộn, hạnh phúc khổ đau, thi nhau tung hoành ngang dọc, kéo ta mãi miết trôi lăn trong mịt mù sinh tử. Thật ra ở một chừng mực nào đó, cuộc đời vốn mặc nhiên đến đi như vậy, nhưng do chúng ta vọng động khuấy nhiễu, khiến cho rối mù lên, không nhận ra được đâu là nguồn cội của từng vấn đề, nên cứ mãi miết lang thang lạc bước. Nếu ta biết sống trong sự vận hành tự nhiên của muôn vật, nhận ra được lẽ biến dịch của vô thường sanh diệt, với cái tâm nhẹ nhàng, không mảy may lo sợ, những gì đến cứ thế mà đến, những gì đi cứ thế mà đi, thì cuộc đời đông đầy hoa thơm cỏ lạ, một bài thơ hay cùng tuyệt trong kiếp nhân sinh. Sự có mặt của thi ca, mang đến cho ta những khoảnh khắc ý nghĩa, hạnh phúc chớp cánh lớn thêm, hay nỗi đau lại càng nâng cấp. Điều quan trọng, làm sao ta mở ra được lẽ diệu huyền, đưa tâm thức của mình thâm nhập vào từng biến động, truy tìm nguyên nghĩa những gì ta đang sống và nhận lãnh.

Thiền gần với thi ca ở điểm nương vào hình ảnh để bật dậy cảm xúc, mà không đi qua trình tự suy luận của ý thức, bởi lẽ khi sử dụng đến suy luận, tức khắc ta bị đẩy qua lối mòn thông tục, trở thành nô lệ, một thứ sản phẩm mang tính chi phối của ý thức năng động. Đứng về khía cạnh giác ngộ thì không thể tồn tại tâm thức chỉ đơn thuần chất đầy cảm xúc, nó phải được chuyển hoá nâng cấp bằng một thứ năng lượng cao tột để chiêm ngòi cho

giác ngộ. Khi nào tâm thức chưa hoán chuyển để được tỉnh tường sáng tỏ, ta vẫn là kẻ ngủ say trên lối mòn giấy chết của tâm ý, cứ thế lặn hụp phiêu bồng với bao mộng tưởng. Thơ thiền nhằm thăng hoa tư tưởng, mở tung thực thể chôn dấu tận cùng ở bên trong, vượt dậy bản năng tuyệt vời đang khuất lấp, những mầm sống linh hiện tươi đẹp, không còn bóng dáng của nỗi phiền ngày đêm gặm nhấm.

Thiền ngữ, công án qua thi ca được tìm thấy nơi những thiền sư có khuynh hướng về thi kệ, bằng một thứ siêu ngôn, mật ngôn, chứng ngôn của những bậc xuất trần, chuyển giao sự giác ngộ ở bên trong phơi bày ra bên ngoài. Thi ca là sự trở mình của cảm xúc, công án bằng thi ca là sự đánh động, chạm thẳng vào tâm thức, tạo thành một thứ năng lượng cho giác ngộ vượt khởi. Một sự thâm định tốt cùng, giữa con người tâm cảnh, đối tượng cảm quan, liên tục gây chấn động, khiến ta ray rức bí lối, bỗng nhiên trong sát na vì diệu nào đó ta choàng mình thức tỉnh. Thông thường ta chỉ dừng lại ở cảm xúc, tìm cách trú ngụ trong ngôn từ tư tưởng, dùng ngôn ngữ để biện minh lý giải, nên ta thường mắc kẹt trong danh xưng, chết đuối trong khái niệm. Khi căn và trần đụng nhau, phát sinh ra thức, sự đáp trả của tính hiệu. Nhưng đằng sau cái khoảnh khắc đó, cái vùng khuất lấp chất đầy huyền cơ, rất ít khi ta bén mảng đến để khám phá chiêm nghiệm, vì thế sự nhận thức và tri cảm của mình chỉ dừng lại ở đó, ta sống và thở trong sự đóng đưa biến hoá, mịt mù không thật. Giống như khi ta đi du lịch, với sự sắp xếp chuẩn bị của người dẫn đường, ta chỉ thấy và nghe những điều người hướng dẫn du lịch nhắm đến. Trừ khi ta tự trang bị cho mình hành trang cùng nội lực, khám phá những điều kỳ diệu ở bên trong, bằng

chính sự thâm nhập quyết lòng. Chặng đường để tìm thấy cái vùng khuất lấp, chất đầy bản lĩnh tuyệt luân ấy, chắc hẳn không thể có được, một khi ta chỉ biết đeo cứng bám dính vào đối tượng, tâm thức, đắm mình trong sự ru ngủ, không chịu buông xả để được thông dong, không tự mình cởi trói, không đi qua chặng đường đào bới mãnh liệt ở nội tâm. Khi nào ta còn đứng ở bên ngoài nhìn ngắm vào bên trong, chỉ dọ dẫm không chịu xúc tác, mọi thứ sẽ trở nên vô nghĩa. Đừng biến mình thành kẻ bàng quan thưởng ngoạn, ngắm dòng cảm xúc của kẻ khác ào ạt tuôn chảy, mà không thẩm định, tra vấn tìm lại chính mình, tìm phương vượt thoát. Nếu ta không tìm cách phóng mình vào đó để lặn hụp, với tất cả năng lực trong sự trôi dạt bất nhịp, thì muôn kiếp ta vẫn loay hoay trên bến bờ sinh tử.

Trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam, vị thiền sư đầu tiên sử dụng đến hình ảnh thi ca làm thiền ngữ công án, đó là thiền sư Thiền Lão ( ? - 1037 ) ở chùa Trùng Minh, núi Thiên Phúc, huyện Tiên Du, ngài đã từng giảng dạy ở núi Từ Sơn. Một hôm vua Lý Thái Tông vào núi thăm ngài và đây cuộc đối thoại:

Vua hỏi:

Ngài ở đây từ bao lâu rồi?

Thiền Lão trả lời:

*" Sống trong giờ hiện tại*

*Ai hay năm tháng xưa?"*

( Đản tri kim nhật nguyệt

Hà thức cữ xuân thu ).

Vua hỏi tiếp:

Ngài làm gì hằng ngày ở đây?

Thiền Lão đáp:

*" Trúc biếc hoa vàng đâu ngoại cảnh*

*Trăng soi mây bạc hiện toàn chân."*

(Túy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh

Bạch vân minh nguyệt hiện toàn chân).

Vua nói: Như vậy ý chỉ là gì, xin ngài cho biết?

Thiền Lão đáp: Nói nhiều lời sợ sau này bất lợi. ( Từ đa, vô hậu ích )

(Nguyễn Lang, Việt Nam Phật Giáo Sử Luận 1 trang 175)



Cuộc đối thoại giữa Thiền Lão với vua Lý Thái Tông, ở đó ngôn ngữ không còn là ngôn ngữ, một sự vắng bật của ngôn từ, ý thức như ngưng đọng lại, đầu đó chỉ có lặng yên phong tỏa, phổ cập trên từng tương tác. Hiện tại, bây giờ bùng lên thôi thúc, trực nhận ngay vào điểm không cùng để giác ngộ thức dậy. Ý niệm về thời gian do con người tạo lập, dùng thời gian để đo lường mọi thứ, ru ngủ mọi việc, khóa lấp mọi vấn đề, xử dụng nó như một định hướng, nhưng thật ra nó liên tục tàn phá không một lời thương tiếc, bởi lẽ bản chất của nó vốn không thật, bất định. Nó vốn như vậy, nhưng tâm thức của ta không chịu để yên, luôn tìm cách quấn vào níu lại. Càng bám vào chùng nào thì càng bị nó đào thải hắt hủi chùng đó, càng hy vọng bao nhiêu thì nó càng hững hờ ru bỏ ra đi bấy nhiêu. Quá khứ ra đi thì không bao giờ trở lại, tương lai thì mịt mù chưa biết lúc nào đến, chỉ có giây phút hiện tại này là đáng nói, đáng được chiêm nghiệm. Trên chặng đường sanh tử lôi kéo, ẩn chứa không biết bao biến động, từ ngút ngàn nổi trôi đến sự hủy hoại khủng khiếp của vô thường, đưa ta đến muôn ngàn lối đi đầy chông gai sóng gió, đẩy ta đến bên bờ vực thẳm, khiến ta chết dần mòn trong tứ bề cô quạnh. Cả hai dạng tâm thức, sống với quá khứ và tương lai, hy vọng và thất vọng, hạnh phúc và khổ đau, cứ nhập nhằng lẫn lộn, thì không thể tìm thấy được sự an lạc đúng nghĩa. Đứng về khía cạnh để có được sự giác ngộ, thì càng không thể chờ đợi một dịp may, một cơ hội không do chính mình nỗ lực mang lại, mọi sự toan tính nào đó của tâm thức, vốn không có chỗ đứng trong giác ngộ. Nếu không tìm cách đập tan, phá vỡ sự trụ bám, thì ta vẫn mãi ngược xuôi đong đếm thời gian, lang thang lạc lối trên vụn vỡ luân hồi.

Vị thiền sư thi sỹ tài ba, biện tài vô ngại, thâm đắc " ngôn ngữ tam muội " đó là thiền sư Viên Chiếu ( 998 - 1090 ) đời thứ bảy dòng thiền Vô Ngôn Thông. Trong tác phẩm Tham Đồ Hiện Quyết, ghi lại từ sách Thiền Uyển Tập Anh, thiền sư đã để lại nhiều thiền ngữ, công án bằng thi ca rất tuyệt vời. Dưới đây vài câu vắn đáp, cũng đủ để cho ta tham cứu cả một đời.

Hỏi: Phật và Thánh khác nhau chỗ nào?

Đáp:

*Cúc trùng dương dưới dậu*

*Oanh thực khí đầu cành*

(Ly hạ trùng dương cúc

Chi đầu thực khí oanh)

Hỏi: Kẻ học nhân chưa hiểu xin thầy dạy lại

Đáp:

*Ngày quạ vàng chiếu sáng*

*Đêm thỏ ngọc sáng soi*

(Trú tắc kim vô chiếu

Dạ lai ngọc thố minh)

Hỏi: Đã nhận được yếu chỉ

Nhưng huyền cơ ra sao?

Đáp:

*Nước đã đầy bình vạc, chân vô ý*

*Vấp ngã một lần hỏi được sao?*

(Bất thận hủy bàn kinh mẫn xứ

Nhất tao sa diệt hỏi hà chi?)

Và

*Muốn chìm cho sóng chết*

*Ai hay thân tự trầm*

(Mạc quán giang ba nịch

Thân lai khước tự trầm)

Hỏi: Bồ Đề Đạt Ma ở núi Thiếu Thất hành đạo đạt đến chỗ  
huyền diệu sâu thẳm: từ xưa đến nay ai là kẻ thừa kế xứng đáng  
nhất?

Đáp:

*Trời tối sáng soi nhờ nhật nguyệt*

*Đất hiểm phân ranh có núi sông*

(U minh càn tượng nhân ô, thổ  
Khuất khúc khôn duy vị nhạc, hoài)

Hỏi: Thế nào là con đường đưa đến căn nguyên của đại đạo?

Đáp:

*Cổ mạnh đứng bờ cao gió dữ  
Nước nhà thời loạn biết trung lương*

Hỏi: Tất cả mọi chúng sinh từ đâu tới và sẽ đi về đâu.

Đáp:

*Rùa mù xuyên vách đá  
Rùa què leo núi cao  
(Manh quy xuyên thạch bích  
Bì miết thương cao sơn)*

Hỏi: Người ta nói: khóm trúc xanh xanh kia là chân như. Vậy công dụng của chân như là gì?

Đáp:

*Đưa người xa ngàn dặm*

*Cười tặng một bình trà.*

(Tặng quân thiên lý viễn

Tiểu bá nhất bình trà)

(Nguyễn Lang, Việt Nam Phật Giáo Sử Luận 1 trang 176- 178)

Công án đầu tiên là mẫu đối thoại giữa Bồ Đề Đạt Ma với vua Lương Võ Đế. " Quách nhiên vô thánh " (Rỗng tuếch không có thánh gì hết ) trở thành một công án độc đáo trong lịch sử thiền tông, cho đến bây giờ vẫn liên tục gây chấn động trong thiền môn, đẩy tâm thức của ta bay bổng lên tận mây ngàn, không trụ bám vào đâu được, không có nơi chốn nào dung chứa, đầu óc căng ra như quả bom sắp nổ tung, không có thánh phàm giai bậc. Nó hất tung đẩy lùi sự vướng bận lâm chấp ngự trị trong ta, quật ngã tâm lý ỷ lại đợi mong, thoát ra ngoài thế giới tỷ lượng, hai cõi tử sinh mê ngộ, chỉ còn lại một thể duy nhất, vượt ra ngoài càn khôn thông dong về nơi vô tận.

Từ trên đỉnh cao ngút ngàn thâm diệu, đổ xuống nhân gian những mật ngôn, liên tục phá vỡ tâm thức ngăn ngại bế tắc, làm hiển lộ nên chân tính tròn đầy mà ta đã bỏ quên. Nó vốn có mặt ở đó tự bao giờ, từ với cái nhích nhẹ tay bỗng hiển lộ tròn đầy,

toả chiếu trên từng tương tác, linh hiện phủ vây trong từng hơi thở. Thiền kêu gọi đến phút giây sống trọn vẹn ở hiện tại, một hiện thực không bị chi phối, dẫn đưa, mời gọi nào đến từ bên ngoài, mọi nỗ lực phải được hưng động, phát tiết ngay từ bây giờ, chính trong con người và tâm thức này. Chỉ khi nào ta nhận chân ra được tâm cảnh, biên giới, nhị nguyên, đối tượng, con người, hoà nhập với nhau thành một, kết nối những trỗi dậy ở bên trong quyện với bên ngoài, tạo thành năng lực vô biên, mệnh môn lan tỏa trên từng đi lại, một sự thường hằng không gì sánh kịp.

(Còn tiếp)

**Như Hùng**



# ***TÂM TÌNH LỮ KHÁCH***

thơ

***Thanh Trí Cao***

*Người đã đến, chân dung Bồ Tát  
Người xa đi, ngôn ngữ phiêu bồng  
Những gì có, từ đâu mà đến  
Ý niệm không - nối kết chân không*

*Người đã đến hành trang nguyên lực  
Người xa đi, thương tiếc vô cùng  
Trăng soi sáng tâm tình lữ khách  
Hẹn một mai - ngày ấy tương phùng*

*Tiếng gọi mời, đồng vọng thân thương  
Ai chưa từng trải mộng vô thường*

*Viễn ảnh đó chứa chan ngày mới*

*Ta cứ đi tận cuối con đường*

*Người đã đến hiến dâng sự sống*

*Lòng từ bi - cứu độ chúng sinh*

*Nơi tâm tối ẩn tàng ánh sáng*

*Tâm tỉnh thức rạng rỡ bình minh*

*Người đã đến bằng lòng như thế*

*Bước thênh thang hạnh nguyện dâng cao*

*Người đã cho không cần nhận lại*

*Trải dòng đời xoa dịu thương đau.*

***Thanh Trí Cao***



# **Sự Phục Vụ Của Đức Phật Cho Nhân Loại Trên Thế Gian Đây**

**Thích Quảng Bảo**

Đức Phật thị hiện nơi cuộc đời y nhằm mục đích xua tan cái bóng tối của vô minh và chỉ cho nhân loại con đường đi đến sự đoạn tận của khổ đau.

Đức Phật là sự hiện thân của tất cả những phẩm hạnh do Ngài thuyết giảng. Trong suốt 45 năm thực hiện thành công sứ mệnh và để lại những sự kiện quan trọng của Ngài, Ngài đã chuyển dịch tất cả những ngôn từ, lời nói của Ngài thành những hành động cụ thể thiết thực. Không có lúc nào mà Ngài không chỉ ra sự yếu đuối và nỗi đam mê thấp hèn của con người. Giới hạnh của Đức Phật là tấm gương hoàn hảo nhất mà thế gian đã từng chứng kiến.

Hơn 25 thế kỷ, hàng triệu con người đã tìm thấy nguồn cảm hứng và sự khuây khoả nơi giáo lý của Ngài. Sự vĩ đại của Ngài vẫn còn toả sáng mãi cho đến ngày nay giống như mặt trời chói sáng rực rỡ hơn ánh sáng mờ đục của những vật sáng kém hơn. Giáo pháp của Ngài vẫn vậy tay mời gọi phái đoàn hành hương

một lần người đến nơi an toàn và cảnh giới an lạc của Niết-bàn. Không có một nhân vật nào ngoài Ngài đã hy sinh quá nhiều những thú vui vật chất của mình vì nỗi khổ đau của nhân loại.

Đức Phật là bậc đạo sư đầu tiên trong lịch sử nhân loại khiển trách và chống lại nghi thức tế lễ động vật cho quỷ thần vì bất cứ một lý do nào khác và kêu gọi nhân loại không nên làm hại các loài sinh vật sống.

Đối với Đức Phật, tôn giáo không phải là một sự giao kèo trong mua bán mà là một con đường đưa đến sự giác ngộ. Ngài không muốn chur đệ tử Ngài tin một cách mù quáng mà Ngài muốn họ hãy suy nghĩ một cách tự do và thông thái. Toàn thể nhân loại trên thế gian này được ban phước bằng sự hiện hữu của Ngài.

Chưa từng có khi nào Đức Phật bày tỏ thái độ không thân thiện đối với một ai, thậm chí đối với những kẻ ác kiến xấu xa nhất của Ngài, Ngài cũng không bày tỏ thái độ không thân thiện đối với họ. Có một vài người mang đầu óc thành kiến muốn chống đối lại Ngài và tìm mọi cách giết hại Ngài; song Đức Phật không bao giờ đối xử với họ như là kẻ thù. Có một lần Đức Phật nói:

*“Ta như voi giữa trận,  
Hứng chịu cung tên rơi,*

*Chịu đựng mọi phỉ báng,  
Ác giới rất nhiều người”.*

(Pháp cú - 320)

Trong biên niên sử thế giới, chưa có một nhân vật nào có thể được công nhận là đã tự hiến dâng quá nhiều cho những lợi ích của chúng sanh như Đức Phật đã làm. Ngay từ giây phút giác ngộ cho đến lúc nhập diệt, Ngài phấn đấu không biết mệt mỏi để nâng cao địa vị con người. Ngài chỉ dành hai tiếng đồng hồ trong một ngày cho việc ngủ nghỉ của mình. Mặc dù 25 thế kỷ đã trôi qua kể từ khi bậc đạo sư vĩ đại này đã nhập diệt, song thông điệp về tình thương và trí tuệ của Ngài vẫn còn hiện hữu trong hình thức thuần khiết tinh khôi. Thông điệp này vẫn có ảnh hưởng quan trọng đối với vận mệnh của nhân loại. Ngài là bậc thầy từ bi nhất đã làm toả sáng thế gian này bằng tình thương và lòng nhân từ.

Sau khi nhập Niết-bàn, Đức Phật đã để lại một bức thông điệp bất tử vẫn còn giá trị đối đầu với chúng ta. Ngày nay, chúng ta phải đương đầu với sự đe dọa kinh hoàng về nền hòa bình của thế giới. Không có thời điểm nào trong lịch sử thế giới mà bức thông điệp của Ngài lại cần thiết hơn như hiện nay.

Đức Phật thị hiện nơi cõi đời này nhằm mục đích xua tan đi cái bóng tối của vô minh và chỉ cho nhân loại cách chấm dứt khổ

đau và bệnh tật, già và chết và tất cả những nỗi lo lắng và khổ sở của kiếp sống nhân sinh.

Theo một số tôn giáo, một số vị thần linh thỉnh thoảng sẽ xuất hiện trên cõi đời này để tiêu diệt những con người ác độc và che chở cho những con người lương thiện. Ngược lại, Đức Phật không thị hiện trên cõi đời này để tiêu diệt những kẻ ác mà là để chỉ cho họ con đường đi đúng đắn.

Trong lịch sử thế giới mãi cho đến thời kỳ Đức Phật, chúng ta đã từng nghe bất cứ một vị đạo sư nào có tấm lòng chan chứa tình yêu thương và nỗi cảm thông đối với nỗi khổ đau của nhân loại như Đức Phật chăng? Đồng thời với Đức Phật, chúng ta nghe một số triết gia thông thái tại Hy Lạp như: Socrates, Plato và Aristote và nhiều nhà hiền triết khác, song họ chỉ là những triết gia, những nhà tư tưởng và những nhà đi tìm chân lý; họ thiếu đi tình yêu thương cảm kích đối với nỗi khổ đau của nhân loại.

Con đường cứu độ nhân loại của Đức Phật là dạy cho họ cách làm thế nào để tìm được sự giải thoát, an lạc. Ngài không quan tâm đến việc làm dịu một vài trường hợp liên quan đến chứng bệnh về thân và tâm. Ngài quan tâm nhiều hơn với việc tiết lộ con đường mà tất cả mọi người có thể đi theo.

Chúng ta hãy đem tất cả những triết gia, tâm lý gia, khoa học gia, nhà duy lý, những nhà cải cách xã hội, những tư tưởng gia vĩ đại và những vị đạo sư của các tôn giáo khác, với một tinh thần không thiên vị, so sánh sự vĩ đại, đức hạnh, tinh thần phục vụ và trí tuệ của chư vị đối với đức hạnh, lòng từ bi và sự giác ngộ của Đức Phật. Chúng ta có thể hiểu được địa vị của Đức Phật đứng ở đâu trong số tất cả những bậc vĩ nhân này.

**Thích Quảng Bảo**

## Phương Cách Đản Sanh Của Chư Phật

### Thích Nữ Giới Hương

Theo Trường Bộ, Kinh Đại Bản Nhân Duyên Số 1, Đức Phật Thích Ca đã giảng về một số phương pháp thông hi một thánh nhân đản sanh khác với một phàm phu bình thường tức loài người chúng ta. Chẳng những Đức Phật Thích Ca trong thời hiện tại (*thế kỷ thứ 5 trước công nguyên*) mà chư Phật trong quá khứ như Đức Phật Tỳ-Bà-Thi, Thi-Khí, Tỳ-Xá-Bà, Câu-Lưu-Tôn, Câu-Na-Hàm, Ca-Điếp, vv... (*cách đây vô số kiếp*) cũng có một số hiện tượng siêu xuất giống nhau khi các ngài vừa giáng sanh ra khỏi bào thai của các thân mẫu. Các phương cách đản sanh của chư Phật đều giống nhau như sự xuất hiện của các ngài giữa thế gian này đã cảm ứng đến thế giới chư thiên và các loài khác; các ngài đều giáng sanh dưới gốc cây giữa thiên nhiên bao la; các ngài đều từ hông mẹ bước ra và tuyên bố các ngài là bậc thánh nhân chứ không phải loài người bình thường; các ngài đều có hảo tướng với 32 tướng tốt và 80 tướng phụ và thông điệp của các ngài ở đời là cứu khổ cho chúng sanh. Đức Phật Thích Ca diễn tả cụ thể phương pháp đản sanh của chư Phật trong quá khứ và hiện tại qua hình ảnh đầy màu sắc của Bồ Tát Tỳ-Bà-Bhi và thân mẫu của ngài.

Một là khi chư Phật đản sanh đã cảm ứng đến thế giới chư thiên và nhiều loài khác. Đa phần loài người chúng ta ra đời thì được gia đình, bà con quyến thuộc, bạn bè thân hữu của gia đình vui mừng hân hoan chào đón chúng ta, còn chư Phật chẳng những được như thế mà các ngài còn cảm đến cả thế giới chư thiên và nhiều loài biết đến, nên có nhiều hiện tượng khác lạ như thiên hoa rơi xuống, mưa mạn đà la, lọng tràng phan đón rước, thiên nhạc tấu khúc, trái đất rung chuyển và hào quang sáng chói rực rỡ khắp thế gian để chào đón một bậc thánh nhân vừa giáng sanh. Đức Phật Thích Ca kể như sau:

*“Đức Bồ-Tát Tỳ-Bà-Thi từ cõi trời Đâu-Suất giáng thân vào thai mẹ, do hông phải mà vào, chánh niệm không tán loạn. Ngay lúc ấy cõi đất rung chuyển; ánh sáng rực rỡ soi khắp thế gian; những chỗ mặt trời mặt trăng không soi tới cũng đều mong nhờ chiếu sáng. Chúng sinh chốn u minh nhờ đó được trông thấy lẫn nhau và tự biết mình hiện đang sinh ở chỗ nào. Ánh quang minh đó lại soi đến cung điện Ma vương. Những chỗ tối tăm thấy đều được chiếu sáng...*

*Bồ-Tát Tỳ-Bà-Thi lúc ở thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, thường có bốn vị thiên thần tay cầm quạt mâu, hộ vệ cho mẹ Ngài, dẫu loài người hay loài phi nhân đều không thể xâm phạm... Thân mẹ được an ổn, không có các nỗi loạn, trí tuệ ngày càng thêm. Mẹ tự xem thai mình thấy rõ thân Bồ-Tát đủ các căn tốt đẹp như chất vàng tía không chút tỳ tích, khác nào kẻ có mắt sáng, xem vào đồ lưu ly trong sạch, thấy suốt cả trong ngoài không chút ngăn ngại.*



*Khi Bồ-Tát Tỳ-Bà-Thi từ trời Đâu-Suất giáng thân vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến tâm mẹ lúc nào cũng thanh tịnh, không có các dục tưởng, không bị lửa dục thiêu đốt. Mẹ Ngài giữ trọn năm giới, phạm hạnh thanh tịnh, thuần tín và nhân từ, thành tựu mọi điều lành, an lạc không sợ hãi và khi thân hoại mệnh chung, được sanh cõi trời Đao-lợi.*

*Lúc Bồ-Tát Tỳ-Bà-Thi sinh ra, chư thiên ở phía trên, giữa hư không, tay cầm lông trắng, quạt báu, để ngăn che lạnh, nóng, gió, mưa, bụi bặm...; có hai suối nước, một ấm, một mát, tự nhiên ở dưới đất tuôn ra, để cúng dường tắm rửa cho Bồ tát... Bồ-tát khi sanh ra mắt ngài có thể nhìn thấy suốt một do-tuần và âm thanh của Ngài trong suốt êm dịu hòa nhã như tiếng chim Ca-Ca-Tần-Già. Ấy là pháp thường của chư Phật.”*

Hai là chư Phật đều giáng sanh dưới gốc cây trong khung cảnh thiên nhiên bao la và thân mẫu của các ngài đều không ngồi hay nằm mà đứng nương vịn vào thân nhánh hoa để các thánh nhi từ bên hông phải bước ra dễ dàng. Chúng ta là loài người và được sinh ra từ tử cung của mẹ nên tư thế của các bà mẹ trong Bảo Sanh viện là phải nằm để thai nhi dễ chun đầu ra và các bà mẹ phải nằm để thai nhi không bị rơi xuống đất. Còn các thân mẫu của thánh nhân hình như biết được mình đang may mắn bảo dưỡng một thánh thai của thế gian và cách đi ra của thánh thai sẽ khác với thai nhi nên các bà tự biết phải đứng lên, vịn vào nhánh cây để các thánh nhân tự tại nhẹ nhàng từ hông phải bước ra như Đức Phật Thích Ca kể rằng:



*“Bồ-Tát Tỳ-Bà-Thi lúc sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn. Khi ấy mẹ Bồ-tát tay vịn cành cây, không ngồi không nằm, có bốn thiên thần bưng nước hương đứng trước mẹ mà thưa rằng: “Tâu Thiên mẫu, nay Ngài sanh Thánh tử, chớ có ưu lo.”*

*Bồ-Tát Tỳ-Bà-Thi lúc sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn, thân Ngài thanh tịnh không bị ô nhiễm bởi các thứ ô uế. Ví như kẻ có mắt sáng, liệng hạt minh châu sáng sạch lên lụa trắng, thấy rõ cả hai đều không làm bẩn nhau, vì cả hai đều sạch. Bồ-Tát ra khỏi thai cũng như vậy. Đó là pháp thường của chư Phật.”*

Ba là khi chư Phật vừa đản sanh thì câu tuyên ngôn đầu tiên là các ngài giới thiệu các ngài chính là bậc thánh nhân xuất hiện ở đời với mục đích chỉ ra con đường hạnh phúc cho nhân loại như Đức Phật Thích Ca kể như sau:

*“Bồ-Tát Tỳ-Bà-Thi khi sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn. Ngài từ hông phải ra, vừa đến đất, không cần người đỡ, liền đi bảy bước, ngó khắp bốn phương, rồi đưa tay lên trời nói rằng: ‘Trên trời dưới đất, duy Ta là tôn quý’, Ta sẽ cứu độ chúng sanh khỏi sinh, già, bệnh, chết. Ấy là thường pháp của chư Phật.”*

Bốn là khi chư Phật vừa đản sanh, đều có các tướng sư và đạo sĩ đến xem tướng và khi thấy các thánh nhân đều có đủ 32 tướng tốt và 80 tướng phụ, đều tiên đoán rằng nếu các ngài xuất gia thì sẽ thành bậc giác ngộ, thầy của trời người. Còn nếu là tại gia thì

sẽ làm bậc Chuyển Luân Thánh Vương như một vị tướng sư trình tâu lên vua Bàn-Đầu là:

*“Người có tướng này (32 tướng đẹp và 80 tướng phụ) sẽ có hai con đường, chắc chắn không nghi ngờ. Nếu tại gia thì sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, trị vì bốn châu thiên hạ, đủ bốn thứ quân binh, dùng chánh pháp trị dân, không thiên lệch; thì ân khắp thiên hạ, tự nhiên có bảy thứ báu qui tụ, có ngàn người con dũng kiện hay đẹp trừ ngoại địch, không cần dùng đao binh mà thiên hạ thái bình. Còn nếu xuất gia học đạo thì sẽ thành bậc Chánh giác, đầy đủ mười hiệu là Như-Lai, Ứng-Cúng, Chánh Biến-Tri, Minh Hạnh-Túc, Thiện-Thệ, Thế-Gian Giải, Vô-Thượng Sĩ, Điều-Ngự Trượng-Phu, Thiên-Nhơn Sư, Phật Thế-Tôn”.*

Như vậy, chúng ta thấy có rất nhiều điểm cát tường hiện ra khi một bậc thánh nhân đản sanh. Nếu các ngài chọn làm tại gia thì sẽ trở thành bậc Chuyển Luân Thánh Vương, trị vì khắp bốn châu thiên hạ

với sự giàu có thịnh vượng, của cải vật chất phong phú, binh hùng tướng mạnh và danh tiếng lẫy lừng mà thế gian mong muốn; nhưng các ngài đã từ bỏ các hạnh phúc ngũ dục đó để tìm một hạnh phúc cao thượng và giải thoát khổ miên viễn cho tất cả chúng sanh, tức là tìm con đường xuất gia học đạo, làm một mẫu mực đạo đức cho thế gian, một bậc thầy của trời người, một bậc tối tôn tối thượng giữa thế gian này. Cho nên sự xuất hiện của các ngài là một điểm sáng cho nhân loại noi theo, để thoát khỏi

cảnh khổ trong sáu đạo. Vì thế, thật vô vàn may mắn và phước báo cho chúng ta gặp được Tam Bảo (Phật Pháp Tăng), được dự lễ Phật đản để chào đón một thánh nhân, một vị cứu tinh của nhân loại đã ra đời.

Khi đấng Lưỡng Túc Sanh

Đi thông thả bảy bước

Ngó bốn phương rồi nói

Sẽ dứt khổ sinh tử.

Ngay lúc mới sanh ra

Đã không ai sánh bằng

Tự xét gốc sinh tử

Thân này thân tối hậu.

Có thể chúng ta khó tin những điềm cát tường tốt lành này, nhưng đó là sự thật. Vì các Ngài là Thánh nhân, chứ không phải người thường như trí thường của loài người chúng ta có thể hiểu được. Đức Phật khuyên chúng ta nhân Ngày Lễ Mừng Phật Đản, chào đón một thánh nhân giáng sanh thì chúng ta nên trau dồi giới-định-tuệ để tự mình thoát khổ cho mình và người và một khi chúng ta giải thoát và khai sáng trí tuệ thì tự nhiên những hiện tượng siêu suất phi thường của các thánh nhân như pháp

thông thường đản sanh của các Ngài đây tự chúng ta cũng sẽ  
liều ngộ ra.

Kính chúc quý Phật Tử một mùa Khánh Đản đầy trong sáng và  
an lạc.

Nam Mô Đầu Xuất Giáng Trần, Lâm Tì Ni Thị Hiện, Ta Bà  
Giáo Chủ, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

**Thích Nữ Giới Hương**

# Quê Hương

thơ

**Vũ Khang**

Nước Việt Nam đang hồi nguy khó  
Trở về đi cứu lấy non sông  
Dân Việt Nam trong ngục tù đỏ  
Quyết vùng lên phá hết cùm gông

Đồng bào ơi! Bao năm đau khổ  
Cảnh đói nghèo kiếp sống vong nô  
Đời lầm than! Cúi đầu nhỏ lệ  
Ta quyết tâm diệt lũ giặc Hồ

Lửa hận thù đã bùng lên cháy  
Hãy vùng lên người khắp ba miền  
Đấu tranh cho Tự Do - Dân Chủ

*Ta kết đoàn sức mạnh vô biên*

*Đồng bào hỡi! thời cơ đã đến*

*Hãy xông lên cứu giống Lạc Hồng*

*Nhớ rằng ta nòi giống Tiên Rồng*

*Quốc Tổ ta là Đức Hùng Vương*

*Đồng bào hỡi! thời cơ đã đến*

*Quyết đấu trang liệt đồ bạo quyền*

*Đất nước cần thanh niên tuổi trẻ*

*Và toàn dân ta quyết xông lên*

*Hãy vùng lên dựng cờ tranh đấu*

*Dân tộc ta giành lại quê hương*

*Sống thanh bình không còn cờ máu*

*Ngày vinh quang con cháu Hùng Vương*

***Vũ Khang***

# *Phật Giáo Tinh Hoa và Phát Triển*

**Tùng Sơn**

(Trích dịch từ Buddhism its essence & development)

Tác giả: **Edward Conze**

## **Chương Thứ Tám**

### **Mật Giáo hay Phật Giáo Thần Bí**

#### **Những vấn đề của Mật Giáo**

Khác biệt với người Âu Châu hiện đại, người Á Châu trong đời sống thường nhật hằng ngày không xa lạ gì với những trò ảo thuật, bùa chú. Về điểm này để có hình ảnh rõ rệt cụ thể về người theo đạo Hindu, người Á-Rập, hay người Trung Hoa nhìn vấn đề này như thế nào. Chúng ta hãy xem thí dụ sau. Vào thế kỷ thứ 14. Ibn Bututa (1) người du lịch gốc Á-Rập đến thăm quan thái thú tỉnh Hàng Châu thấy cảnh tượng như sau. Có một người phù thủy:

*“Lấy ra một quả bóng bằng gỗ có nhiều lỗ, với sợi dây dài xuyên qua những lỗ này, ông ta nắm trong tay một đầu dây và ném quả bóng vào trong không trung. Quả bóng đi lên quá cao đến độ không còn nhìn thấy hình bóng nó nữa. Lúc đó chỉ còn thấy đoạn dây trong tay người phù thủy, ông ta ra lệnh cho người thiếu niên đi theo phụ tá nắm đoạn dây còn lại và leo lên trên sợi dây. Anh ta làm đúng theo lời ông ta leo lên trên sợi dây và tiếp tục leo rồi cũng không thấy anh ta đâu nữa! Người phù thủy gọi anh ta ba lần, nhưng không có tiếng trả lời, ông ta giận dữ, rút ra con dao, nắm lấy sợi dây leo lên rồi cũng biến mất luôn! Khoảng một lúc sau, cánh tay người thiếu niên lúc nãy, rồi chân, thêm một cánh tay, và lại thêm một chân nữa, rồi phần thân thể, cuối cùng cái đầu rơi xuống! Sau đó ông ta leo xuống với hơi thở dồn dập, quần áo thấm đầy những máu, thể rồi cúi đầu hôn mặt đất trước mặt nhà vua, và nói với nhà vua vài tiếng Trung Hoa. Nhà vua trả lời bằng vài câu mệnh lệnh, người phù thủy của chúng ta đi nhặt những phần của thân thể thiếu niên gom lại một chỗ, rồi đá một cái, kinh dị thay! Người thiếu niên vùng đứng dậy ngay trước mặt mọi người! Hình ảnh kinh ngạc này có thể nói vượt qua mọi sức tưởng tượng. Ông Kazi Afkharuddin ở ngay bên cạnh tôi có nói như sau: ‘Anh có hiểu không! ‘ Theo tôi không có leo lên, không có leo xuống, không có vết thương lẫn chữa trị vết thương; Tất cả là trò bịp bợm.’ (2)*

Theo Bát Nhã Tâm Kinh toàn thể quá trình tu tập để giải thoát có cùng tính chất như trò ảo thuật này. Sau đây có mẫu chuyện đối thoại giữa Đức Phật và Tu Bồ Đề như sau:



*“Phật nói: ‘Này ông Tu Bồ Đề, có một nhà phù thủy siêu đẳng, hoặc người đệ tử nhà phù thủy có thể hoá hiện đám đông người ở ngã tư đường; Sau đó ông ta có thể làm đám người này biến mất đi. Ông Tu Bồ Đề, ông nghĩ thế nào về mẫu chuyện này? Đám người này do ai giết, hay bị ám hại, hay bị tàn sát, hay bị làm cho biến mất đi?’*

*Tu Bồ Đề: Thưa đức Thế Tôn! chuyện này không có thật đâu!*

*Phật: ‘ Tương tự như Bồ Tát, một vĩ nhân dẫn dắt vô số chúng sinh vào niết bàn, tuy thế không có người vào niết bàn lẫn cả người dẫn dắt vào niết bàn. Nếu có Bồ Tát nghe điều này không rùng mình, không hoảng hốt lẫn không sợ hãi. Người đó được xem như trang bị với tám áo giáp vĩ đại.’”(3)*

Mật giáo rút ra kết luận thực tế. Đó cũng là kết luận hợp lý của sự phát triển những dòng tư tưởng đã có từ trước, cùng với những vấn đề khó khăn đã được chính những nhà học giả đưa ra. Đương nhiên nếu đứng trên lập trường xác tín rằng “Nguyên Thủy” Phật giáo là một tôn giáo hoàn toàn hợp lý, không có một chút gì siêu nhiên, thần bí, với một tầng đoàn luân lý đứng đằng sau, chắc hẳn một số người cảm thấy khó hiểu khi nhìn tính chất thoát hóa của Mật giáo cũng được gọi là “thuần túy” Phật giáo. Trên thực tế, Phật giáo luôn luôn có tương quan mật thiết với những cái mà người duy lý cho là mê tín (xem phần Phụng sự của tầng già). Trên thực tế, không ai đặt thành vấn đề về sức mạnh tâm linh và ngay cả những năng lực kỳ diệu. Công việc nuôi dưỡng bồi đắp sức mạnh siêu nhiên như thế, với những người thích hợp với nó thì cho đó là một trong những điều kiện đưa đến giải thoát, mặc dù đối với những người khác tỏ thái độ

hoài nghi. Quần chúng thừa nhận sự hiện hữu của linh hồn, cũng như những sức mạnh có tính cách ma lực và cho đó là điều đương nhiên, niềm tin này đã hình thành phần nào cơ sở cho vũ trụ luận vào thời bấy giờ.

Khi người Âu Châu viết về Mật giáo thường hay mất tự chủ vì bị cảm tính chi phối. Những phản cảm của họ một phần do lý trí, bởi vì họ tin rằng họ đã thoát ra khỏi tín ngưỡng có tính cách ma thuật của tổ tiên họ. Hơn nữa Mật giáo dễ có khuynh hướng khơi dậy lòng phần nộ về mặt đạo đức. “ Ngoài ra đối với họ, trên phương diện lịch sử Phật giáo một tôn giáo hình nhi thượng, vĩ đại đáng khâm phục đang lần lần nhường chỗ cho những ông thần được nhân cách hóa bằng những ma thuật, theo với nghi thức lễ bái nhớ nhãng, đầy rẫy mê tín. Tu khổ hạnh cao quý trong quá khứ nhường chỗ cho hành vi vô lối có chủ tâm. Trước kia đức tính phá chấp, không ham lợi danh đã được thay vào bằng ham muốn sao cho phù hợp với những tham vọng đề tiện nhất, và ngày xưa chấp nhận hoàn cảnh nay thay vào bằng cách dùng sức mạnh để chiếm đoạt. Ngày xưa thanh bản là yếu tố giúp cho thăng hoa tinh thần, ngày nay con người cầu mong các thần Kuvera (4), thần Jambhala và thượng đế giúp cho giàu có .v.v”

Những thái độ bất mãn nêu trên cho thấy họ không đánh giá đúng về Mật giáo. Nói cho đúng Mật giáo có hai mục đích – Thành tựu (siddhi) đạt lấy giác ngộ viên mãn ngay trong cuộc đời này, và thành công có sức khỏe, giàu sang và sức mạnh. Tuy nhiên sự phối hợp ước nguyện rất là phi lý giữa cái mục tiêu

xuất thế và nhập thế cũng đã biểu hiện tính chất cổ xưa như chính tự Phật giáo, và đó cũng chính là nền tảng sức mạnh của Phật giáo (Ảnh hưởng tín đồ tại gia). Theo Mật giáo, thiếu đạo đức ở đây không phải là thiếu đạo đức của con người thế gian, mà là thiếu đạo đức của những thánh nhân. Mật giáo cho rằng những câu chú và những nghi thức là phương cách chắc chắn nhất để đạt đến giác ngộ hoàn toàn, đúng ra nhấn mạnh điều này là mới mẻ, nhưng cũng là hệ quả tất nhiên sau quá trình phát triển lâu dài. Bỏ qua cơn ác mộng của một số người lầm đường tà đạo không đáng tôn kính, Mật giáo là một quá trình phát triển của Phật giáo sử không thể tránh được.

### **Chú thích:**

- (1) Ibn Batura (1304 – 1377) nhà địa lý học, nhà du lịch gốc Á-Rập.
- (2) Trích từ quyển “the book of ser Marco Polo” xuất bản ở London, năm 1903.
- (3) Kinh Đại Bát Nhã quyển thứ 538, Đại Tạng kinh quyển thứ 7.
- (4) Thần biểu tượng cho sự giàu sang, phú quý trong các câu chuyện thần thoại Ấn Độ, sau này mang vào Phật giáo thành thần Tỳ Sa Môn Thiên và Đa Văn Thiên.

## Lịch Sử Mật Giáo

Hiện nay chưa có dữ kiện đúng đắn để xác định một cách chính xác khi nào tu tập theo Mật giáo thực sự bắt đầu. Người theo Mật giáo cũng có khuynh hướng bí mật. Những tư tưởng có tính cách bí truyền, thần bí thường được lưu truyền trong xã hội nhỏ đóng kín giữa những người cùng nhận sự truyền thụ trong một thời gian dài trước khi đem truyền ra ngoài. Khi hệ tư tưởng ít nhiều được công bố ra ngoài, Mật giáo đã tạo được thế lực khá mạnh vào khoảng 500 năm hay 600 năm sau kỷ nguyên. Tuy nhiên khi đi ngược trở lại thời kỳ bình minh lịch sử loài người, vào giai đoạn ban sơ, xã hội nông nghiệp bị xâm nhập lan tràn bởi ma thuật và thuật chú, lấy con người làm vật tế lễ, thờ cúng nữ thần, với những nghi thức cúng kiếng đến các thần ở thế giới bên kia để được mùa. Mật giáo thực sự không phải là một sáng tạo mới, mà là kết quả tổng hợp nền tín ngưỡng sơ khai, nguyên thủy với truyền thống dân gian cộng thêm vào đó tư tưởng Phật giáo.

Kinh điển Mật giáo thì rất nhiều, phần lớn vẫn còn chưa được nghiên cứu, chưa được phiên dịch, ngôn ngữ thì khó hiểu mập mờ, đó cũng là chủ đích của Mật giáo không chừng. Tương tự như đạo Hindu, tín đồ Phật giáo chia Mật giáo ra thành tả phái Mật giáo và hữu phái Mật giáo. Lý do đạo Hindu phân chia thành hai là dựa theo nguyên lý nam tính trong vũ trụ '*hữu phái*' (*dakshinacarins*), và nguyên lý nữ tính trong vũ trụ '*tả phái*' (*Vamacarins*). Trong khi đó ở Mật giáo sự khác biệt giữa hai hệ phái nằm phần lớn thái độ về tính dục. Có lẽ thật thích hợp gọi

hệ phái tả Mật giáo là hệ phái tính lực. Trường phái tính lực trong đạo Hindu có tương quan mật thiết với đạo Shiva. Hơn nữa giáo lý đạo Shiva có ảnh hưởng rất lớn đến trường phái tính lực của Mật giáo. Danh từ Shakti (1) dịch theo Hán Việt gọi là tính lực có nghĩa là năng lực sáng tạo hay uy lực của vị thần được nhân cách hóa thành người hôn thê. Đối tượng sùng bái tính lực trong đạo Shiva được hướng đến người vợ thần Shiva, là Parvati hay Uma, còn được gọi là Nữ thần vĩ đại, hoặc Người mẹ vĩ đại. Đặc điểm ở đạo Shiva là các vị thần được biểu tượng trong hai dạng từ bi và phẫn nộ. Hình tượng phẫn nộ của nữ thần Parvati (2) còn được gọi là Durga có nghĩa *khó đến gần được*, hay nặc danh gọi là Kali có nghĩa là vật màu đen. Hình tượng phẫn nộ còn biểu tượng liên hệ đến chết chóc, tàn phá, gọi hồn, động vật và những người bị biến thành vật hy sinh. Đồng trong thời đạo Hindu có rất nhiều nữ thần, nữ phù thủy, và ma nữ, một số những nữ thần được mang vào trường phái tả Mật giáo. Vào thời bấy giờ những tín đồ đạo Shiva cực đoan không được kính nể bao nhiêu. Nhà phù thủy Bhairavananda của đạo Shiva đã ca điệu khúc sau trong một vở tuồng vào khoảng năm 900 ở Ấn Độ:

*“Hỡi ơi! Thánh điển và thần chú*

*Địa ngục đang đón chờ mi.*

*Chẳng cần tham thiên cũng đạt đạo.*

*Với rượu và đàn bà sống thỏa thích,*

*thế rồi nhảy nhót đến khi giải thoát!*

*Người con gái tràn nhựa sống trên bàn tế lễ.*

*Thịt ngon, rượu mạnh, tắm da cừu;  
Tất cả là vật cúng dường.  
Có tôn giáo nào hơn ở đây?  
Thần Vishnu, Phạm Thiên hồi các ngài,  
Thiên định, nghi thức, kinh Vệ Đà là phương giải thoát.  
Những người yêu kính thần Uma,  
Vui với rượu, đàn bà là phương giải thoát.”(3)*

Công việc nghiên cứu có tính chất học thuật về các văn kiện, tư liệu về Mật giáo vẫn còn trong giai đoạn sơ khai. Trong hiện tại qua nhận định về các trường phái Mật giáo, chúng ta có thể thấy hai trường phái nổi bật nhất là trường phái tả gọi là Kim Cương thừa (Vajra-yana) và trường phái hữu gọi là Mật tông (Mi-tsung). Nói nôm na Vajra có nghĩa là Thiên Lô, là loại vũ khí mà các vị thần như Indra (4), Zeus (5), và Thor (6) hay sử dụng rất có hiệu quả. Không có vật gì có thể hủy hoại Vajra, mà ngược lại Vajra có thể phá hủy tất cả mọi thứ. Về sau Phật giáo sử dụng danh từ này để biểu thị cho loại vật siêu nhiên, cứng như kim cương, trong sáng như không gian trong suốt, và mạnh như thiên lôi. Hiện nay ở Mật giáo Vajra đồng nghĩa như chân lý cùng cực, đồng dạng như Pháp và giác ngộ.

Trường phái Kim Cương Thừa huyền thoại hóa tư tưởng tính không, và giảng rằng người tu tập giáo lý này xuyên qua phối

hợp những nghi thức sẽ tái tạo lại *Kim Cương Tính* có sẵn trong người, chuyển hóa thành Kim Cương hữu tình (Vajrasattva). Khởi nguồn cho khái niệm Kim Cương thừa cần phải đi ngược lại giai đoạn vào khoảng năm 300 sau kỷ nguyên. Như chúng ta biết hệ thống tư tưởng này có vào khoảng từ năm 600 trở về sau, và bộ luận tập Guhyasamaja-tantra (Tập hợp huyền bí Mật giáo) được xem như tối cổ nhất. Trường phái Kim Cương thừa được tạo thành bởi một số các luận sư trong số đó người được gọi là đời Long Thụ thứ hai (năm 600- năm 650) là người nổi tiếng nhất. Tên những vị luận sư này được ghi chép lại cho đến năm 1100 sau kỷ nguyên. Trường phái Kim Cương thừa phát sinh ở vùng cực bắc Ấn Độ, phía đông là cao nguyên Assam thuộc Bengal, phía tây thuộc khu vực Uddiyana, có lẽ là vùng xung quanh Peshawar. Do đó có phần nào tư tưởng không phải của Ấn Độ gây ảnh hưởng trong việc hình thành tư tưởng Mật giáo. Với chủ nghĩa thần bí mật giáo, nhấn mạnh đến nguyên lý nữ tính cho thấy phần nào ít nhiều vay mượn từ nền văn hóa Ấn Độ thuộc giống dân Dravidian (7) có truyền thống tín ngưỡng *Nữ thần thôn làng*, tại đây họ vẫn còn giữ tập tục chế độ Nữ tộc trưởng, theo đó là tín ngưỡng Mẹ Nữ thần ở cấp độ sùng tín hơn tôn giáo Vệ Đà đã có.

Ở vùng Bengal dưới sự bảo trợ của triều đại Pala (năm 750- năm 1150) đã giúp cho giáo lý Mật giáo được phát triển và hệ thống hoá lại. Vào giai đoạn đó Phật giáo chính thức là tổng hợp tư tưởng Bát Nhã và Mật giáo. Những nhà sư tu học ở học viện Nalanda hay những Tự Viện thuộc vùng cai trị triều đại Pala, và được các nhà vua thuộc triều đại này dựng lên như Tự Viện Vikramasila, Tự Viện Jagadala, Tự Viện Somarupa đều phối hợp hình nhi thượng học huyền bí trong giáo lý, giống như câu chuyện tu sĩ Gerbert (8) ở thành Rheims và tín ngưỡng dân gian

thời trung cổ vào thời Đại Đế Albert. Có thể nói Vagisvarakirti là người tiêu biểu cho những mối quan tâm phát triển Mật giáo vào khoảng năm 1000, Taranatha (9) có ghi lại như sau:

*“Thường xuyên ngắm nhìn dung nhan thần Tara, ông ta không còn một chút nghi ngại, giải quyết mọi chuyện. Ông ta dựng lên tám trường học về tôn giáo chuyên dạy Bát Nhã Tâm Kinh, bốn trường để học hỏi về Guhyasamaja, ba trường còn lại mỗi trường chuyên học về ba loại Mật giáo khác nhau. Ông ta cũng dựng lên nhiều trường học tôn giáo đều dạy tư tưởng trường phái Trung Quán (tư tưởng Không). Ông ta cũng bào chế ra nhiều thuốc trường sinh bất tử, phân phát cho nhiều người, vì thế nhiều người già sống đến hơn 150 tuổi, và trở lên trẻ lại.”*

Công việc phối hợp Bát Nhã Tâm Kinh và tư tưởng Mật giáo cho thấy một sức sống mãnh liệt. Tinh thần này đã bị tiêu diệt ở Bengal do thế lực Hồi giáo xâm nhập, tuy nhiên truyền thống này vẫn được truyền sang Java, Nepal, và Tây Tạng, và tiếp tục sinh động hiện nay.

Chúng ta biết rằng trường phái hữu Mật giáo truyền lại xuyên qua hệ thống tư tưởng của Bất Không (10), hiện còn sót lại ở Trung Quốc. Hệ tư tưởng này cũng còn được xem như tiếp nối từ Long Thụ. Trường phái Mật Tông Trung Hoa là hệ thống Mật giáo phối hợp cả hai được biểu hiện bằng Mạn Đà La (11). Hai hệ thống đó là Thai Tạng giới Mạn Đà La (garba-dhatu-mandala) và Kim Cương giới Mạn Đà la (vajra-dhatu-mandala),



tuy hai nhưng cùng cực nhất vẫn là một và là biểu hiện hai mặt của chân lý. Trong Mạn Đà La Phật Đại Nhật Như Lai là biểu tượng cho vũ trụ. Thân thể Phật chia thành hai phần, bổ túc cho nhau, phần thụ động Thai Tạng Giới biểu thị tính cách tinh thần, phần năng động Kim Cương Giới biểu thị tính chất vật chất. Toàn thể thế giới là khai hiện của Phật, được biểu thị bằng Mạn Đà La. Giáo lý này được mang truyền sang Nhật Bản do Hoàng Pháp Đại Sư (Kobo Daishi) vào khoảng năm 800, được gọi là Chân Ngôn Tông. Cho đến năm 1931 trường phái này có vào khoảng 8 triệu tín đồ và 11,000 tăng lữ, vẫn còn được xem là một trong những tông phái lớn ở Nhật Bản. Một số tính chất Mật giáo khác cũng được Truyền Giáo Đại Sư (Dengyo Daishi) vị tổ sáng lập trường phái Thiên Thai Nhật Bản đem vào bổ túc bằng giáo lý “Hiển giáo”, dựa theo Pháp Hoa Kinh.

Tuy nhiên trường phái Shaktism (Tín Lực) không được phổ cập nhiều ở Trung Hoa và Nhật Bản. Khuynh hướng tín dục phát triển cao vào thế kỷ 11, do hệ phái Lập Xuyên (Tachikawa)(12) thuộc Chân Ngôn Tông. Chẳng bao lâu hệ phái này bị cấm chỉ hoạt động. Vào năm 1131, một hệ phái mới trong Chân Ngôn Tông thành hình có tên là Tân Nghĩa (Shingi)(13) Chân Ngôn Tông.

Những tác phẩm liên quan đến Mật giáo gồm có những bộ luận, thần chú, bài đọc tụng, và câu chuyện mô tả mang tính chất huyền thoại. Những vị thần trong Mật giáo thường có cùng danh hiệu với các vị thần trong tín ngưỡng dân gian. Cho dù có cùng một danh xưng đi nữa ẩn dấu đằng sau đó những khác biệt sâu

sắc về chức năng các thần thánh. Những vị thần trong tín ngưỡng dân gian là sản phẩm tưởng tượng mang đầy tính chất thần thoại, được dân gian sùng kính và mong được cứu rỗi. Trong khi đó các vị thần Mật giáo là sức mạnh tinh thần mang tính chất huyền bí, được tạo ra và sử dụng vào trong từng giai đoạn trên con đường đi đến giải thoát.

### **Chú thích:**

- (1) Shakti: Trong đạo Hindu có nghĩa nguyên lý sức mạnh thuộc nữ tính, được nhân cách hóa thành nữ thần. về ngôn ngữ học có nghĩa là khả năng sáng tạo, uy lực sinh sản, tạo ra sức mạnh.
- (2) Parvati: Nữ thần trong đạo Hindu, được các bà mẹ hay người vợ sùng kính cầu mong cho có sức khỏe hay sống lâu cho người chồng.
- (3) Đoạn này trích từ Karupuramanjari, Banares, 1955, trang 22-24.
- (4) Indra là thần gió ở Ấn Độ, gồm có thần lửa, thần mặt trời, được gọi tam thần.
- (5) Zeus là thần tối cao của Hy Lạp.
- (6) Thor là thần sấm sét, của người Nhật Nhĩ man thời cổ đại.
- (7) Dravidian là chủng tộc nguyên thủy ở Ấn Độ, theo hệ thống mẫu hệ tổ chức thôn làng, trước khi giống dân Arya xâm nhập vào.

(8) Gerbert là tu sĩ, trở thành giáo hoàng người gốc Pháp đầu tiên, đa tài, biết nhiều môn khoa học, đem toán học và các môn khoa học dạy dỗ dân chúng thời Trung Cổ Âu Châu.

(9) Taranatha (1573 – 1615) người Tây Tạng viết quyển Phật giáo sử, là tài liệu quan trọng trong việc nghiên cứu lịch sử Phật giáo Ấn Độ.

(10) Bất Không Kim Cương (Amoghavajra 705 – 774) thường được gọi tắt là Bất Không, đệ tử của tổ Mật giáo Trung Quốc đầu tiên Kim Cương Trí, đã phiên dịch 80 bộ luận, 100 quyển kinh, cũng là một trong bốn nhà phiên dịch kinh điển vĩ đại của nhân loại gồm có Huyền Trang, Chân Đế, La Thập.

(11) Mạn Đà La khởi nguồn mang ý nghĩa là cảnh giới Phật đã thành chánh giác, cũng có nghĩa vật với tính chất thuần túy, tinh túy, dần dần do thiền định quán tưởng về cảnh giới Phật biến thành họa đồ. Ở Trung Hoa và Nhật Bản thường ám chỉ tám tranh vẽ về cảnh giới Phật.

(12) Hệ phái Lập Xuyên do nhà sư Nhân Quan thuộc vùng Musashi Kuni TachiKawa ở Nhật Bản, phối hợp tư tưởng âm dương và giáo lý Chân Ngôn, chủ trương giao hợp nam nữ là phương tiện mang đến giác ngộ, giải thoát.

(13) Tân Nghĩa Chân Ngôn (Shingi Shingon) là trường phái do nhà sư Kakuban xuất thân tu ở núi Cao Dã (Koza san) chủ xướng quan niệm Tự Tính Gia Trì đối trội lại với quan niệm Đại Nhật Như Lai Bản Địa Pháp Thân đã có từ trước, từ đó tách rời ra khỏi Chân Ngôn Tông nguyên thủy, và được gọi là trường phái Tân Nghĩa Chân Ngôn, lấy ngọn núi Căn Lai (Negoro)

thuộc huyện Wakayama làm Đại Bản Sơn. Sau đó hệ phái này phân liệt thành hai trường phái Phong Sơn và Trí Sơn.

(Còn tiếp)

**Tùng Sơn**

# **Dấu Xưa**

**Nhuận Hùng**

**Ngày Tàn Bạo Chúa.**

“Sau cơn mưa trời lại sáng...”

Đúng vậy, ai ai cũng biết như thế, nhưng trước khi trời mưa chúng ta thấy những hiện tượng xảy ra tùy theo cơn mưa lớn hoặc nhỏ có nhiều lúc bão tố, ngập lụt không chừng. Nhưng cũng có khi mưa gió hoặc giông tố nổi lên bất thường ngược với thời tiết. Chúng ta hiểu ngay đó là những điềm không lành hoặc là một hiện tượng gì đó...mà nhân quan bình thường không thể hiểu và đoán trước sự kiện tốt - xấu sẽ xảy ra.

Do vậy, từ việc này ta suy ra việc khác, thử nghĩ, ai trong chúng ta cũng đã từng trải qua những cuộc binh biến hãi hùng trên quê hương yêu dấu...Từ ngàn xưa cho đến ngày nay, về mặt xã hội, các nước nhược tiểu thường bị các nước lớn xâm chiếm, không sao tránh khỏi cảnh thăng trầm đất nước đảo điên. Trong công cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do, nhân quyền dân chủ, không thể nói bằng miệng hoặc trên giấy báo mà thành công được.

Nếu nói theo xã hội đương đại thì chúng ta có rất nhiều phương tiện đấu tranh cho nhân quyền, dân chủ. Một đất nước bị áp chế cũng có thể dùng mọi phương tiện bằng máy vi tính, hoặc trên mạng lưới cũng có thể lập thành nhiều nhóm liên kết với nhau. Nếu được như thế cũng có nhiều ưu điểm trên mạng lưới vô tuyến, nhất định sẽ dành lại sự công bằng cho những người dân cơ hàn khôn khổ...

Vì vậy, những bậc tiền bối, cha ông ta đã can đảm đứng lên quyết dành lại giang sơn gấm vóc, dù phải hy sinh bản thân mình cho đại nghĩa, quyết dành lại từng tấc đất để cho con cháu về sau. Tất cả đều phải trả một giá rất đắt bằng xương, bằng máu, bằng vật chất quyết dành lại công bằng cho dân tộc của mình. Trí tuệ và sự sáng suốt, khôn khéo đồng lòng hiến dâng cho tiền đồ đất nước, không mang tính cá nhân hay trục lợi sẽ tránh khỏi mọi cạm bẫy của đối phương. Với ý chí kiên cường bất khuất thương yêu đồng đội, đoàn kết hợp lực cùng chung một chí hướng quyết đi trên con đường đấu tranh, thì ngày trở về quang phục lại quê hương sớm thành tựu, còn bằng không vẫn là kẻ tha phương nơi xứ người.

Lại nhắc đến chàng thanh niên trong đoàn Sơn Đông mãi võ, bị các cơ quan an ninh địa phương truy nã gắt gao và hình ảnh chàng dán khắp mọi nơi trên đất Hoa Lục để nhân dân nhận diện. Thật khổ thay, đã dấn thân vào con đường khôi phục giang sơn, theo tiếng gọi của hồn thiêng sông núi của mảnh đất sinh ra và lớn lên đã bị kẻ địch chiếm và cướp hết tài nguyên, chàng đã kêu gọi dân làng đứng lên dành lại quyền tự trị việc làm ấy đều

bị thất bại. Chàng thâm nghĩ không lẽ mình đành bó tay đầu hàng giặc hay sao?

Còn sư phụ, còn dòng tộc bị chúng giết thê thảm và dân làng bị đầy đọa khắp nơi, lương tâm chàng không thể buông xuôi theo dòng nước lũ. Chàng thâm hỏi và tự động viên lấy mình: Ta phải cố lên gắng thấp sáng ngọn lửa đấu tranh không thể dập tắt được, cho dù bão tố mưa sa.

Chúng giặc cướp đất, cướp nhà của bao người dân lành phải biết luật nhân quả không thể trốn chạy được. Lưới trời lồng lộng, tuy thưa mà khó thoát. Gieo nhân nào gặt quả nấy, không phân biệt giàu nghèo sang hèn, vua chúa hay dân dã, việc làm dù thiện hay ác đều có quả báo: Không sớm thì chầy đã gieo nhân ắt có quả. Nhân quả báo ứng ai ai cũng hiểu điều đó.

Chàng vẫn chưa có lối thoát vì chung quanh là những tai mắt của triều đình chúng luôn luôn bắt bớ những ai bị tình nghi cho là tạo phản chống lại triều đình lúc bấy giờ. Chủ trương của họ là: “bắt lầm hơn bỏ sót”. Thật mỉa mai, cho một triều đại thối nát đê hèn, xem dân chúng như cỏ, như rác, giết dân lành vô tội, không chút thương tâm.

Khắc phục mọi gian nan và cực khổ chàng lặn lội từ tỉnh này sang tỉnh khác bao gồm như: Quế Châu, Hàn Châu, Tứ Xuyên,

Triết Giang từ đông sang tây từ nam đến bắc khắp nơi...hành nghề sơn đông mãi võ mục đích không phải mưu sinh bình thường. Mà chàng đi sâu vào lòng dân để đẩy lên phong trào đòi lại dân chủ, tự do nhân quyền, cho dân chúng bị bọn tham ô chiếm đoạt tài sản khiến cho bao người dân đói rét sống trong cảnh lầm than, cơ cực...

Trong lúc đang hoạt động chàng bị tình nghi và bắt giam đưa vào ngục thất, sau đó chàng bị chúng đưa đến một nơi xa xôi hẻo lánh không ai có thể tìm cứu được. Cuối cùng chàng đành bó tay chịu bao khổ nhục trong chốn lao tù, chưa biết ngày nào ra chẳng khác nào đám mây đen bủa khắp mọi nơi. Chàng thầm nghĩ: “Cửa địa ngục có ai thoát khỏi hay không?” Đúng, dân gian thường nói:

*“Nhứt nhật tại tù, thiên thu tại ngoại”*

(Một ngày trong tù bằng cả ngàn năm bên ngoài)

Nơi lao tù dù tra tấn đến đâu cũng không thể làm cho chàng thoái chí nản lòng, nhờ lòng kiên nhẫn và quyết chí nung đúc tinh thần đấu tranh cho dân tộc. Bởi vì chàng đã đổi họ thay tên từ khi bước vào chốn thiên môn, từ lúc lên mười được sư phụ nuôi nấng chỉ dạy và truyền lại võ công...

Ngay trong lúc đó tại triều đình xảy ra không biết bao nhiêu sự phân tranh từ nội bộ mà ra. Quyền hành tranh dành mà chém



giết lẫn nhau Người em của vua đương thời trong triều đình, lại là quan lớn nắm hết quyền bính, tất cả binh sĩ đều do ông điều động, nghiệt ngã giặc biên thù không quấy nhiễu mà chính ông ép người dân trong nước đến bước đường cùng, chẳng hạn như: ruộng đất đều phải sung vào của công, thuế cao và chiếm đất dân làm việc tư hữu, trường học hạn chế, đưa dân lên những vùng thâm sâu cùng cốc để khai phá đất hoang mà sinh sống. Từ đó dân chúng lâm vào cảnh bần cùng khốn khổ, đứng lên đòi lại sự sống công bình, nhân quyền nhưng đều bị bọn quan quyền tham ô bất bớ, tù đầy rất dã man. Thật đúng với câu người xưa thường nói:

*“Tức nước vỡ bờ”* hay nói một cách khác

*“Cùng tắc biến, biến tắc thông”.*

Ví như cỏ dại bị đá lớn đè nó cũng cố vươn lên để tìm sự sống. Một khi ngọn lửa đấu tranh gặp chướng ngại đang âm ỷ trong đồng tro tàn, tưởng như tàn lụi, nhưng đến một lúc nào đó, không thể đoán trước được. “Thiên cơ bất khả lậu”.

“Ông trời có mắt”, không thể làm ngơ, khiến dân chúng cực cực buộc phải đứng lên đòi sự công bình cho xã hội.

Nhắc lại vị vua này cũng đang lo sợ người em ruột hạ bệ mình mà đoạt lấy ngôi vị. Cho nên đi trước một bước ra lệnh phải triệt hạ tất cả những ai có liên quan đến dòng tộc mang họ vua chúa

thời trước đều bị kết tội, bắt giam và hành xử không chừa một ai, cho dù con nít mang họ ...Thụy. Thật dã man thay ông trời không thể là ngơ được những tiếng khóc than ai oán của dòng tộc bị đọa đày này.

Ba năm sau...!

Tại một vùng đất của Hoa lục thuộc tỉnh...làng...

là vùng đất trù phú nhất nơi đây, cũng là nguồn lợi lớn của triều đình lúc bấy giờ. Không thể làm ngơ, cẩn thận trong việc canh gác và bảo vệ hải sản tối đa, thế mà có những sự kiện xảy ra thật lạ lùng khiến cho dân làng và bọn lính canh giữ không thể ngờ được. Sự việc như thế này: “Trước đó, ba tháng trời bỗng dưng thay đổi thời tiết nóng thành lạnh, lạnh thành nóng không đúng vào chu kỳ của vùng này. Thoạt đầu ba ngày liền mặt trời lúc hoàng hôn cũng như rạng đông đều đỏ rực như màu máu khiến nhiều dân lành hồ nghi nhưt là những vị bô lão thường hay bàn tán với nhau. Nhưng chẳng ai dám hé miệng ra điều gì sợ mang họa vào thân. Thế rồi, sau đó xảy ra thêm một sự kiện nữa dân làng thật là lo sợ nhưng mưa gió trái mùa, cào cào cắn lúa non, sâu rày phá hoại mùa màng...Lúa mùa bị mất sạch gây cảnh đói khát, dân chúng chết đói, chết vì bệnh dịch không ít.

Theo tập tục của người xưa những hiện tượng này thường hay báo trước những điềm không mấy tốt sẽ xảy ra chẳng hạn như chiến tranh, giặc giã, chết chóc hoặc là thiên tai, bệnh tật...

Quả nhiên, đúng thật có người cho biết lúc bấy giờ tại làng...xã....tỉnh....tại sông Dương Tử nơi đó là con sông lớn của Trung Quốc. Thế mà, lại có những sự việc không ngờ đã xảy ra...Cứ mỗi buổi sáng ra thì thấy cá chết hàng loạt bên bờ sông quan quân ở đây đang tìm hiểu vì sao lại xảy ra như thế.

Tại triều đình lúc bấy giờ nhà vua bối rối lo lắng vì tại hoàng cung, hoàng hậu bỗng nhiên phát bệnh lạ thường la hét, bức áo bức quần trông như kẻ tâm thần điên loạn, nói năng bừa bãi không còn biết mình là ai. Thấy vậy, nhà vua cho triệu tập tất cả danh y về chữa bệnh cho hoàng hậu nhưng cũng chẳng có kết quả gì đành bó tay. Cuối cùng, Bà bị cách ly không được gần gũi ai. Kế tiếp, được tin quân lính báo vị hoàng tử đi săn gặp nạn, thương tích nặng cần phải cứu gấp. Nhà vua truyền mời danh y về điều trị, nhưng vẫn không cứu nổi.

Một khi trong gia đình có việc không may xảy ra, thì chủ gia đình là người lo lắng nhất. Chưa kể là một vị vua cai quản hàng vạn dân nhưng khi trong gia đình gặp một chút nạn là đã đảo điên lên rồi huống hồ dưới trướng của vua có biết bao nhiêu quan tướng bất trung, làm nhiều điều trái với lương tâm, khiến cho dân chúng oán than.

Cổ nhân có câu:

*“Thượng bất chính thì hạ tất loạn”*

(Người trên không chính, kẻ dưới làm loạn)

Chưa hết, lúc bấy giờ thừa cơ hội nhà vua lo lắng cho người thân, thì bên ngoài em của nhà vua muốn hạ bệ anh mình, “thừa nước đục thả câu”. Mượn có đem binh đi dẹp bọn thảo khấu ngầm âm mưu làm chủ các tỉnh nhỏ rồi sau đó sẽ giết vua đoạt ngôi. Nhưng không đủ sức thực hiện mưu toan đen tối, chỉ dùng thủ đoạn nham hiểm dưới chiêu bài “Ngư ông thủ lợi”. Mượn tay người khác là mà chờ thời để hưởng lợi.

Cũng vào thời gian ấy, tại vùng đất Tứ Xuyên có một số người không hiểu từ đâu kéo đến cò xí rầm rộ tung hô: “Hoàng tử điện hạ...” của vị vua tiền nhiệm trước nay chiêu quân để khôi phục lại giang sơn. Thật ra không lượng sức mình, hoàng tử này thật hay giả chưa rõ. Nhưng khi xuất hiện liền bị quân lính của triều đình dẹp ngay. Có nhiều người phải hy sinh và còn lại bị bắt giam cầm rất dã man. Vị hoàng tử ấy, may mắn gặp được Mã Đại Nhân ra tay cứu thoát mang đi trú ẩn một nơi xa xôi không ai biết, chờ ngày quang phục lại quê hương. Trước những tranh chấp như thế, người dân rất là khổ khổ chỉ biết cầu trời khẩn Phật xin cho đất nước sớm chấm dứt chiến tranh, để dân chúng được sống an vui hạnh phúc. Tiếng kêu ấy thấu đến thiên đình, nhưng minh quân chưa thấy xuất hiện.

“Nỗi đau mất nước, có buồn nào hơn...”.

Cùng thời gian ấy, nhắc đến chàng thanh niên trong đoàn Sơn Đông mãi võ không ai biết đến tông tích chàng chết hay sống vì đã vắng bóng khá lâu. Triều đình nhà vua đã ráo riết ngày đêm truy tìm để tiêu diệt cho bằng hết những gì liên quan đến triều đại trước dù là một đứa bé sơ sinh. Với chủ trương “Diệt cỏ là phải diệt tận gốc”. Tàn ác thật là tàn ác không còn phương cách nào diễn tả cho hết được. Triều đại hung tàn như thế sẽ có ngày diệt vong.

Chàng không chết trong nhà giam mà phải vượt lên trong hơi thở cuối cùng. Dù chàng bị tra tấn hành hạ cách mấy cũng chẳng một than thở. Với ý chí kiên cường sắt thép như thế làm cho bọn giặc khiếp sợ. Không bằng chứng không tìm được manh mối nên chàng vẫn còn có cơ may thoát khỏi ngục tù. Ánh sáng cuối đường hầm cũng có thể là tia hy vọng cho ngày mai. Những tháng ngày mùa Đông lạnh lẽo chàng lại nhớ đến câu thơ người xưa:

*“Lạnh thêm chút nữa lạnh ơi!*

*Cho Xuân rực sáng giữa đời sắc không*

*Vô ưu hoa nở trong lòng*

*Đất Tâm hoa nở mênh mông trời vàng”*

Cảnh lao tù lúc nào cũng tối tăm cơ cực nhưng cũng là nơi thử thách để kiên trì rèn luyện hun đúc tinh thần chờ thời cơ đến, trong cái rủi, có cái may chàng sẽ gặp được “Thiện tri thức”

hoặc là ai đó sẽ chỉ bày cho chàng một hướng đi chân chính để đến đích. Quả thật vậy cũng là điều tốt cho chàng có cơ hội tịnh tâm tu tập, giáo pháp cao siêu của Phật Đà bất cứ nơi nào cũng có thể tu tập được. Miễn sao chúng ta không bị phiền não trói buộc. Dù nhà tù tối tăm cũng có thể biến thành nơi trang nghiêm thanh tịnh để tu tập và trau dồi công phu tăng trưởng nội lực. Chàng thường đọc tụng bài sám:

*“Qui mạng thập phương Điều Ngự Sư,*

*Diễn dương thanh tịnh vi diệu pháp*

.....

.....

*Bồ Đề tâm nhi bất thôi tu tập chánh pháp liễu ngộ đại thừa.  
Khai lục độ chi hạnh môn việt tam kỳ chi kiếp hải. Kiến pháp  
tràng ư xứ xứ phá nghi võng ư trùng trùng, hành phục chúng ma  
thiệu long tam bảo...”*

(Sám Quy Mạng)

Sau khi phát hiện vách tường cũ có rỉ đường nứt nước ẩm ướt chàng quyết dùng nội lực phá vỡ một viên đá nhìn sang phòng giam bên cạnh, thì nghe có tiếng thở dài và tiếng nói nhỏ nhỏ. À...thì ra ở đây có phòng biệt giam dành cho các trọng phạm, ta phải lập tức khám phá cho kỳ được để liên kết với người cùng chung cảnh ngộ, sau đó tìm lối trốn thoát.

Không thể tin vào mắt mình được, khi bên cạnh vách tường nhà giam lại là một nhân vật mà chàng chưa từng gặp bao giờ. Ông lão tuy lớn tuổi nhưng cốt cách rất là phương phi, râu tóc trắng tinh thật dài, đôi mắt sáng quắc giọng nói nghe chấn động trông như một tiên ông. Nghe tiếng động ông ta liền nói: “Ai đó, dám vào đây quấy động ta, không sợ chết hả?” Thấy vậy, chàng liền uốn người phóng qua kẻ hở một cách nhẹ nhàng, bước đến trước mặt ông ta và thi lễ theo phong cách của một môn sinh.

-Kính chào tiên bối.

Ông lão đáp lại: “Tại sao, ngươi vào đây?”

Chàng từ tốn thưa: “Thưa tiên sinh, câu chuyện này dài dòng lắm, xin được kể lại sau”,

Chàng liền hỏi tiếp: “Xin tiên bối cho biết quý danh và duyên cớ chi mà lão ở đây...”

-À! cứ gọi ta là Lão Tín là đủ rồi. Đừng thắc mắc chi nữa, kể từ nay ta đã có đồ đệ rồi, sao lạy tạ ta đi. Bỗng nhiên Lão cười thật to: “tiếng cười giòn giã ha..ha..ha...kể như bạo chúa sắp hết đời rồi”. Khiến cho chàng càng bối rối không biết việc gì sẽ xảy ra. Chàng không thể nào tin được Lão Tín này mắc bệnh tâm thần. Lão chỉ trầm ngâm không nói hay than thở một lời nào. Nhưng có nhiều lúc chàng bị Lão Tín tóm cổ ném vào vách tường như một trái banh liên tục như thế. Nếu như chàng không có nội lực của người chuyên luyện võ công thì mất mạng hoặc ít lắm cũng đầy thương tích. Nhưng thâm ý chàng đoán được Lão sẽ truyền lại cho người có bản lãnh và nội lực thâm sâu, mới đủ sức tiếp nhận môn võ công tuyệt đỉnh. Có lẽ chàng đã có duyên với Lão Tín từ tiền kiếp. Cho nên tuy mới gặp mặt nhưng rất thân thiết,

nên ra sức nhào nấn chàng như thế. Thấy chàng có vẻ thần nhiên. Lão Tín bèn nói tiếp khá lắm, khá lắm. Người có biết ta ở đây bao nhiêu năm hay không?.

-Dạ không biết.

-Hà...hà ta đã ở đây trên 36 năm.

Chàng liền thưa rằng:

-Vì sao Ngài bị giam vào nơi này?

Lão Tín: “Không trả lời, hỏi ngược lại còn người tên họ là gì, làm nghề gì, có tham gia trong binh lính triều đình hay không? Phạm tội gì? ? ?...”

Hàng loạt câu hỏi như thế. Khiến chàng hiểu ngay Lão Tín này không phải là người tầm thường. Chưa hết, Lão còn lấy trong túi áo một tấm vải cũ thâm màu nho nhỏ xếp vuông và bảo người hãy học thuộc sẽ có lợi về sau. Chàng liền mở ra xem chỉ thấy vồn vện có mấy chữ:

Lời Đức Phật Dạy:

“Lấy bệnh khổ làm thuốc thần

Lấy hoạn nạn làm giải thoát

Lấy khúc mắc làm thú vị

Lấy ma quân làm bạn đạo

Lấy khó khăn làm thích thú



Lấy kẻ tệ bạc làm người giúp đỡ  
Lấy kẻ chống đối làm nơi giao du  
Coi thi ân như đôi dép bỏ  
Lấy xả lợi làm vinh hoa  
Lấy oan ức làm cửa ngõ đạo hạnh”  
(Luận Bảo Vương Tam Muội)

Câu chuyện này tạm ngừng nơi đây.

Và không hiểu về sau chàng và Lão Tín vượt ngục, việc làm ấy, tuy táo bạo nhưng có thành hay không?

-Công cuộc tranh đấu sẽ đi về đâu?

-Còn phải tùy thuộc vào sự chung lưng góp sức với mọi người, cuối cùng rồi sẽ ra sao? Thành hay Bại?

Xin mời quý vị đón đọc kỳ tới.

**Nhuận Hùng**

# Nói xấu người khác: những hậu quả & cách chuyển hóa

Ni Sư Thubten Chodron

*(Mọi người đều muốn được thương yêu – muốn được mọi người chú ý và thừa nhận những khía cạnh tích cực của bản thân, muốn được quan tâm và tôn trọng. Hầu hết chúng ta đều không muốn bị đánh giá, bị phê bình và từ chối. Việc trau dồi thói quen nhìn thấy những điều tốt đẹp của bản thân và của người khác mà có thể đem lại cho mình và người niềm hạnh phúc, nó cho phép chúng ta cảm nhận và mở rộng tình thương yêu. Từ bỏ thói quen nhìn thấy lỗi lầm sẽ giảm thiểu sự đau khổ cho mình và người. Vấn đề này nên được xem là trọng tâm trong lộ trình tâm linh của chúng ta. Chính vì lý do này mà đức Dalai Lama đã nói: **“Tôn giáo của tôi là tốt”**. Chúng ta có thể vẫn thấy những điều chưa hoàn thiện của mình và của người khác, nhưng tâm chúng ta hiền dịu hơn, biết chấp nhận và rộng lượng hơn.)*

**CĐ - “Tôi nguyện không nói lỗi lầm của người khác”.** Trong truyền thống Phật giáo, đây là một trong những lời nguyện của Bồ tát. Đối với những vị tu sĩ đã thọ Cụ Túc giới, một nguyên tắc tương tự được đề cập đến trong lời phát nguyện là không nói lời phỉ báng. Điều này cũng được nhắc đến trong lời khuyên của Đức Phật đối với tất cả mọi người để tránh 10 bất thiện nghiệp, đó là bất thiện nghiệp thứ năm: nói những lời gây bất hòa, chia rẽ.

**Nhiều người có thói quen ưa nói lỗi lầm của người khác.** Và đôi khi chính họ không nhận thấy thói quen ấy và chỉ nhận diện được nó sau khi đã nói xong. Vậy thì động cơ ở đằng sau việc nói lỗi lầm của người khác, đằng sau xu hướng muốn hạ thấp người khác là gì? Một trong số những minh sư của tôi, ngài Ngawang Dhargye đã từng nói: “Quý vị ngồi lại với nhau và nói về lỗi lầm của người khác, về những việc làm sai trái của người đó. Thế rồi quý vị tiếp tục thảo luận về những sai phạm và những phẩm chất tiêu cực của người ấy, bởi vì quý vị tự thừa nhận với nhau rằng quý vị là những người tốt nhất”.

Khi tôi nhìn sâu vào bên trong, tôi nhận thấy rằng ngài Ngawang Dhargye đã nói đúng. Bị nung nấu bởi cảm giác bất an, tôi đã nghĩ sai rằng nếu người khác sai, xấu, đầy khuyết điểm, theo phép so sánh, thì tôi phải là người đúng, tốt và có năng lực. Chiến thuật hạ nhục người khác để tạo dựng lòng tự trọng của mình theo cách này rất khó có kết quả.

**Lúc chúng ta tức giận người khác cũng là lúc chúng ta thường nói xấu họ.** Trong trường hợp này chúng ta có thể nói lỗi của người khác vì một vài nguyên do khác nhau. Đôi khi chúng ta nói xấu người khác để kéo mọi người đứng về phía mình. Chúng ta nghĩ rằng, nếu ta kể cho mọi người nghe về sự tranh luận giữa ta với anh A rồi thuyết phục mọi người rằng anh A sai và mình đúng. Như thế thì mọi người sẽ đứng về phía chúng ta. Chính vì ý nghĩ rằng: “Nếu mọi người nghĩ mình đúng thì chắc hẳn là mình đúng”. Việc tự nghĩ rằng mình đúng như thế ấy là một việc làm kém cỏi trong khi chúng ta không chịu dành thời gian để đánh giá một cách trung thực đối với những việc làm và động cơ của chúng ta.

**Có khi chúng ta nói xấu người khác vì chúng ta ganh ghét họ.** Chúng ta muốn được mọi người tôn trọng và đánh giá cao như người kia vậy. Từ trong sâu thẳm chúng ta nghĩ rằng: “Nếu mọi người thấy những phẩm chất xấu của người mà mình nghĩ là tốt hơn mình thì thay vì tôn trọng và giúp đỡ người đó, họ sẽ khen ngợi và hỗ trợ mình”. Chiêu bài mà chúng ta dùng để giành lấy sự tôn trọng và đánh giá cao của người khác theo cách này có rất khó mang lại hiệu quả.

**Nói xấu người khác đem đến những hậu quả gì?** Trước hết, chúng ta sẽ được biết đến như là một người thường gây ra sự bất hòa. Người ta sẽ không muốn tâm sự với chúng ta vì họ sợ là chúng ta sẽ nói với người khác, thêm thắt những lời đánh giá của ta khiến cho họ bị xem là không tốt. Theo kinh nghiệm cá nhân, tôi nhận thấy rằng người nào hay nói xấu người khác với tôi thì

chắc hẳn họ sẽ đi nói xấu tôi với người khác. Hay nói cách khác, tôi không tin tưởng những ai thường hay phê bình người khác.

**Thứ hai, chúng ta phải đối mặt với người bị chúng ta nói xấu** khi họ phát hiện ra những gì chúng ta đã nói, và phiền phức hơn là lúc họ nghe được những gì chúng ta đã nói xấu về họ thì những điều đó đã bị phóng đại lên nhiều lần. Người đó có thể nói với người khác về lỗi của mình để trả đũa.

**Thứ ba, một số người có thể sẽ bị kích động khi nghe nói về lỗi của người khác.** Chẳng hạn, nếu một người ở trong văn phòng hoặc trong nhà máy nói xấu sau lưng người khác, mọi người ở tại nơi làm việc có thể sẽ tức giận và công kích người đã bị nói xấu. Điều này có thể sẽ làm dấy lên việc nói xấu sau lưng người khác ở sở làm và gây ra tình trạng bè phái. Điều này gây tổn hại đến một môi trường làm việc hòa hợp.

**Thứ tư, chính bản thân ta cũng không có hạnh phúc khi mình luôn phanh phui lỗi của người khác.** Khi chúng ta tập trung vào những điểm tiêu cực, hoặc là những sai lầm, chính tâm của chúng ta cũng không có an vui. Những ý nghĩ rằng người này xấu, người kia không tốt,... thường không có lợi cho tinh thần của chúng ta.

**Thứ năm, khi ta nói xấu người khác tức là chúng ta đã gây ra tác nhân để cho người khác nói xấu mình.** Điều này có thể xuất hiện ngay trong đời này nếu người mà ta phê bình muốn hạ nhục mình, hoặc có thể xuất hiện trong tương lai khi mình bị người khác buộc tội một cách vô lối hoặc là bị vu oan. Khi chúng ta là người nghe những lời nói thô tục, chúng ta cần nhớ rằng đây là kết quả từ hành động của chính chúng ta, chúng ta đã tạo ra nhân, nay đã đến lúc phải nhận quả. Chúng ta đã gây ra sự tiêu cực ở trong vũ trụ và trong tâm thức của mình, bây giờ nó trở lại với chúng ta. Không có lý do gì để giận hay buộc tội người khác khi chúng ta là người đã tạo ra nguyên nhân chính yếu đối với rắc rối của mình.

Tuy nhiên, có một số trường hợp có vẻ như là nói lỗi của người khác nhưng lại là cần thiết, nên nói. Mặc dù những trường hợp này rất giống với việc phê bình người khác, nhưng thực ra thì chúng không giống nhau. Điểm khác nhau ở đây là gì? Đây chính là động cơ của ta. Nói lỗi của người khác thường là có ác tâm ở bên trong và thường bị thúc đẩy bởi động cơ ích kỷ. Bản ngã của ta muốn có được điều gì đó từ việc nói xấu người khác, nó muốn được tốt bằng cách hạ nhục người khác. Ngược lại, sự bàn thảo chính đáng về những lỗi lầm của người khác thường xuất phát từ sự quan tâm giúp đỡ và tâm thương yêu, chúng ta muốn làm rõ sự tình, ngăn chặn nguy hại, hoặc là muốn giúp đỡ.

Chẳng hạn như khi chúng ta phải viết thư giới thiệu cho ai đó mà người ấy không được tốt lắm, chúng ta phải trung thực, phải đề cập đến những ưu điểm cũng như nhược điểm của anh ta để

cho người chủ tương lai hoặc là chủ nhà của họ có thể quyết định xem người đó có thể làm những gì mà họ mong muốn hay không. Tương tự như vậy, chúng ta có thể phải báo trước về những thói quen của ai đó để cảnh báo những rắc rối có nguy cơ xảy ra. Trong cả hai trường hợp này, động cơ của ta là không phải để phê bình người khác, cũng không phải để thêm thắt những điều mà người đó không có. Chúng ta chỉ muốn đưa ra một lời diễn tả không có thành kiến về những gì chúng ta thấy mà thôi.

Đôi khi ta nghi ngờ rằng việc nhìn nhận của chúng ta về những tiêu cực của một ai đó có thể bị hạn chế, bị định kiến, cho nên ta nói với một người bạn mà người bạn đó không hề biết gì về người kia, nhưng người bạn đó có thể giúp ta nhìn thấy những khía cạnh khác. Điều này đem đến cho ta những ý tưởng, quan điểm có tính xây dựng, tích cực hơn và giúp cho ta biết cách để ứng xử với người kia. Người bạn của ta cũng có thể chỉ cho ta thấy những điểm nút của mình - những sự phản kháng và các vấn đề tế nhị - những điều mà ta đang phóng đại về điểm yếu kém của người khác, nhờ vậy mà ta có thể điều chỉnh cho phù hợp.

Có khi chúng ta không rõ về những việc người khác làm nên nhờ một người bạn - là bạn của mình và người đó - tư vấn để biết thêm về hoàn cảnh người đó, và từ đó đánh giá, ứng xử với họ một cách hợp lý. Hoặc là chúng ta phải tiếp xúc với một người mà mình nghi là họ có vấn đề, nên mình nhờ đến các chuyên gia tư vấn để biết cách ứng xử với người đó. Trong cả

hai trường hợp này, chúng ta phải nói cho người bạn hoặc là chuyên gia nghe về những vấn đề, những việc không tốt của người khác, nhưng động cơ của mình là muốn giúp họ và muốn giải quyết sự khó khăn.

Trong một trường hợp khác, một người quen của mình có thể không biết là họ đang có hành vi gây tổn hại người khác hoặc là hành xử theo lối hạ nhục người khác. Để bảo vệ người ấy khỏi phải tai họa do sự thiếu sáng suốt của chính họ gây ra, chúng ta có thể nói cho họ biết rõ điều mà họ làm. Ở đây chúng ta nói không phải với giọng phê bình hay là thái độ xét nét **mà nói với lòng thương yêu**, nhằm chỉ ra lỗi lầm hoặc sai phạm của người đó để rồi anh ta có thể khắc phục.

**Chúng ta thường có thói quen nói lỗi của người khác.** Để từ bỏ thói quen này thì chúng ta phải bắt đầu từ việc điều chỉnh thói quen đánh giá người khác. Thay vì đánh giá, phê bình người khác, chúng ta hãy lưu tâm đến những phẩm chất tốt và sự tử tế của người khác. Chúng ta cần phải rèn luyện tâm của mình, chỉ nhìn những điểm tốt, những điều tích cực của người khác. Rèn luyện như thế thì sẽ tạo nên sự khác biệt giữa niềm hạnh phúc, cởi mở và thương yêu của ta với sự buồn khổ, khó gần và khắt khe.

**Chúng ta cần phải cố gắng để trau dồi thói quen chú ý vào những điều tốt đẹp, đáng yêu, đáng quý ở nơi người khác.** Nếu chúng ta để ý những thứ đó thì chúng ta sẽ không lưu tâm đến



những lỗi lầm của họ. Thái độ vui vẻ và lời nói bao dung xuất phát từ việc này sẽ cải thiện những người xung quanh và sẽ nuôi lớn hạnh phúc, sự mãn nguyện và tình thương yêu ở trong ta. Vì thế, chất lượng cuộc sống của ta tùy thuộc vào việc chúng ta tìm thấy lỗi lầm với kinh nghiệm của mình hay là thấy những gì tốt đẹp ở bên trong nó.

**Khi chúng ta nhìn thấy lỗi lầm của người khác là chúng ta bỏ lỡ cơ hội để thương yêu.** Nó cũng có nghĩa là chúng ta không có khả năng để nuôi dưỡng bản thân một cách hợp lý với những sự hiểu biết chân tình khi chúng ta đem vào tâm mình những độc tố. Khi chúng ta có thói quen xăm xoi lỗi của người khác thì chúng ta cũng có xu hướng chỉ nhìn thấy những khuyết điểm, những lỗi lầm của bản thân. Điều này có thể đưa chúng ta đến việc làm giảm giá trị toàn bộ cuộc sống của mình. Thật là bi thảm nếu chúng ta bỏ qua những điều quý giá và cơ hội trong cuộc sống của mình, không nhìn thấy khả năng thành Phật trong bản thân mình. Vì thế, chúng ta phải chấp nhận chính mình như những gì mình đang có trong hiện tại, đồng thời chúng ta cố gắng để trở nên những con người tốt hơn trong tương lai. Nói vậy không có nghĩa là chúng ta làm ngơ trước những lỗi lầm của mình, mà là chúng ta không quá miệt thị về chúng. Chúng ta mừng vì mình được làm người, tự tin về khả năng của mình và tự tin về những giá trị chân thực mà chúng ta đã gây dựng từ trước đến nay.

**Mọi người đều muốn được thương yêu – muốn được mọi người chú ý** và thừa nhận những khía cạnh tích cực của bản

thân, muốn được quan tâm và tôn trọng. Hầu hết chúng ta đều không muốn bị đánh giá, bị phê bình và từ chối. Việc trau dồi thói quen nhìn thấy những điều tốt đẹp của bản thân và của người khác mà có thể đem lại cho mình và người niềm hạnh phúc, nó cho phép chúng ta cảm nhận và mở rộng tình thương yêu. Từ bỏ thói quen nhìn thấy lỗi lầm sẽ giảm thiểu sự đau khổ cho mình và người. Vấn đề này nên được xem là trọng tâm trong lộ trình tâm linh của chúng ta. Chính vì lý do này mà đức Dalai Lama đã nói: **“Tôn giáo của tôi là lòng tốt”**. Chúng ta có thể vẫn thấy những điều chưa hoàn thiện của mình và của người khác, nhưng tâm chúng ta hiền dịu hơn, biết chấp nhận và rộng lượng hơn.

**Đối lập với việc nói xấu người khác là nói với sự hiểu biết và thương yêu.** Những ai đang đi trên lộ trình tâm linh và những ai muốn sống hòa hợp với người khác thì việc phát ngôn với sự hiểu biết và thương yêu là điều rất quan trọng. Khi chúng ta nhìn vào những phẩm chất tốt của người khác, chúng ta cảm thấy hạnh phúc. Việc thừa nhận những phẩm chất tốt của người khác khiến cho lòng mình cảm thấy hạnh phúc, nó còn tạo ra bầu không khí hài hòa và đem đến cho người khác thông tin phản hồi hữu ích.

**Khen ngợi người khác là một việc mà chúng ta cần phải thực tập trong quá trình tu tập của mình.** Nếu chúng ta thường nghĩ đến những tài năng, những phẩm chất tốt của người khác thì chúng ta cảm thấy hạnh phúc hơn và người khác cũng vậy. Chúng ta sẽ tạo được mối quan hệ tốt đẹp với người khác, và gia

đình của chúng ta, môi trường làm việc và hoàn cảnh sống của chúng ta sẽ hòa hợp hơn. Chúng ta gieo những hạt giống từ những hành vi tích cực ấy ở trong tâm thức của mình, chúng ta sẽ tạo nhân duyên cho những mối quan hệ hòa ái và cho sự thành tựu những mục đích tâm linh cũng như những mục đích trong cuộc sống đời thường.

*Ni sư **Thubten Chodron***

Source: PhapVan.CA

# DANH NI TRUYỆN

## Patachara

(Người khoác áo)

### Ngọc Bảo

Patachara là con của một vị trưởng giả đáng kính trong vùng. Cha nàng đã sắp đặt để hứa hôn cho nàng với một người đàn ông lớn tuổi chưa từng biết mặt, nhưng thực ra nàng đã lỡ yêu một gia nhân trong nhà. Khi sắp đến ngày cưới, hai người rủ nhau bỏ trốn đến một thành phố xa, ở bên kia con sông.

Theo phong tục, khi một người đàn bà kết hôn thì rời bỏ gia tộc của mình và nhập vào dòng họ của chồng. Nhưng chồng Patachara tứ cố vô thân, chẳng có gia đình gì cả, lại nghèo rớt mùng tơi. Kết hôn với người ở ngoài giai cấp, lấy nhau vì tình – đó là điều tui hổ nhục nhã trước mắt mọi người. Đã vậy, lấy người chồng không có gì bảo đảm cho cuộc sống thì thật là điên rồ. Patachara đã lìa bỏ tất cả khi nàng bỏ trốn đi với người tình.

Ngôi làng bé nhỏ của họ có bờ rào chung quanh, với những cánh cổng đóng vào ban đêm. Đôi tình nhân sống trong một túp lều tranh vách đất nhỏ bé, chỉ có một cửa ra vào và một cửa sổ, đồ đạc chỉ có một cái giường và một ít nồi niêu để đựng thức ăn.

Patachara đã chọn một đời sống kham khổ nhưng êm ấm. Mỗi ngày nàng đi bộ ra hồ sen sách nước, nơi có đầy đầy những thứ động vật như trâu, cua, cò, hạc, và muỗi. Nàng ăn uống đạm bạc, quét tước làm việc nhà, và sống hạnh phúc bên chồng. Cuộc sống của họ không bao giờ có dư thừa đồ ăn, nhưng cũng không đến nỗi đói.

Khi có thai lần đầu, Patachara muốn trở về nhà cha mẹ đẻ, nhưng chồng nàng không muốn đưa đi. Năm sau lại có thai lần nữa, kỳ này nàng càng thêm mong ước được có mẹ ở bên cạnh. Nhưng chồng cứ lần lữa mãi, cho đến khi gần quá trễ rồi mới khởi hành. Tuy nhiên, dù trong người mệt mỏi, nàng vẫn cảm thấy vui sướng khi bắt đầu cuộc hành trình đi bộ trở về.

Khi họ đến bờ sông, trời bỗng cơn nổi giông tố toại bời. Chồng nàng để nàng ngồi đợi với đứa con nhỏ, trong khi đi tìm cây cọ dừa cắt lá để lợp chỗ trú mưa. Đúng lúc chồng không có mặt, Patachara bỗng chuyển bụng sanh con. Trong khi đó, người chồng đang loanh quanh gần một cây cọ dừa, đụng phải một con rắn độc, bị nó cắn chết ngay.

Đợi mãi không thấy chồng về, nhưng Patachara không cách gì để đi tìm, vì nàng đang đau đẻ và không thể đứng lên được nữa. Nàng sanh con một mình trong đêm tối, dưới mưa gió ngập trời, vừa cố gắng che chở cho một đứa con thơ, vừa hạ sanh một đứa khác. Cuối cùng, khi trời sáng, mọi sự đã yên rồi, nàng mới bọc hai đứa con trong áo của mình và đi tìm chồng. Khi thấy xác

chồng, nàng ngã quy xuống trong cơn đau khổ chất ngất, và cứ ở như vậy bên chồng liền một ngày một đêm. Nàng vừa cho con sơ sanh bú, vừa đi hái trái cho đứa con trai, cố gom hết sức lực để lên đường trở về nhà cha mẹ, sống cuộc đời góa bụa.

Nhưng cơn mưa bão hôm qua đã làm cho nước sông dâng lên thật cao, khiến nàng không thể ôm hai con vượt sông cùng một lúc được. Patachara suy nghĩ thật lâu, cuối cùng nàng bỏ đứa bé trai lại bên bờ và bồng đứa con mới sanh lội qua sông, cố gắng dơ đứa bé lên cao. Qua đến bờ rồi, nàng đặt đứa con sơ sanh cẩn thận trên một miếng lá dừa, rồi quay lại đón đứa con đang chập chững. Khi lội trở lại qua sông, nàng bỗng cảm thấy thật bồn chồn lo lắng cho đứa con mới sanh bên kia bờ. Nàng vừa lội vừa quay lại để trông chừng nó. Bỗng một con chim điều hâu từ đâu đến xà xuống cắp đứa bé đem đi. Patachara vội vàng la lớn, kêu gào thảm thiết, hai tay chới với vẫy lia lịa trong khi con chim bay lên trời thật nhanh, thật xa. Trong khi đó thì đứa con nhỏ bên kia bờ nhìn thấy mẹ dơ tay lên lại tưởng gọi mình. Nó bèn bước xuống sông và bị nước cuốn trôi, biến đi mất tích.

Tê đại vì đau khổ, Patachara đi lang thang cho đến khi nàng gặp một người làng trước kia. Ông ta nhận ra và gọi tên nàng. Nàng nói:

“Ông ơi, tôi đang trở về nhà đây. Cha mẹ tôi thế nào? Và em trai tôi nữa?”

“Cô ơi, thôi đừng hỏi làm gì.” Ông ta trả lời thật thảm não.

“Nhưng tôi chỉ cần biết điều đó thôi” nàng khóc, “hãy nói cho tôi nghe tin tức của họ đi”.

Khi thấy nàng thực tình muốn biết, ông ta mới kể lại rằng trận bão lúc trước đã làm sập mái nhà, tất cả đều chết hết, và ngay lúc này người ta đang thiêu xác họ trên dàn hỏa.

Nghe vậy, tâm trí Patachara bắt đầu sụp đổ như những sườn đồi lở xuống từng mảng trong cơn mưa, rã rời, tan nát. Nàng khóc nức nở: “Tôi vừa mất hai đứa con, chồng thì chết bờ chết bụi, cha mẹ anh em cũng đang bị hỏa thiêu. Thật tôi chẳng còn gì trên cõi đời này nữa!”

Có một hạng người sống ngoài lề xã hội, họ còn thấp hơn cả giai cấp hạ đẳng sudra, đến nỗi không được liệt kê vào giai cấp nào nữa. Đó là những kẻ không ai muốn đụng vào, họ hiện hữu như không phải là con người, bị xã hội ruồng bỏ xem như không có một chút phẩm giá nào cả. Đó là những tên đao phủ, những người đồ tể, những người làm xe và đan giỏ, làm nghề thuộc da, bán rượu, những kẻ quét đường, thợ săn, đánh cá và phu đào mộ. Họ làm những công việc xấu xa cần thiết cho thế giới này. Những kẻ cùng đinh này chỉ được phép mặc những quần áo lấy từ những xác chết, chỉ được dùng những dụng cụ bằng sắt và những đồ dùng bằng sứ đã rạn nứt. Giết một kẻ cùng đinh cũng không khác gì giết một con chó. Khi đi ngoài đường, họ phải đánh mõ lên để những người có giai cấp cao hơn biết mà tránh xa. Ngay cả cái bóng của những người cùng đinh, cái không khí

chung quanh họ cũng bị ô nhiễm. Nếu một người có giai cấp cao hơn thấy một kẻ cùng đinh, dù chỉ là bất ngờ, người ấy cũng phải lấy nước thơm rửa mắt ngay và phải ăn chay một đêm để tẩy uế.

Khi Patachara mất hết cả gia đình, nàng trở thành một kẻ điên rồ, một con người bị ruồng bỏ ngay trong những con người bị ruồng bỏ, một người không ai muốn đụng tới ngay trong những kẻ không ai muốn đụng tới. Quần áo nàng rách tả tơi, thân thể lỏa lồ nên bị gọi là “người khoác áo” (patachara). Người ta chế nhạo nàng, ném bùn và rác vào người và la hét đuổi đi. Nhưng nàng không hiểu gì cả - tâm hồn nàng giờ như đã chết, đã tê liệt, không còn một ý thức gì về bản thân của mình, còn thua một con chó bị người ta đá vào nữa. Sự đau khổ đã xâm chiếm toàn diện con người nàng từ trong ra ngoài – nàng không còn thấy được gì khác ngoài nỗi đau của mình.

Cứ thế nàng đi lang thang một thời gian dài, thân hình gầy gò tiêu tụy, bẩn thỉu và bệnh hoạn. Nàng vượt qua những cánh đồng lúa, những rặng dừa trên con đường dẫn đến Varanasi, một thành phố nhỏ hẹp bên bờ sông với những con đường trơn trượt, đầy người và súc vật, không khí thoảng mùi phân hôi thối. Những tòa nhà nằm ngay cạnh bờ sông, những cột nhà, những mái tháp nhọn và khung cửa sổ bằng đá tụ lại chen chúc bên bờ nước. Thuyền bè qua lại nườm nượp, chim chóc đậu trên những cái sào chăm chú nhìn xuống nước rình cá để bắt. Giòng sông rộng lớn, nước mờ đục trong bầu trời u ám. Patachara đã đi đến tận bờ sông. Nước loang loáng trước mặt nàng, như gợi nhớ điều



gì thật thương đau. Con rô đại nổi lên, thúc dục nàng phải làm gì đó để trả thù lại cái đã gây ra sự đau khổ cho nàng. Nàng bắt đầu đánh vào nước, hai tay vùng lên đập loạn xạ, miệng kêu gào chửi bới.

Đức Phật, lúc đó đang ở gần, đã âm thầm theo dõi nàng, biết rằng căn cơ của nàng đã chín mùi để được cứu độ. Sự mất mát đau khổ đến tận cùng sẽ là một động cơ mạnh mẽ cho sự chuyển hóa bản thân. Ngài bèn tiến lại gần nàng, trong khi các đệ tử đi theo phàn nàn phản đối.

“Thế Tôn mặc kệ bà điên ấy đi, đừng đến gần bà ta!” Họ năn nỉ Đức Phật. Nước bắn tung tóe từ chỗ Patachara văng tới, khiến áo của họ cũng bắt đầu thấm ướt. Một vài người bỏ đi ra xa. Đức Phật nói:

“Đừng tránh bà ta”. Ngài bước vào nước, chạm vào vai nàng nói: “Này cô, hãy tỉnh lại đi!”

Chỉ vài chữ đó thôi, nhưng lời nói từ kim khẩu của Đức Phật đã khiến nàng sực tỉnh. Đôi mắt lơ đãng, nàng nhìn quanh ngơ ngác, thấy Đức Phật đang đứng trước mặt, thấy những khuôn mặt nhẵn nhụi chung quanh, những tòa nhà phố thị, bờ nước bên sông - rồi nàng chợt nhìn lại mình, một con người trần truồng, lấm lem. Xấu hổ, nàng gục xuống dưới đất, cố che đậy thân thể lại. Một vị tăng thương hại đưa cho nàng chiếc áo ngoài của ông. Patachara choàng áo đó vào rồi quỳ xuống dưới chân Đức Phật, khóc lóc kể lại câu chuyện của mình. Trong phút chốc, nàng đã

nhớ lại tất cả, như một người bị thương nhớ lại cơn đau, khi thuốc tê đã hết tác dụng.

*“Thế Tôn cứu con!”, nàng van xin, “Xin ngài hãy cứu con khỏi sự đau khổ này!”*

Đức Phật nói: *“Này Patachara, ta không thể cứu ngươi khỏi sự đau khổ được. Không có gì có thể cứu chúng ta khỏi những mất mát và đau khổ. Gia đình ta rồi một ngày nào đó sẽ không còn. Bà con thân thuộc cũng sẽ không còn. Thế giới này là như vậy, thế giới sau cũng như vậy. Người đang cố nắm giữ lấy điều không thể nắm giữ, điều không bao giờ có thể giữ được.”* Ngài mỉm cười, nụ cười thật bất ngờ và trong sáng, khiến nàng ngừng khóc, im bật. Ngài đỡ nàng đứng dậy, nói tiếp:

*“Đây không phải là lần đầu ngươi khóc vì con chết. Từ bao nhiêu kiếp nay, ngươi đã khóc biết bao lần vì những người thương yêu của mình chết đi - nước mắt ấy còn nhiều hơn cả nước đại dương bốn biển trên thế giới này nữa. Đó là vòng luân hồi mà chúng sinh phải trải qua. Khi một người mệnh chung, người ấy không thể nương tựa, cầu cứu nơi con cháu - không họ hàng thân thuộc nào có thể giúp họ thoát khỏi cái chết được. Vậy sao ngươi tự hủy hoại chính mình trong sự sầu khổ này?”*

*Chỉ có một con đường giải thoát: đó là con đường Bát Chánh Đạo chỉ cho ta sự thật của đời sống, đưa đến Niết Bàn”.*

Phật dạy:

*Các con, cha, bà con,*

*Không phải chỗ nương tựa  
Khi thân hoại, mệnh chung  
Bà con, huyết thống người  
Không thể che chở người  
Thấy được sự thật này  
Kẻ trí sống giới đức  
Và mau chóng thành tựu  
Con đường hướng Niết Bàn*

Nghe Đức Phật nói xong, Patachara tức thời thức tỉnh, chứng được quả Dự Lưu - nàng xin phép được xuất gia, và được Đức Phật chấp thuận, cho nàng đến nơi các Tỷ Kheo Ni nhập chúng.

Từ đó, ngày ngày ni tinh tấn tu hành, giữ giới luật nghiêm minh, nhưng tiến bộ rất chậm chạp, chưa bao giờ đạt đến sự an bình hoàn toàn như mong muốn. Trong tiềm thức, nỗi ám ảnh của những bất hạnh xưa vẫn còn vương vấn, như một khối u uẩn trong lòng chưa hóa giải được. Vẫn biết có sinh là phải có tử, nhưng tại sao có những người vừa sinh ra như đứa con của ni chưa kịp sống đã phải chết đi? Phải sống thế nào để tự tại được trong dòng sinh tử đầy bất trắc này?

Một hôm, khi lấy nước rửa chân, ni chợt để ý thấy nước chảy một khoảng đường ngắn rồi biến mất. Ni lại đổ thêm nước nữa, thấy khoảng đường nước chảy dài hơn. Lần thứ ba đổ thêm, khoảng đường nước chảy lại dài hơn nữa, nhưng rồi nước cũng biến mất vào lòng đất. Ni chợt suy tư, nghĩ đến sinh mệnh của con người cũng như dòng nước. Dòng nước đổ mỗi lần khác nhau, do đó mà chảy những đoạn ngắn hay dài khác nhau – sinh mệnh con người có khi chết trẻ, có khi chết trung niên, có khi chết già. Tất cả là do nghiệp lực – chúng sinh tạo nghiệp, nghiệp lại tạo chúng sinh. Sinh mệnh chúng sinh như chiếc lá nhỏ nhoi bị cuốn theo cơn gió của nghiệp lực trong đời sống trùng trùng duyên khởi. Trong tâm trí ni hình ảnh con diều hâu chợt hiện ra, đói khát, đang tìm cách kiếm mồi đem về cho những con chim nhỏ của nó. Ni thấy đứa con thơ chập chững chìm vào dòng sông như nước chìm vào mặt đất. Thân phận con người thật mong manh, như bèo dạt mây trôi, như giấc mộng thoáng qua, không có gì là bền vững, không gì có thể bám víu vào được. Nhưng chính khi nhận thức được sự thật của đời sống, là đã mở ra một lối thoát vượt ra ngoài sự đau khổ.

Tối hôm đó, khi tắt đèn đi ngủ, ni đã ngộ được hoàn toàn bản chất hư ảo của mọi sắc tướng – không còn thấy đó là thảm kịch và sự mất mát. Nhìn ánh sáng chập chờn của ngọn đèn bé nhỏ trong căn phòng tối, ni cảm nhận đó như sự mong manh của đời sống - và trong tất cả những sinh diệt vô thường của vạn pháp, điều duy nhất luôn luôn tồn tại và không biến đổi lại chính là sự vô thường. Ngọn lửa mong manh đó từ đâu tới, và khi tắt rụi đi sẽ đi về đâu? Quán chiếu ngọn đèn, ni chợt ngộ ra sự đồng nhất của không và sắc - tất cả sắc tướng vốn là không, và không cũng

chính là sắc tướng duyên hợp. Không và Sắc đều là một với nhau, không thể tách rời nhau. Ni nhớ lời Đức Phật:

*“Patachara, làm người ai cũng phải chết, vậy phải sống làm sao để thấy được sự sinh diệt vô thường của ngũ uẩn. Dù chỉ thấy được một ngày hay một giờ, cũng hơn là sống một trăm năm mà không giác ngộ được sự thật ấy!”*

Ngày hôm đó, Patachara đã chứng được quả A La Hán. Nghĩ đến quá trình tu tập gian lao của mình trong nhiều năm, cuối cùng đã đạt được kết quả, Ni nói kệ như sau:

*Với cây, khi làm ruộng*

*Gieo hạt giống trên đất*

*Loài người được tài sản*

*Nuôi dưỡng vợ và con*

*Sao ta giới đầy đủ*

*Làm theo lời Đạo sư*

*Không giải đãi, giao động*

*Lại không chứng Niết Bàn*

*Khi ta đang rửa chân*

*Làm cho dòng nước chảy*

*Thấy được nước rửa chân  
Từ cao chảy xuống thấp  
Nhờ vậy tâm được định  
Như ngựa hiền khéo luyện  
Rồi ta cầm cây đèn  
Bước vào ngôi Tịnh xá  
Nằm trên chiếc giường nhỏ  
Ta nhìn đèn quán chiếu  
Rồi lấy cây kim nhỏ  
Dìm tim đèn xuống dầu  
Thấy cây đèn Niết Bàn  
Tâm ta được giải thoát.*

Patachara trở thành một ni trưởng kiệt xuất có ảnh hưởng lớn, đem Pháp Phật đến cho nhiều phụ nữ đang đau khổ. Nhiều đệ tử của ni cũng trở thành những người giảng Pháp. Ni được giao quyền quy y thế phát cho người khác, và đã chuyển hóa quy y cho hơn năm trăm nữ Phật tử. Hầu hết họ là những người đã mất con. Khi có một phụ nữ nào đến khóc lóc, ni cầm tay người đó hỏi rằng:

*“ Hãy tự hỏi mình đi, con của chị từ đâu đến đây trong đời này chỉ một thời gian ngắn ngủi rồi đi? Tất cả là do nhân duyên mà thôi. Chúng ta có mặt trên đời này là do nhân duyên hợp, khi nhân duyên hết rồi thì tan. Trong thế giới này, mỗi người đều đến và đi khỏi cuộc đời một mình, không ai theo ai được. Chúng ta đến theo một con đường, rồi đi theo một con đường riêng biệt. Sinh ra rồi chết đi, và lại tái sinh trong một kiếp sống khác, đó là sự thật của cõi luân hồi sinh tử, ta phải biết như vậy”*

Những phụ nữ này, khi nghe những lời chân thật của Ni, đều cảm thấy dịu đi những nỗi đau, được an bình nơi tâm, và tất cả đều tán thán Ni như một vị thầy của lòng từ bi và trí tuệ.

(còn tiếp)

**Ngọc Bảo**

# QUÁN KHÔNG

Nhiên Như

**Cuộc sống con người vốn đầy đầy những biến động, dịch chuyển. Trong đó, có không ít những đổi thay bất lợi, không như ý khiến chúng ta tuyệt vọng. Không ít người, chỉ sau một đêm thức dậy, cơ nghiệp tích cóp bấy lâu bỗng chốc hóa thành mây khói, những người thân thiết thì ngoảnh mặt quay lưng, còn chẳng là chết lặng, cay đắng và ngậm ngùi.**

Vịn vào đâu để gượng dậy và đứng lên? Đây là một câu hỏi lớn mà không phải ai cũng tìm ra lời giải đáp. Nên hàng ngày trong xã hội xảy ra nhan nhản những chuyện bi thương, chọn cái chết như là giải pháp cuối cùng. Nhưng chết cũng chưa phải là hết. Trong khi chiếc phao cứu sinh cho con người và cuộc đời vẫn còn đó nhưng mấy ai chịu bám vào. Đó là quán không!

Quán chiếu sâu sắc vào sự sống, ta thấy rất rõ trước khi ta có được bất cứ điều gì như tài sản, danh vọng, sự nghiệp thì đó là một con số không to tướng. Hiếm người khi mới sinh ra đã đầy đủ phước phần, dư ăn dư để mà phần lớn chúng ta đều đi lên từ khó nhọc của quá khứ hàn vi, thậm chí từ tay trắng. Ấy vậy mà khi có được rồi họ thường nghĩ cách làm cho được nhiều thêm.



Nếu rủi thời không đủ phước duyên khiến mất đi những gì đã có thì họ đau khổ cùng cực đến nỗi không còn thiết sống.

**"Quán không"** là nhìn lại cái sự đời để thấy tuy có tổn hại, mất mát thật đấy nhưng điều đó có nghiêm trọng đến mức phải tìm đến cái chết không? Vì trước đây khi chưa có gì ta vẫn sống khỏe, sống vui trong hy vọng nữa là khác. Ngày xưa tay trắng ta vẫn vui vẻ lạc quan phấn đấu thì nay lại trắng tay quá lắm cũng bằng ngày xưa chứ đâu đã đến nỗi nào!

Quán chiếu để thấy được cái sự đời vốn “không” như vậy thì chắc chắn ta sẽ không đại dột mà tìm đến cái chết. Nếu không đủ sức để “thua keo này, bày keo khác” thì ta vẫn tìm được sự quân bình, sống thanh thản và nhẹ nhàng.

Có câu chuyện kể rằng: “Một vị thương gia lập nghiệp từ tay trắng, sau kiếm được rất nhiều tiền nhưng vì buôn bán trong thời kinh tế không ổn định, khiến anh ta trở nên phá sản, nợ nần chồng chất. Nghĩ mãi không tìm ra cách giải quyết, anh ta bèn ra bờ sông tự tử.

Vào lúc canh ba một đêm nọ, anh ta đến trước bờ sông, bỗng nhiên nhìn thấy một thiếu nữ đang ngồi khóc thảm thiết, anh bèn đến hỏi cô gái:

- Có chuyện gì mà đêm hôm khuya khoắt cô ngồi khóc một mình ở đây?

Cô gái buồn bã nói:

- Tôi bị người yêu ruồng bỏ, tôi không muốn sống nữa, bởi vì không có anh ấy tôi không sống nổi.

Vị thương gia vừa nghe xong lập tức nói:

- Ô! Lạ nhỉ, sao lúc chưa có bạn trai, cô có thể tự sống được.

Cô gái vừa nghe xong liền bừng tỉnh và bỏ ngay ý định tự tử.

Ngay lúc đó vị thương gia nọ cũng chợt nhận ra rằng: Khi chưa giàu có ta vẫn sống bình thường, ta cũng tay trắng làm nên mà!

Lúc đó cô gái quay sang hỏi vị thương gia:

- Đêm hôm lạnh lẽo như vậy, anh ra đây để làm gì?

Vị thương gia ậm ừ trả lời:

- Ừ... đâu có làm gì, chỉ là tản bộ chút vậy thôi”.

Thì ra, dù đã mất tất cả nhưng thực sự cũng chỉ bằng lúc ta chưa có mà thôi. Đây là một tuệ giác lớn! Phần lớn thế hệ chúng ta từng sinh ra trong chiến tranh, lớn lên trong giai đoạn đất nước đói nghèo, gia sản chỉ gói gọn trong một chiếc ba lô nhưng vẫn yêu đời, tin tưởng vào tương lai tươi sáng thì giờ đây rủi thời dẫu có thất thế sa cơ đến tay trắng cũng chẳng đến nỗi nào, vì trước đây ta có cái gì đâu! Ai thấy được điều này là có trí tuệ. Vì khổ đau, vật vờ, thù hận thậm chí quyền sinh khi mất mát xảy ra, xét cho cùng cũng chỉ thiệt cho mình.

Nhờ "quán không" nên người con gái trong câu chuyện trên khi mất người yêu nghĩ rằng không có người yêu thì không sống nổi, chợt thấy rõ rằng trước khi chưa gặp "kẻ phản bội" kia thì ta vẫn sống vui, liền lập tức đổi ý không trầm mình xuống sông nữa. Người thương gia trắng tay cũng đổi ý khi ngộ ra rằng trước đây ta cũng từ tay trắng mà lên. Bây giờ trắng tay nhưng cũng chỉ bằng ngày xưa chứ chưa mất mát tí gì.

Con người sinh ra đời với hai bàn tay trắng và dù thành công hay thất bại thì cũng trở về cát bụi với hai bàn tay không, vậy thì sợ gì với được mất, có không, vì vô thường thay đổi vốn là bản chất của cuộc đời này. Chúng ta hãy quán chiếu thật sâu sắc vào sự chuyển biến vô thường của cuộc đời để sống bình thường trước mọi biến động có thể xảy đến với ta bất cứ lúc nào.

**Nhiên Như**

## *Chào em, con chim nhỏ*

**Hạnh Chi**

Có lẽ tôi được sanh ra ở cung di, nên từ bé đã phải thay đổi chỗ ở luôn. Mới mười tuổi cha mẹ tôi đã phải dắt dúi đàn con dời nơi chôn nhau cắt rốn là đất Thăng Long, xa quê nội Hà Đông, quê ngoại Hà Nam thuộc miền Bắc để vào Nam lánh nạn Cộng Sản. Vào tới trong Nam thì ôi thôi, chẳng thể kể hết đã lang thang những đâu vì cha tôi phục vụ nơi nào thì gia đình tạm cư những trại gia binh nơi đó. Mỗi lần dời đổi, chỉ người lớn là bận rộn, mệt nhọc chứ mấy chị em tôi còn bé, càng được tới nhiều chỗ lạ, càng náo nức, vui vẻ!

Hạt lúa miền Nam nuôi chúng tôi lớn khôn dần và cái “cung di” vẫn theo tôi như bóng với hình, mà thành tích hải hùng nhất là nó đã búng tôi ra khỏi Quê Hương từ hơn ba mươi ba năm nay! Nơi xứ người, tôi tiếp tục xê dịch từ đông sang tây, từ nam lên bắc!

- Lại dọn nhà nữa hả?

Cuối tuần qua, sư-tỷ tôi la lên như vậy khi sau thời tu buổi trưa, tôi bảo: “Chiều nay em về sớm để dọn nhà!”

Nói cho oai chứ có nhà đâu mà dọn! Chỉ là ôm một thùng kinh sách, gom dăm bộ áo nâu, áo lam tới một nơi tạm trú khác, nơi mà tôi gọi là “những điểm-tạm li ti trong cõi-tạm Ta Bà!”

Căn phòng nhỏ nhất trong tòa nhà hai tầng nhưng vẫn là khá rộng với tôi, một kẻ hành trang đã nhẹ tênh, nhẹ hẫng.

Đêm đầu tiên nơi ở mới, tôi ngồi thiền rất khuya nên sau khi xả thiền là đi thẳng vào giấc ngủ; mà hình như đã từ lâu lắm tôi mới có thể không trằn trọc trước khi ngủ như thế!

Tôi bị đánh thức bởi tiếng chim lãnh lót, ngay trước cửa sổ. Căn phòng chỉ có một cửa sổ duy nhất nên nương theo âm thanh, tôi biết chắc con chim nào đó đang đậu ngay trên bờ tường hông nhà. Trời mới tờ mờ sáng, ẩm hơi sương và tĩnh lặng hương nguyệt cầm của vầng trăng non còn lửng lơ trên mây bạc. Trong không gian của đêm chưa qua, ngày chưa tới đó, chỉ có một con chim nhỏ đậu trên bờ tường dài, đang hướng mỏ vào khung cửa nhỏ của người khách trọ xa lạ. Phải, tôi mới dọn tới chiều qua nên còn hoàn toàn xa lạ với nơi này. Vậy mà con chim nhỏ đã đến thăm. Cửa sổ chưa có màn nên cả hai thấy rõ nhau. Tôi ghé sát vào khung lưới, cảm động và thân ái nói:

- Chào em, con chim nhỏ.

Bất ngờ thấy tôi, con chim không sợ hãi bay đi như lẽ thường; trái lại, nó nhảy nhót như vui mừng rồi lại cất tiếng hót.

Cám ơn em, tình bạn đầu tiên nơi xóm lạ. Này con chim nhỏ, em tên gì? Em không phải Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vĩ, Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, nhưng tiếng hót của em sáng nay như dư âm tiếng khánh sau thời công phu khuya, trầm hùng lời tụng Thủ Lăng Nghiêm:

*“... Án, a na lệ, tỳ xá đề, bệ ra bạc xà ra đà rị, bàn đà bàn đà nể, bạt xà ra bán ni phẩn. Hồ hồng, đồ lô ung phẩn, ta bà ha.”*

Xem nào, em có cái đuôi dài hơn Sẻ, mình thon gọn như Sáo nhưng bộ lông điểm xanh biếc lẫn với màu xám tro, hài hòa như cát và biển. Em có phải là Yến không? Mà thôi, tên em là gì cũng đâu có làm thay đổi quà tặng đẹp để em vừa mang đến cho tôi. Đó là tiếng hót đầu ngày, tinh khôi và thơm ngát. Em đâu có cần hỏi tôi là ai? từ đâu đến?

mà em hoan hỷ tới thăm, có lẽ vì hương trầm tỏa nhẹ từ trang kinh Bát Nhã tôi tụng đêm qua còn thoảng bên song cửa. Nếu đúng thế, em quả là một hành giả tín tâm và nhạy bén. Em đó, con chim nhỏ giữa bao la trời đất mà thể hiện biết bao an nhiên, tự tại, như những loài chim ở cõi Tịnh Độ do thần lực của Đức Phật A Di Đà muốn cho tiếng pháp luân lưu khắp chỗ mà biến hóa làm ra như thế.

Em nói gì? A`, em nhắc tôi cõi Tịnh Độ đâu xa, cõi Tịnh Độ ngay nơi tâm mình. Vâng, đúng thế đó em. Trên đường kinh hành, phút giây nào tâm người an trú được trong chánh niệm, gạt lọc mọi phiền não khổ đau thì phút giây ấy hành giả đang bước những bước chân trên Tịnh Độ. Tôi cũng từng được hưởng những phút giây mẫu nhiệm đó nhưng thú thực với em, có lẽ vì định lực còn yếu, chánh niệm chẳng giữ được lâu nên vọng tưởng lại dắt tôi từ cõi-tịnh xuống cõi-động! Chẳng phải riêng tôi đâu, mà bao hành giả đang miệt mài trên đường thiên lý kia cũng như vậy, nên chúng tôi mới phải tu. Tu là cải, là sửa. Tiếp

tục cải sửa, miễn đừng thói tâm thì cũng có ngày tâm-phàm-phu cảm động tới Chư Phật.

Điều gì làm tôi tin chắc thế ư? Nhiều điều đơn giản lắm! chẳng hạn như sự hiện hữu của em sáng nay. Có tình cờ không, khi em đến bên khung cửa của căn phòng bỏ trống đã lâu và cất tiếng hót lạnh lót? Không đâu em! Không tình cờ đâu. Trong thâm lặng kỳ diệu, em đã biết tôi và tôi đã biết em. Đừng cần chi lời giải thích của hý luận thế gian, mà chính em và tôi đang cảm nhận được nhau. Em ơi, đó là tương quan của lý duyên khởi, cái này có vì cái kia có, tôi hiện hiện cho em hiện diện. Chắc em cũng thuộc những câu này trong kinh Tạp-A-Hàm:

*“Nhược thử hữu tức bỉ hữu*

*Nhược thử vô tức bỉ vô*

*Nhược thử sinh tức bỉ sinh*

*Nhược thử diệt tức bỉ diệt”*

Khi ý niệm về sinh diệt đạt tới không sinh không diệt thì ta sẽ vượt khỏi khái niệm của không gian và thời gian. Vì sao hả? Vì không hẳn Nhân có trước mới sanh Quả. Em có nghe sự tranh luận về con gà có trước quả trứng hay quả trứng có trước con gà không? Theo em thì sao, với trường hợp Mẹ và Con? Làm sao được là Mẹ nếu không có sự xuất hiện của Con? bởi vì, phút Con chào đời mới có người được gọi là Mẹ; cho nên Mẹ và Con là chung-sinh, là co-arising, là nương vào nhau mà có mặt.

Tôi cũng đang nương vào em mà có mặt, như những cọng lau mềm, nương nhau mà đứng vững trước gió. Rồi chúng ta cũng chuyển hóa, gió cũng chuyển hóa, vạn hữu đều thâm lặng chuyển hóa; nhưng em ơi, chỉ những ai nhận diện được sự kỳ diệu của phút giây hiện tại mới hưởng được niềm an lạc, hạnh phúc. Em nhìn kia, trên bầu trời cao, mây đang bay la đà từng cụm, trắng có, hồng có, xanh có ... nhưng này, mây đang xuống thấp, không còn trắng, hồng hay xanh nữa mà mây đang chuyển màu xám. Cả bầu trời chỉ còn là mây xám; rồi mây xám nhẹ nhàng trôi và lặng lẽ biến mất, nhường không gian ẩm đục cho mưa! Em ơi, hãy đến sát khung cửa này mà núp dưới mái hiên kéo ướm! Em thấy gì không, mưa đang rơi từng hạt, mưa không kết thành cụm và bay la đà như mây, dù mưa này chính là từ mây chuyển hóa. Những gì chuyển hóa sẽ không còn hình dạng cũ, nghĩa là không còn Tướng nữa mà đã thành Vô Tướng.

Cũng quán sát như vậy về những người thân mà thế nhân thường sai lầm, quen nhận là “người thân của ta” nên khi những người thân đó mất đi, hay xa ta, hay phụ bạc ta, thì ta đau buồn vì ta kẹt vào tướng Mất. Sở dĩ ta kẹt vào tướng Mất vì trước đó ta đã để ta kẹt vào tướng Còn; trong khi bản chất của ta và người thân, chẳng khác chi mây, cùng là vô tướng, vô sinh, bất diệt mà thôi.

Nếu hiểu được như thế, ta sẽ an nhiên tự tại vì ta không kẹt vào Còn hay Mất nữa.



Mưa tạnh rồi đó. Em lại bay lên bờ tường, lú lo cảm ơn tôi.  
Không, tôi phải cảm ơn em mới đúng chứ vì em vừa cho tôi cảm  
giác ấm áp ở nơi chốn còn nhiều xa lạ này. Nhưng xa rồi sẽ gần,  
lạnh rồi sẽ ấm như tình thân cuộc nói chuyện gần gũi chúng ta  
vừa trao đổi với nhau. Vạn hữu quanh ta không ngừng chuyển  
hóa từng sát na. Và chỉ sát na hiện tại ta mới có thể thực sự nắm  
bắt. Hạnh phúc hay khổ đau do ta tự nhận diện ở sát na này mà  
thôi. Rồi hiện tại sẽ thành quá khứ; Và quá khứ là chấm dứt hay  
khởi đầu của vị lai???

(Còn tiếp)

**Hạnh Chi**

## *Về lại chùa Bảo Quang ngắm sen nhân mùa Phật Đản PL 2556*

### **Cư sĩ Tâm Phú**

Tết vừa rồi, vì quá bận rộn, do công quả nơi chùa Phổ Đà, nên không thể chúc Xuân được Hòa Thượng Viện Chủ chùa Bảo Quang và thầy Nhuận Hùng cũng như anh Thanh Cúc cùng một số Phật Tử quen biết. Mãi đến hôm nay thuận duyên quá bước đến Bảo Quang Tự đánh lễ Chư Phật, Chư Bồ Tát và viếng an sức khỏe quý thầy cũng như vãng cảnh chùa mới vừa xây cất xong. Lại một lần nữa, tôi cũng không quên ghé mắt nhìn thử hồ sen ra sao? Chớm chớm đã thấy vươn mầm non lên trong những hồ nho nhỏ, còn hai hồ lớn chưa lên. Bởi do thời tiết quá lạnh mà chúng đã ngủ quên sau những tháng ngày dài mùa Đông lạnh lẽo.

Bất chợt, thiện ý của tôi nghĩ rằng, đời người nếu không bận rộn, chắc là đời quá buồn chán. tẻ nhạt biết mấy... Đi một vòng nhìn quanh công trình kiến trúc ngôi chùa Bảo Quang quá ư đồ sộ vậy thì cái bận rộn của quý thầy cũng là môn thiền quán có phải không? Ngày xưa, Ngài Huệ Năng suốt ngày bửa củi mà ngộ đạo, mới thấy rằng trong giáo lý nhà Phật muôn vàn, muôn nẻo...

Trở lại chuyện bận rộn Tết ở chùa Phổ Đà, Cái tâm niệm của môn đồ pháp quyến chùa Phổ Đà hơi lớn như: vợ chồng chị M, chị T, chị H vợ chồng chị Y, cháu P...Các anh chị trong hội Cư Sĩ Orange Couty, Gia Đình Phật Tử Phổ Đà. Cho dù Hòa Thượng Hạnh Đạo đã ra đi. Chúng ta ở lại phải đoàn kết hiệp lực tổ chức một cái Tết, cho chu toàn nguyện vọng của Sư Ông, như bao cái Tết vừa qua, thời Sư Ông còn tại thế.

Dù quyết tâm như vậy, nhưng Xuân về Tết đến ai cũng có gia đình bà con dòng họ phải lo, nên khi lo đãi khách không có thầy Tâm Lương tiếp tay và ra sức hỗ trợ thì thật là vất vả cho tôi. Thành thật cảm ơn gia đình anh chị H, gia đình cháu S...đã góp công rất nhiều, mới hoàn thành tâm nguyện.

Viết đến đây tôi lại nhớ đến một người láng giềng thường lui đến chùa Phổ Đà. Đó là bà Vicky người Mỹ thường ngồi xe lăn theo Thiên Chúa Giáo nhưng bà rất thông cảm Sư Ông viện chủ chùa Phổ Đà khi ra (Hiring) ở thành phố Santa Ana. Quen miệng bà luôn luôn gọi Sư Ông bằng BABA, những ngày cuối đời của Sư Ông, bà cũng thường hay lui đến thăm viếng bệnh trạng không che dấu được cảnh ly biệt trong thế gian. Hôm đưa tiễn Sư Ông về đất Phật mãi tận bên kia thế giới, mà bà Vicky không quản vất vả trên xe lăn ra đưa tiễn tận đường First với những giọt lệ đọng trên mí mắt, tuy người khác chủng tộc nhưng tình xóm làng nặng trĩu trước cảnh phân ly. Khiến tôi cũng khóc theo.

Chao ôi! Cái tình người, sao nó cao quý không phân biệt màu da, sắc tộc, tôn giáo, già trẻ, nam nữ, tàn tật... “Tấm Lòng...” của Cố Sư Ông bao la bát ngát, nên chiều nào Bà Mẽ cũng đi xe lăn ra đứng bên tháp Sư Ông mà lòng buồn man mác, mắt bà nhắm lại nhìn về cõi hư không hai dòng nước mắt lại lăn dài trên đôi má với những vết thời gian hằn in đậm.

Tóm lại, cũng chỉ là tấm lòng chân thật, nên trong ba ngày Tết chùa Phổ Đà, tuy vắng bóng Sư Ông nhưng ngôi chùa vẫn ấm cúng, Phật Tử đón Xuân năm nay không sót một ai, lại càng nhiều hơn trước nữa. Ngoại trừ những người về quê hoặc đi tiểu bang khác ăn Tết. Chùa Phổ Đà năm nay đón Xuân trong không khí tung bừng vui nhộn. Tuy vậy, nhưng vẫn man mác đâu đây tiếng cười giòn giã của Sư Ông mỗi khi Tết đến, nhắc lại lòng tôi cảm thấy buồn tê tái. Chùa Phổ Đà năm nay khang trang, sạch sẽ, tươm tất phục vụ chu đáo. Đó cũng là do hồng phước của Sư Ông còn đọng lại. Thầy trụ trì mới cũng nhờ vào đó mà có chút ít tịnh tài để chi phí lo sửa sang tu bổ chùa chiền trong 3 tháng cuối năm. Có như vậy, Hoà Thượng Viện Chủ Phổ Đà yên tâm vắng sanh nơi cực lạc quốc. Vì đã chọn không làm người đó là thầy Tâm Lương, còn tương lai của thầy là do phước báu mà ra. Tôi không thể đoán trước được, chỉ mong sao thầy hết lòng phục vụ tốt cho đạo pháp gìn giữ ngôi nhà chánh pháp. Nếu được như vậy chùa Phổ Đà có phát triển tốt hay không, là còn tùy thuộc bản lĩnh của thầy Tâm Lương. “Tích thiếu thành đa...”. Cố gắng và cố gắng lên nữa thầy Tâm Lương.

Mãi suy nghĩ mênh mang, xe tôi đã vào cổng chùa Bảo Quang tận nấy giờ rồi mà lòng vẫn còn mãi xao xuyến nơi Phở Đà. Chủ đích hôm nay là đến ngắm sen. Dù mùa này thời tiết còn đang gió lạnh, sen chỉ mới lú lú những mầm non, nhưng khi nhìn thấy thầy Nhuận Hùng nhỏ cỏ trong hồ sen. Tôi không thể làm thiền sư lặng thinh mà không lên tiếng chào thầy. Tiếp đó, tôi liền nói rằng: “Ồ thầy! trông thầy có vẻ chăm sóc tận tình cho những cánh sen còn con này thì phải?”. Mai một sen nở, tôi xin phép chụp hình quay phim làm tài liệu có được hay không? Xin phép trước đó nhé! Thầy Nhuận Hùng không trả lời chỉ mỉm cười mà hỏi ngược lại:

“Thưa, đạo hữu Tâm Phú Phật Đản năm nay có gì mới hay không? Nếu có, xin hãy viết cho Tạp Chí Trúc Lâm một bài cảm nghĩ... đạo hữu có hoan hỷ hay không?”

Hình như giọng nói của thầy Nhuận Hùng phát ra như thế nào? Không biết tôi và thầy có duyên tiền kiếp gì hay không? Nhưng gặp lần nào, thì bảo gửi bài cho Tạp Chí Trúc Lâm. Tôi cũng đều tuân chỉ “Y giáo phụng hành” Chẳng khác nào kỷ niệm ngày xưa nơi chôn thiền môn. Ôi thôi! học lực và hiểu biết của tôi, như một chú tiểu mới vào chùa, tương chao, hoa quả còn ở ngoài da dù đã 70 tuổi rồi, cái tuổi về chiều. Thế mà thương thầy quá, nên cũng vâng lời một phen.

Trước khi xây ngôi chánh điện và công trình văn hóa, tôi thấy Hòa Thượng Viện Chủ Bảo Quang đã đào ao trồng hoa sen trước, khi chùa được xây xong thì hoa sen nở rộ, chắc Hòa Thượng cũng có một chủ đích? Vậy thì Hoa Sen là gì? Tại sao ta

phải ngắm sen? Tại sao nhiếp ảnh gia đến đây chụp hình sen quá nhiều...và tại sao Hòa Thượng Viện Chủ lại xây các hồ sen?

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khi bồ xứ giáng trần, đầu tiên là đi trên 7 đóa sen chuyện này có thật hay là biểu tượng?

Đa số Phật Tử nói là hiểu sao cũng được, đây sự thật hay biểu tượng, khoa học. Ngày nay người ta biến một khối sắt khổng lồ bay lên mặt trời, mặt trăng và cống con người lên sống trên đấy, thì chuyện đi trên hoa sen là chuyện bình thường.

Nhưng nói theo giáo lý nhà Phật thì Đức Phật khi giáng trần đi trên 07 đóa sen là chỉ cho 7 quả báu của Chư Phật-hay là Thất Giác Chi, hay thất Bồ Đề phần mà trong đó Phật là quả vị quý báu nhất. Phật Giáo lấy Hoa Sen làm biểu tượng cho đạo của mình gọi là Đạo Hoa Sen. Trong kho tàng giáo lý đồ sộ của Phật Giáo, không bộ nào rời khỏi Hoa Sen. Đức Phật quán sát thân người như một hoa sen trong hồ. Có hoa còn trong bùn, có hoa đang nẩy mầm, có hoa vươn lên mặt nước, có hoa chưa nở, chờ khi có ánh sáng thời tiết ấm áp và đúng chu kỳ, thì nở hoa thơm ngát.

Đời sống con người cũng vậy, cứ trôi lăn trong cõi đời ô trọc. Phiền não vây quanh, nhưng tâm chúng ta luôn luôn là “bản

thiện” nên không bị ô nhiễm đến khi tâm bản thiện bùng nổ, tức là Tâm Phật phát ra, như hoa sen nở vậy.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ có 16 pháp quán, quán thứ 7 là quán Hoa Sen.

-Quán Hoa Sen hiểu đơn giản tức là ta phải biết ta là “ai” phải luôn luôn nhìn vào gương để nhìn vào bên trong để thấy được Bản Lai Diện Mục của bản thân. Pháp thấy này gọi là “Môn Hoa Tòa Tướng”

*Sen màu lạ*

*Muôn cánh chói kỳ tân*

*Đài ánh Bảo tràng trùm lưới báu*

*Quang thị Phật sự biến Hoa thân*

*Nghìn xứ nổi Hương Vân*

(Kinh Vô Lượng Thọ)

Kính xin lập lại, từ khi Đức Phật giáng sinh. Thuyết pháp độ sinh và nhập Niết Bàn đều dính liền với hoa sen.

-Phật Tử chúng ta đôi khi lập đi lập lại “Nụ cười Ca Diếp” trong các Kinh về thiền, nhưng đây phải hiểu nụ cười này cũng là một thông điệp, hay là một di chúc.

-Khi Đức Thế Tôn đưa cành hoa sen lên đại chúng. Chỉ có Ngài Ca Diếp mỉm cười. Đức Phật biết rằng đóa hoa sen. Tượng trưng cho Tâm của Ngài Ca Diếp đã nở nên Đức Phật liền truyền trao Chánh Pháp cho Ngài Ca Diếp.

-Trong Kinh Hoa Nghiêm có nói về thế giới Hoa Sen “Có những biển hương thủy nhiều như bụi trần, của mười bất khả thuyết cả Phật, từ biển ấy nổi lên Hoa Sen lớn tên là Nhất Thiết Ma Ni Vương trang nghiêm”.

Kinh Pháp Hoa còn gọi là kinh Hoa Sen có tánh bất nhiễm, ở trong bùn mà không nhiễm, khi ra hoa, trong hoa lại có quả sẵn, mà tất cả ong bướm và côn trùng đều tránh xa. Hoa này con người lại không làm vật trang sức. Vì đặc biệt như thế nên, Đức Phật mới lấy HoaSen làm biểu tượng.

Chúng ta đọc những chuyện cổ Việt Nam, Trung Hoa hay Đại Hàn...Ngày nay, có những nhân vật đã là Hoa Sen. Như Ngài Huyền Trang khi chưa được vua cho đi thỉnh Kinh, nằm mộng thấy Hoa Sen thì được đi thỉnh Kinh. Khi sắp viên tịch cũng nằm thấy Hoa Sen đang nở, bản thân Ngài đã trong sáng rồi, chỉ chờ thời cơ là nở rộ.

Đọc truyện Thần Y của Đại Hàn, khi chưa là y sĩ là tên du thủ, du thực, nhưng khi thấy đồng bào mình quá khổ đau, thì Hoa Tâm bùng vỡ, phát đại nguyện cứu nhân độ thế. Còn nhân vật Nhạc Bất Quần trong “Tiểu Ngạo Giang Hồ” chỉ là Hoa xác



người. Vậy thì chúng ta luôn phải ngắm hoa sen, tức là quay lại mình và quả quyết rằng ta là Phật Tử phải có hoa sen trong người (tức Phật Tính).

Phật Tử chùa Bảo Quang thật đáng được bái phục với tinh thần thiện nguyện, trong số đó có những người rất thân thiết như anh Thanh Cúc anh L chị T, chị N...rất sốt sắng. Mỗi thứ Ba nào cũng thế luôn luôn an ủi những người không nhà (homeless) với những đĩa cơm đầy ắp tình người do chùa Bảo Quang đem đến đường Ross, công viên Santa Ana đối diện tòa án mà phân phát thức ăn hằng tuần. Đó cũng là những đóa hoa sen còn nằm trong bùn chờ ngày tỏa ngát hương thơm. Việc làm đem cơm tình thương phân phát cho người không nhà đã hơn hai mươi năm qua mà Hòa Thượng Quảng Thanh vẫn âm thầm làm việc có ý nghĩa cùng với Phật Tử tại chùa. Chưa hết, còn những Phật Tử trong Ban Trai Soạn chùa Bảo Quang cũng rất nhiệt tình với công việc tiếp đãi ăn uống vào những ngày đại lễ. Chẳng những là đóa hoa sen trắng mà còn nhận thêm hoa hồng đỏ thắm tươi nữa.

Tôi thầm nghĩ và thắc mắc chủ ý của Hòa Thượng Thích Quảng Thanh xây nhiều hồ sen là để làm gì?

Phải chăng, Ngài thiết nghĩ tất cả Phật Tử chùa Bảo Quang là những hoa sen đang ở dưới bùn, đang lên mặt nước và đang nở hoa, mùi hoa thơm ngát cho Bảo Quang Tự? Tin chắc là vậy, thật đáng ngợi khen Phật Tử Bảo Quang chung sức chung công

đóng góp tinh tài cùng với Phật tử khắp nơi gần cũng như xa đã hoàn thành quần thể chùa Bảo Quang thật đáng là những Hoa Sen ngát hương trong mùa Phật Đản dâng lên cúng dường Chư Phật.

Trong Kinh Hoa Sen nói, Đức Phật giáng trần vì một đại sự nhân duyên là “Khai thị chúng sanh, Ngộ nhập Phật tri kiến” tức là khai mở cho chúng ta biết được Phật Tánh của mình tức là Đức Phật nói rằng tất cả chúng sanh đều có một hoa sen trong người, nhưng vì chúng ta không biết nên Đức Phật giáng trần chỉ dạy cho chúng ta, vậy chúng ta phải tự hào là con của Đức Như Lai.

Để chấm dứt bài viết này, tôi nhớ câu ca dao Việt Nam cũng rất thâm thúy và đầy ý nghĩa:

“Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng

Nhụy vàng bông trắng lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”.

Mùa Phật Đản PL. 2556 - 2012

Cư sĩ **Tâm Phú**

# Chỉ một chữ duyên

Như Thủy

Tôi tin mỗi người đều có một lý do(cái duyên) nào đó khi tìm đến Phật Giáo. Người tìm đến Phật Giáo vì tò mò. Người thì tìm đến Phật Giáo một cách vô tư vì là đạo "cha truyền con nối". Người thì xem đạo Phật như là cứu cánh để giải thoát khổ đau, để tìm chỗ ẩn nấp yên thân giữa chốn xao động của trần gian này . Riêng tôi, tôi tìm đến đạo Phật vì tôi đau khổ.

Tôi tin rằng việc tìm đến giáo lý Phật xuất phát từ nỗi đau khổ của tôi là một nguyên nhân đúng đắn. Ngày ấy, tôi bị thất tình và mất việc làm cùng một lúc. Tôi bị rơi vào niềm tuyệt vọng và không thể tìm ra lối thoát.

Thật ra, chuyện thất tình cũng như mất việc làm xảy ra cùng một lúc của tôi không có gì lạ trên cái thế giới này. Đâu đâu cũng có thể xảy ra chuyện thường tình như vậy. Nhưng cái tôi muốn nói đến là nhờ nỗi khổ này, tôi mở được cánh cửa giáo lý Phật một cách tình cờ. Sự "tình cờ" ấy đối với tôi là một phép lạ, một cơ duyên run rủi.

Thôi đã tâm sự thì tâm sự cho trót. Người đàn ông tôi yêu là một người Công Giáo. Gia đình tôi vốn là một gia đình Phật tử thuần thành. Còn gia đình anh ta là một gia đình Công giáo thuần

thành. Dù mang tiếng là một Phật tử, nhưng tôi chưa bao giờ quan tâm đến đạo Phật mà gia đình tôi đã theo từ đời này sang đời khác. Tôi cũng chẳng hiểu gì về cuộc đời và giáo lý của Đức Phật ngoài việc biết ngài là một vị thái tử bỏ ngôi vua để tìm chân lý cứu khổ muôn loài. Cứu ai và cứu như thế nào, tôi cũng không hề biết mảy may.

Khi yêu một người Công Giáo, tôi biết tôi gặp nhiều trắc trở về tín ngưỡng. Nhưng khi yêu, người ta thường mù quáng, và thường tự huyễn hoặc mình về sức mạnh tình yêu, về sự "vĩnh cửu" của tình yêu. Tôi cũng thế, cũng tự lừa dối mình về tình yêu mà người ta dành cho tôi. Rằng tôi đã tự mơ mộng, xây dựng một thế giới yêu đương mà trong đó chỉ có mình tôi là vai chính. Còn anh ấy vẫn chỉ xem tôi là một bóng mờ bên cuộc đời anh. Để dành giữ cái thứ "tình yêu mơ hồ" ấy, tôi đã đánh đổi tất cả. Gia đình, sự nghiệp, việc làm... để có được gần anh, để xây dựng hạnh phúc với anh. Trong thâm tâm, tôi đã hằng lo sợ vì nhận ra rằng cái tình yêu mà tôi xây dựng trong tâm tưởng chỉ là một thứ tình phù phiếm, mỏng manh, chỉ là một thứ lâu đài trên cát.

Cái cảm giác lo sợ mơ hồ về mối tình cảm phù phiếm đó, bỗng chốc hóa thành sự thật. Nó như cơn bão tố giạt sập tất cả những giấc mơ huyễn ảo của tôi, nhận chìm tòa lâu đài hạnh phúc mỏng manh xuống lòng cát ướt. Anh ta rời tôi không một lời giải thích. Tôi chơi vơi, hụt hẫng vì mất tất cả: tình yêu lẫn việc làm...( sự đời thường hay xảy ra như thế với kẻ thua cuộc). Trong cơn tuyệt vọng, tôi nghĩ đến cái chết vì không chịu nổi sự nhục nhã và sự đau khổ của sự mất mát này. Nhưng cứ nhìn ánh mắt lo lắng trong nỗi chịu đựng của cha mẹ, lòng tôi đau như xé. Chết, thật ra không dễ như tôi nghĩ. Bởi xung quanh

tôi còn nhiều ràng buộc, nhiều trách nhiệm với cuộc đời này. Nhưng sống, với tôi lúc này, là một chuỗi ngày dài trong địa ngục, khổ đau, thất vọng, nhục nhã, chán chường. Tôi loay hoay như một kẻ đang bị chết đuối dần trong cái tâm trạng bấn loạn, đầy mâu thuẫn của mình....

Một buổi tối, khi cả nhà đã đi ngủ. Không biết cái gì thôi thúc mình, tôi lặng lẽ ra trước bàn thờ Quán Thế Âm Bồ Tát. Cắm một nén nhang, tôi quỳ xuống cầu nguyện. Tôi nhắm mắt cầu nguyện. Nhưng thật ra trong tôi lúc đó, chẳng có một lời nguyện cầu nào, ngoài lời than thống thiết từ đáy lòng: "Quán Thế Âm ơi, con đã làm gì nên tội, để phải nhận lãnh kết quả này? Cha mẹ con đã làm gì nên tội để phải có một đứa con vô dụng như con? Nếu thật sự con có tội, con có lỗi, xin hãy để cho con được chết còn hơn.... Con không còn muốn sống nữa." Trong đêm khuya thanh vắng, không một tiếng động, tôi chỉ nghe tiếng lòng mình thổn thức. Văng vẳng trong tâm thức tôi tiếng thở dài áo não của ai đó. Tôi chỉ nghe tiếng nức nở của riêng mình. Đầu gối tê dại, khi tôi mở mắt ra, cây nhang đã tàn lúc nào rồi. Tôn tượng Quán Thế Âm lung linh, mờ ảo vẫn nhìn tôi, dịu dàng, bao dung. Tôi quỳ mọp, vái một vái thật sâu trước bàn thờ Phật Thích Ca và Quán Thế Âm. Một mỏi, tôi đứng dậy lê chân về phòng mình, thao thức.

Tôi tin Đức Quán Thế Âm thương tôi, như thương tất cả chúng sinh. Bởi tôi cũng chỉ là một chúng sinh mê mờ đang ngập lặn trong bể khổ. Như một phép lạ, một tháng sau, tôi có được việc làm trong một hãng nổi tiếng của Mỹ. Tôi như một người đang từ cõi chết, trở về. Tôi thấy mình được hồi sinh. Bắt đầu trở lại dòng sinh hoạt nước Mỹ, tôi như có sức sống trở lại. Ngày tôi

nhận được việc, tôi đã chạy tới bàn thờ nhà mình, cúi đầu khóc nức nở. Tôi biết rằng tôi được cứu sống.

Trên bàn làm việc của mình, tôi để bài kinh "Chú Đại Bi" để hằng ngày tôi tụng thầm trước khi bắt đầu một ngày làm việc. Bởi đó là lời thệ nguyện của riêng tôi. Một người bạn cho tôi mượn quyển truyện "Đường xưa mây trắng" của thầy Nhật Hạnh. Càng đọc, tôi càng say sưa. Như một bức màn dày được vén lên khỏi cửa sổ trong căn nhà u tối. Lần đầu tiên, tôi thấy được bầu trời cao, xanh trong. Lần đầu tiên, tôi hiểu được rằng "SỰ KHỔ" là điều hiển nhiên trên trái đất này. Bắt đầu từ sự đau khổ, Đức Cồ Đàm quyết định bỏ ngai vàng đi tìm chân lý, cứu muôn loài. Trong chuỗi năm tháng dài miên mật tu hành, bao nhiêu lần thất bại, bao nhiêu lần tuyệt vọng, bao nhiêu lần đau khổ trong sự hành xác, nhưng Đức Cồ Đàm vẫn cương quyết đi tìm cho ra chân lý cứu khổ. Bởi Ngài nhận ra rằng: KHỔ là một sự thật không thể chối cãi được. Và thế gian này tràn ngập sự thống khổ. Niềm vui chỉ thoáng qua như cơn gió, nhưng thật ra trong niềm vui đã ẩn chứa điều đau khổ.

Sự đau khổ có mặt từ khi loài người có mặt. Sự đau khổ sở dĩ có mặt vì nó bắt nguồn từ tâm thức phức tạp, bám víu của con người: yêu, thương, hờn, giận, ganh ghét, ích kỷ(hỉ, nộ, ái, ố...), và từ cái bản chất VÔ THƯỜNG của sự vật, sự việc... Suy từ những điều đã trải qua, tôi tin rằng đây là SỰ THẬT.

Tôi miệt mài đi tìm lời giải thích cho những khác biệt của cuộc đời này. Đi ngược dòng lịch sử, tôi đọc lời giáo huấn của Đức Cồ Đàm khi xưa. Tôi chợt hiểu ra nhiều điều kỳ diệu. Tôi đã vô tình xô cánh cửa Phật Đà trong cơn tuyệt vọng. Không ngờ rằng, đằng sau cánh cửa khô khan, tẻ nhạt ấy lại là một khung trời cao rộng khác. Tôi học được rằng: từ vô thí vô chung, con người đều như nhau, đều trong trắng, ngây thơ, không vương tội. Nhưng sự thật, ở cuộc đời này, có hàng tỉ những số phận khác nhau. Điều gì gây ra sự khác nhau của mỗi con người. Đó là NGHIỆP và QUẢ. Nghiệp, quả quán lấy thân phận con người cũng từ vô thí vô chung. Chính Nghiệp và Quả là nguyên nhân của sự khác nhau trong mỗi số phận con người. Người gây tội (Nghiệp) thì phải trả giá tội của mình gây ra (Quả). Nghiệp Quả quán lấy nhau như vòng tròn không bao giờ kết thúc. Số phận chỉ có thể chấm dứt ở một con người khi họ ngừng gây nghiệp. Khi nghiệp đã tận, thì Quả cũng không còn. Con người thôi không còn chịu đựng của vòng tròn NGHIỆP QUẢ. Và con người được GIẢI THOÁT. Vĩ đại thay, Đức Cồ Đàm đã tìm ra lời giải thích cho cái vòng tròn "số phận" lần quán bao quanh con người từ vô thí vô chung. Nhưng...biết thế nào là Nghiệp để chấm dứt sự gây nghiệp của con người? Lăn theo câu hỏi tưởng chừng đơn giản nhưng vô cùng phức tạp ấy, Ngài đã tìm ra được TỨ DIỆU ĐẾ, và để kết thúc Nghiệp của con người bằng cách thực hành BÁT CHÁNH ĐẠO.

Những điều này không có gì mới lạ, nó như một công thức vật lý mà ai cũng từng học khi còn ở lớp bảy, lớp tám: Nghiệp còn thì Quả còn, Nghiệp dứt thì Quả tiêu tan. Những điều này có từ khi vũ trụ hình thành, con người có mặt trên địa cầu này. Đức



Phật không sáng chế hay phát minh ra điều gì mới mẻ, vĩ đại. Nhưng sự VĨ ĐẠI của Ngài chính là nằm ở tấm lòng Từ Bi muốn cứu loài người thoát khỏi KHỔ ĐAU. Ngài giống như một người đi tìm vàng, mãi miết đi tìm, sàng đãi, để chỉ cho nhân loại thấy VÀNG đang nằm lẫn trong ĐẤT. Chân lý mà Ngài tìm thấy đã nằm sẵn trong vũ trụ, trong sự vận hành không mệt mỏi của nó từ hàng bao triệu tỷ năm nay. Ngài chỉ rõ cho mọi người thấy được căn nhà tù "KHỔ ĐAU" đang bốc lửa trong tâm thức mỗi người như thế nào. Chỉ cần nhận ra được nguyên nhân sự khổ thì căn nhà tù Khổ ấy sẽ không còn cầm tù ai được nữa. Ngài chỉ rõ rằng: hiểu rõ Tứ Diệu Đế và thực hành Bát Chánh Đạo là phương cách duy nhất để giúp con người tự giải thoát chính mình.

Tôi vẫn không phải là một Phật tử thuần thành theo kiểu đọc thiên kinh vạn quyển. Tôi vẫn còn ngu ngơ, mò mẫm trong quá trình tìm kiếm con đường trở về trở về nhà của mình. Tôi vẫn không thuộc được bất cứ bài kinh kệ nào ngoài Chú Đại Bi mà tôi hằng ngày vẫn tụng thầm, bài kinh Bát Nhã mà tôi đã bị bà nội bắt phải học thuộc từ năm lên mười, câu niệm ở cửa miệng "Nam Mô A Di Đà Phật" mỗi khi tôi sợ hãi, hay sám hối một điều gì. Nay, tôi hiểu ra mình đang mang trên lưng, trên vai một gánh NGHIỆP của riêng mình. Mỗi ngày đi qua, tôi phải trả QUẢ cho cái NGHIỆP mà mình đã tạo. Và cũng mỗi ngày đi qua, tôi cũng đã có thể tạo cho mình thêm một nghiệp mới. Để trang bị thêm trong hành trang tiến dần về nguồn của mình, bỏ bớt gánh nặng trên vai, tôi vẫn học và xem TỨ DIỆU ĐẾ và BÁT CHÁNH ĐẠO như ngọn đuốc soi sáng đời mình mỗi khi tôi muốn chệch choạng, lạc đường. Lời Phật dành cho đệ tử



Ngài trước khi nhập Niết Bàn: "Ta là Phật đã thành, các con cũng sẽ thành Phật. Hãy tự thấp đuốc lên mà đi..." cứ văng vẳng trong trí tôi, mỗi khi tôi thấy lòng mình xao xuyến về một điều gì. Tinh thần Bi, Trí, Dũng đã tỏa sáng trong lời Ngài dạy.

Đức Phật Thích ca đã từng dạy: "Đừng có hỏi rằng thế giới này hữu hạn hay vô hạn, hữu cùng hay vô cùng. Dù nó hữu hạn hay vô hạn, hữu cùng hay vô cùng thì điều mà chúng ta phải công nhận trước tiên đau khổ của cuộc đời là một hiện thực."

Mỗi Phật tử đều có một cái duyên để tìm đến Phật và giáo lý Phật. Riêng tôi, cái duyên của tôi với Phật bắt đầu từ "NỖI KHỔ" của chính mình.

Tôi tin rằng tôi đã tìm con đường đúng cho cuộc đời mình.

California, 4 – 2- 2012- Nhâm Thìn

**Như Thủy**

## Một ngày tu tập tại chùa Bảo Quang

Ngọc Như Ý

Mỗi buổi sáng thứ bảy đầu tháng, chùa Bảo Quang lại nhộn nhịp với ngày tu Bát Quan Trai. Sân chùa sinh động hẳn lên với những bóng áo lam đi ra đi vào rải rác khắp nơi. Tham dự buổi tu học này phần lớn là các bác đã lớn tuổi, nhưng sẵn sàng bỏ thì giờ từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều để sống một ngày trong chùa, tập trì giới, tụng kinh niệm Phật, nghe giảng Pháp. Tất cả đều có vẻ hoan hỉ và phấn chấn, có lẽ vì đây là một ngày mong đợi trong tháng để có dịp gặp nhau, cùng tu cùng học.

Tìm hiểu về ý nghĩa, Bát Quan Trai là một phép tu hành cho người tại gia áp dụng trong một ngày một đêm (24 giờ). Chữ “Quan” có nghĩa là cửa, cửa ngăn chặn 8 điều bất thiện. Chữ “Trai” tiếng Phạn là Posadha, có nghĩa là không ăn quá giờ Ngọ (12 giờ trưa). Như vậy, Bát Quan Trai có nghĩa là giữ gìn cho thân tâm được thanh tịnh trong 24 tiếng đồng hồ, bằng cách giữ 8 giới sau đây:

1. Không được sát sanh
2. Không được trộm cướp
3. Không được dâm dục
4. Không được nói dối
5. Không được uống rượu
6. Không được trang điểm, trang sức, thoa dầu thơm, múa hát và xem múa hát.

7. Không được nằm ngồi giường cao rộng đẹp để
8. Không được ăn quá giờ Ngọ.

Một chương trình tu bát quan trai giới trong một ngày một đêm căn bản thường được định như sau:

BUỔI MAI: 6 giờ sáng Thọ Giới

BUỔI MAI: 7 giờ ăn Điểm Tâm

BUỔI MAI: 8 giờ Sám Hối

BUỔI MAI: 9 giờ Xem Kinh

BUỔI MAI: 10 giờ Niệm Phật

BUỔI MAI: 12 giờ Thọ Trai

BUỔI MAI: 12g30 Kinh Hành Niệm Phật

BUỔI CHIỀU: 1g30 Chỉ Tĩnh (ngủ)

BUỔI CHIỀU: 3 giờ Tụng Kinh

BUỔI CHIỀU: 4 giờ Xem Kinh

BUỔI CHIỀU: 5 giờ Niệm Phật

BUỔI CHIỀU: 6 giờ Dùng Nước (sữa hoặc nước cháo)

BUỔI TỐI: 7 giờ Tĩnh Độ

BUỔI TỐI: 8 giờ Học

BUỔI TỐI: 10g15 Quán Sô Tứ

BUỔI TỐI: 10g40 Nghỉ

BUỔI TỐI: 4 giờ khuya Tĩnh Niệm (niệm Phật)

BUỔI TỐI: 4g 30 Công Phu

BUỔI TỐI: 6 giờ Làm Lễ Xả Giới

Tu Bát Quan Trai không chỉ giới hạn một ngày trong tháng, mà có thể lên đến 6 ngày là ngày mùng 8, 14, 15, 23, 29, 30.

Nếu theo đúng chương trình ở trên, Tu Bát Quan Trai quả là một ngày tu học rất tinh chuyên, sống gần với đời xuất gia, tập quen với đời sống thanh tịnh. Phật thuyết pháp Tu Bát Quan Trai Giới để cho những người tuy sống đời tại gia đang hưởng thụ ngũ dục của thế gian, nhưng tâm đã vững chắc trên đường Phật đạo, có cơ hội để gần cận với già lam, phát triển giới, định, tuệ, thanh lọc hóa thân tâm để hướng thượng bản thân, tiến tới mục đích siêu Phàm nhập Thánh, xa lìa sinh tử.

Một ngày tu 24 tiếng đồng hồ như thế tuy đem lại rất nhiều ích lợi, nhưng khó áp dụng trong hoàn cảnh thực tế hiện nay. Vì vậy chùa Bảo Quang đã thu gọn chương trình lại thành 8 tiếng, đủ cho một ngày tu học vừa có lợi lạc, vừa không quá mệt mỏi.

Tôi có cơ duyên gia nhập ngày Tu Bát Quan Trai ở chùa Bảo Quang đúng lúc thọ trai, và ở lại buổi chiều để nghe pháp, tụng kinh và lễ sám hối. Tham dự khóa tu khá đông, khoảng trên dưới 80 người, phần lớn có vẻ đã tham dự lâu năm và quen thuộc với nhau. Trong giờ thọ trai, sau những nghi lễ cần thiết, tất cả đều ăn cơm trong trật tự, nghiêm chỉnh. Trong bữa ăn, Hòa thượng Quảng Thanh cũng uyển chuyển tùy duyên, tận dụng mọi cơ hội để nói Pháp, những điều giản dị mà dễ thực hành trong cuộc sống.

Buổi chiều, sau giờ nghỉ, Hòa thượng Quảng Thanh đăng đàn giảng pháp. Thầy nói về nhân quả, dùng một quả bưởi để làm thí dụ. Một trái cây chín ngon ngọt khi đến tay chúng ta đã phải trải qua bao nhiêu giai đoạn, từ lúc gieo giống trồng, cho đến khi lớn lên đơm hoa kết trái biết bao nhiêu là công sức. Những kết quả đến với chúng ta cũng vậy, không có gì là tự nhiên, hay ngẫu nhiên có sẵn cả, mà phải qua một quá trình tạo tác mới thành được.

Sau thời thuyết pháp và trả lời câu hỏi, tất cả đều tụng kinh và lễ sám hối Phật trước khi kết thúc chương trình.

Nhân cơ hội này, tôi được gặp bác Thanh Thái, một đạo hữu kỳ cựu trong khóa Tu Bát Quan Trai. Bác là một Phật tử rất thuần thành, hay nghiên cứu Phật Pháp và đã viết nhiều bài đăng trên báo Trúc Lâm. Tôi hỏi bác:

- Bác đến chùa Bảo Quang tu Bát Quan Trai được bao lâu rồi, và vì sao bác chọn chùa Bảo Quang?

Bác cho biết:

- Cũng là cơ duyên, tôi gặp thầy Quảng Thanh từ lâu lắm rồi, ở chùa Hương Tích, lúc ấy thầy mới qua Mỹ, trong thập niên 1980. Thấy thầy là người đáng kính trọng, nên khi thầy trụ trì chùa Bảo Quang tôi đến tu học ở đó luôn.

- Bác có thể cho biết chương trình Tu Bát Quan Trai như thế nào, có một mối đối với bác không?

- Buổi sáng vào làm lễ Thụ Ân, tác bạch Hòa Thượng xin thọ Bát Quan Trai Giới, rồi thầy truyền giới, nhắc lại 8 giới phải hành trì trong ngày. Sau đó tụng kinh, thiền hành, chiều nghe pháp. Có nhiều lúc để nghỉ ngơi nên cũng không có gì là một mối đối với tôi.

- Bác có cảm nghĩ gì về ngày tu Bát Quan Trai?

- Đây là một ngày vui đối với chúng tôi, lớn tuổi rồi, tu phải có bạn, đến chùa vừa được thực tập tu, vừa được gặp các đạo hữu, thật không còn gì hơn.

Quả thật, khi nhìn những mái đầu bạc trong chiếc áo tràng màu xám, tôi thấy những khuôn mặt rạng rỡ, toát lên một vẻ gì thanh thoát, an hòa. Các bác đến chùa để đi tìm một niềm vui thanh cao mà giản dị. Niềm vui của một ngày đến chùa, gặp gỡ bạn bè cùng tu học từ sáng đến chiều, đã làm tan đi những cơn mệt mỏi nếu có. Chợt nghĩ, các bác là những người có phước, vì đã biết đến Phật, đến Pháp để nương tựa vào trong lúc tuổi già bóng xế, hơn thế nữa lại có bạn đồng học, đồng tu. Khi phải đối đầu với cái già, cái bệnh và cái chết, nếu không có Phật, có Pháp để

nương vào, sẽ cảm thấy rất đau khổ và lo sợ. Một ngày tu trong tháng tuy không bao nhiêu, nhưng tích tiểu thành đại, cũng là công đức giúp chuyển hóa thân tâm, giải trừ nghiệp chướng.

Chẳng phải Đức Phật đã từng nói: “Một trăm năm sống trong vô minh u tối không bằng một ngày trong đời người giác ngộ” đó sao?

**Ngọc Như Ý**

(Ngày tu Bát Quan Trai, 3/3/2011)

# **Oan ức không cần biện bạch**

**Tâm Tường Lê Đình Cát**

Đời là cả một đấu trường mà con người chúng ta là những “đấu sĩ” không ngừng nghỉ. Bởi vậy từ khi khôn lớn và trưởng thành vào đời mỗi một con người chúng ta đã gặp không biết bao nhiêu là điều phiền toái, thị phi có những lúc thật oan ức và cứ mỗi lần như thế thì chúng ta cố bằng mọi cách tranh cãi, biện minh và phân tích những điều phải, trái cũng như nêu ra những sự hữu lý và vô lý để hầu mong làm sáng tỏ vấn đề và cũng hầu mong sao cho đối phương hiểu ra được lẽ phải....Nhưng cũng có những lúc vì sự tranh cãi đó mà vô hình chung đã gây ra sự bất hòa giữa mình và đối phương và một nhân vật thứ ba nào đó trong câu chuyện. Vì vậy đôi khi không có lợi mà trái lại có thể làm hại đến công việc, đến thanh danh và cũng có thể hại đến cả bản thân mình vì sự bất hòa nhau. Mặc dầu chúng ta đã biết hậu quả của sự bất hòa nó sẽ tai hại như thế đó, nhưng chúng ta vẫn không thể bỏ qua được nếu có ai có tình vụ oan, giá họa cho ta một vấn đề gì đó và để rồi ta cảm thấy là rất “Oan Ưc”

Là người con Phật; không nhiều thì ít chúng ta đã từng đọc qua những kinh sách Phật hoặc đi nghe những buổi thuyết giảng của quý chư Tăng, Ni hay của quý vị Cư Sĩ thức giả trong hàng Phật tử và cứ mỗi lần như vậy thì tâm chúng ta sẽ lắng xuống không còn muốn tranh chấp mọi sự hơn thua ở đời nữa... Và nếu một



dịp nào đó chúng ta có được thiện duyên khi đọc đến hoặc nghe được bài giảng nói về: “Oan ức không cần biện bạch vì làm như vậy là hèn nhát mà trả thù thì oán đối kéo dài”. Có lẽ quý vị cũng như tôi, khi nghe đến đề tài trên, lúc ban đầu chúng ta có vẻ âm ực và muốn hiểu biết tường tận tại làm sao mà “oan ức không cần biện bạch”. Phải chăng đó là một sự nhu nhược và sợ hãi “đối phương”? Vì như đã nói ở trên là trong cuộc sống thường nhật, chúng ta đã phải tiếp xúc với biết bao nhiêu hạng người, những người này đối xử tốt với chúng ta cũng nhiều và gây phiền toái cho chúng ta cũng không ít. Mặc dù nhiều lúc chúng ta cố chiêm nghiệm lời dạy trên nhưng trong lòng chúng ta vẫn cảm thấy bất an khôn tả. Vậy chúng ta có nên áp dụng theo lời dạy trên hay không và khi gặp những chuyện oan ức gây phiền não và đôi lúc còn bức bách, cả tâm trí chúng ta nữa; như vậy chúng ta phải giải quyết như thế nào để cho mọi chuyện được êm đẹp và không gây ra những hiềm khích, thù hằn cho nhau.

Nhưng khi đã nghe hết được bài thuyết giảng trên; và nhất là sau khi đã đọc và suy gẫm mẫu chuyện Đạo nói về “Thầy Tỳ Kheo với con ngỗng” sau đây. Kẻ viết bài này mong rằng chúng ta sẽ hiểu rõ được ý nghĩa của đề tài về bài giảng “Oan ức không cần biện bạch vì làm như vậy là hèn nhát mà trả thù thì oán đối kéo dài....”

\* \* \* \* \*

Một Thầy Tỳ kheo mang một bình bát đi vào một nhà giàu để  
khất thực.

Bà chủ nhà đang trò chuyện nên vô ý đánh rơi chiếc nhẫn xuống  
sàn nhà cùng lúc ấy có một vị Thầy Tỳ kheo bước vào, cũng tại  
chỗ có một con ngỗng đang đi lảng vảng thấy chiếc nhẫn rơi  
xuống đất tưởng con mồi nên gấp bỏ vào miệng. Khi người chủ  
nhà biết mình đã mất chiếc nhẫn liền hỏi Thầy Tỳ Kheo có thấy  
chiếc nhẫn rơi chỗ nào không. Thầy Tỳ Kheo im lặng không trả  
lời.

Người chủ nhà sanh nghi Thầy Tỳ Kheo đã nhặt và giấu chiếc  
nhẫn quý nên nhieếc mắng thậm tệ, vẫn chưa nguôi lại còn đánh  
đập, nhưng Thầy Tỳ Kheo vẫn một mực chịu đòn, im lặng  
không trả lời.

Một lúc sau người nhà báo là con ngỗng tự nhiên ngã lăn ra  
chết. Bây giờ Thầy Tỳ Kheo mới chậm rãi nói với người chủ  
nhà:

*Hồi nãy tôi thấy con ngỗng nuốt chiếc nhẫn. Chủ nhà cho  
người mổ con ngỗng và quả nhiên tìm thấy được chiếc nhẫn đã  
bị mất.*

Quá hối hận, chủ nhà liền sụp lạy Thầy Tỳ Kheo và lễ phép  
thưa rằng:

*Trước đây Thầy thấy con ngỗng nuốt chiếc nhẫn, tại sao Thầy  
không cho con biết, con hỏi nhiều lần Thầy vẫn im, lặng đến nỗi  
con xúc phạm đến thế mà Thầy vẫn không trả lời?*

Thầy Tỳ Kheo chậm rãi nói:

*Thà tôi bị nhiếc mắng, bị đánh đập mà giữ được đạo hạnh, chứ nếu tôi nói cho bà biết thì con ngông sẽ bị giết. Việc ấy không bao giờ kẻ tu hành dám làm.*

Qua câu chuyện trên đã cho chúng ta hiểu được tại sao “oan ức không cần biện bạch vì làm như vậy là hèn nhát mà trả thù là oan đối kéo dài”. Thật là một bài học cho chúng ta cần phải noi theo để mà sống và ứng xử với người, với đời.

Khi mà người Phật tử phát Bồ đề tâm, thực hành Bồ tát đạo, dẫn thân vào chướng nạn, đối diện với nghịch cảnh, phải thường xuyên nhớ nghĩ điều ấy trong lòng để soi sáng cho mọi suy nghĩ, lời nói và hành động ngõ hầu viên thành bi nguyện độ sinh, vô ngã, vị tha nhằm thành tựu công đức để dẫn đến con đường tu chứng viên thành đó là “giác ngộ”.

Đây chính là cốt tủy tinh túy, là đỉnh cao của pháp hành trên lộ trình Bồ tát đạo. Một người chưa phát Bồ đề tâm, chưa đạt đến vô ngã, thiếu bi nguyện độ sinh thì khó làm được điều trên. Do đó, dù cố gắng chiêm nghiệm lời dạy trên nhưng trong lòng vẫn cảm thấy bất an và đó là chuyện bình thường đối với chúng sinh. Nguyên nhân của sự bất an này không phải lời dạy trên không có tác dụng hữu hiệu khi ứng dụng vào cuộc sống thường nhật của chúng ta mà chính là do ở chỗ tu tập và quán chiếu của tự thân chưa thấu đáo, chưa đạt được tuệ giác để vượt qua cái tôi của cá nhân tức là “bản ngã”.

Thói thường, khi cái tôi bị bêu xấu hoặc bị đe dọa, thì con người chúng ta lập tức tự ngã có một phản ứng để tự tồn. Sự tự vệ của cái tôi rất bảo thủ và dữ dội, thậm chí nhiều khi còn tỏ thái độ ngoan cố, độc đoán và bằng mọi cách để có thể bảo vệ được những điều tội lỗi do chính mình gây nên mà đôi lúc khó có thể chấp nhận. Do đó, chấp nhận sự sai lầm của bản thân là một sự can đảm, một người sáng suốt và biết phục thiện xứng đáng để cho mọi người khâm phục. Và khi mà chúng ta đã bỏ qua được cái “bản ngã” của chính mình để vượt lên một bước, chấp nhận cả điều oan ức, đó chính là lối hành xử cao thượng, là lẽ sống của Bồ tát. Mà người thường khó có ai làm được. Và điều này, chỉ duy nhất những vị mang trong mình tâm niệm Bồ tát mới làm được. Bồ tát nương vào sự tu tập quán chiếu ngũ uẩn giai không, phát triển tuệ quán và thành tựu tuệ giác vô ngã. Khi đạt đến một nhận thức về tính không của tự ngã thì lúc ấy những rác rưởi đeo bám trên tự ngã của tâm ta tức khắc rơi rụng. Nhờ vậy, khi gặp những điều oan ức, không cần phải biện bạch mà tâm vẫn an nhiên, tự tại không hề mảy may giao động...và đó mới chính là tâm của Bồ Tát vậy.

Chúng ta đã từng chiêm nghiệm lời dạy trên mà vẫn bất an vì chúng ta chưa thực sự phát Bồ đề tâm, chưa nỗ lực quán chiếu để nhận thức sâu sắc về tính không của Tự Ngã. Cái gọi là Tự Ngã, là Tôi thực chất chỉ là một tổ hợp bao gồm năm yếu tố (Ngũ Uẩn); đó chính là: thân thể (Sắc), cảm thọ (Thọ), tri giác (Tuồng), tư duy (Hành) và nhận thức (Thức). Năm yếu tố này hòa quyện vào nhau để hình thành tự ngã. Đặc tính cơ bản của ngũ uẩn là duyên sinh, đã duyên sinh thì cố nhiên không có tự

tính, không thật thể và hoàn toàn vô ngã. Nỗ lực quán chiếu về vô ngã tính sẽ làm cho cái tôi cá nhân ngày càng thu hẹp lại cho đến triệt tiêu thì tự khắc tình yêu thương không phân biệt sẽ hiện ra. Chính tình yêu thương không phân biệt ấy mới đủ sức dung nhiếp, tha thứ và hóa giải tất cả mọi oan ức và thù hận.

Trong cuộc sống, nếu chưa đủ sức phát khởi Bồ đề tâm, tu tập phát huy tuệ giác vô ngã thì chúng ta nên biện bạch. Vì biện bạch để làm sáng tỏ vấn đề, đem lại công bằng cho tự thân và mọi người là điều mà những người bình thường vẫn làm. Dù việc làm này không giải quyết triệt để vấn đề nhưng hơn hẳn sự chịu đựng trong bất an, đau khổ. Tuy nhiên, sự biện bạch để giải tỏa oan ức chỉ có tính chất tạm thời. Vì rằng, nếu còn bóng dáng tự ngã thì nỗi oan này qua đi, nỗi oan khác lại kéo đến và như thế cuộc đời là một chuỗi biện bạch. Tự thân của sự biện minh là biểu hiện của tự ngã và đó là vòng lẩn quẩn của thân phận chúng sinh.

Mỗi khi gặp những chuyện phiền não bức bách, chúng ta nên bình tâm ngồi lại để chiêm nghiệm vấn đề. Hãy đối diện với chính mình, lắng nghe tiếng lòng tâm sự để thấy được căn nguyên của phiền não, bất an. Và khi đó chúng ta sẽ thấy rằng phiền não chỉ là những đợt sóng lao xao nô đùa trên tự tâm bình lặng. Không cần xua đuổi hay hàng phục, chỉ quan sát chúng đến và đi một cách rõ ràng. Rồi thì chúng ta sẽ mỉm cười khi phát hiện ra chúng, tuy có đấy nhưng không thật. Không những phiền não mà ngay cả niềm vui, sự hạnh phúc, tất cả đều là hoa đốm trong hư không.

Đạo Phật là đạo của trí tuệ, đỉnh cao là tuệ giác vô ngã. Vượt qua những chướng ngại trong cuộc sống nhờ sự soi sáng của trí tuệ là chủ trương của đạo Phật. Nếu chỉ dồn nén và chịu đựng những điều oan ức mà không giải thích cho mình bạch, rõ ràng được thì đó không phải là cách hành xử của người Phật Tử tu học theo lời Phật dạy. Sức chịu đựng và sự dung chứa của tâm có giới hạn, khi mà con người chúng ta đã hết sức chịu đựng thì sự dung chứa sẽ bùng vỡ đem đến hậu quả khôn lường. Do đó, chúng ta phải tu tập để hầu mong ứng dụng lời dạy trên trong cuộc sống bằng cách phát huy tuệ giác vô ngã. Sự tu tập để từng bước thành tựu trí vô ngã sẽ giúp chúng ta hóa giải, vượt qua tất cả mọi trở ngại đồng thời đem lại cho chúng ta sự bình an trong tâm hồn và giải thoát được những khổ nạn.

Lake Forest, January- 2012

**Tâm-Tường - Lê-Đình-Cát**

# Bước Nhẹ Vào Thiên Thu

thơ

**Nhất Phương**

Tiếng hát cất lên từ đáy tim  
Gió thoảng đông đưa những nỗi niềm  
Tình cúi xuống nhìn khung kỷ niệm  
Vết nước mắt dài thêm khoảng đêm

Sóng biếc từ nơi đâu sóng gợn  
Thu buồn từ độ lá ngừng rơi  
Nhớ nhung mòn mỗi chân quên bước

*Thấp thoáng đường mây bóng một người*

*Trời gom tinh tú vào cung cấm*

*Mờ nhạt trắng hoa lịm tiếng cười*

*Tay ôm rét mướt làm chăn gối*

*Suốt kiếp vì sao lỡ hẹn rồi*

*Ngân hà chợt tím màu lưu luyến*

*Thiên thai mở ngõ cửa đài trang*

*Đam mê vũ trụ ngàn năm nữa*

*Tiếp nối đời nhau, mấy nhịp đàn*

*Dư âm chất ngất mưa bàn bạc*

*Lạc dấu yêu xưa quên nẻo tìm*

*Ép nốt nhạc trầm ngân phím bổng*

*Tiếng hát cất lên từ đáy tim...*

**Nhất Phương**



# TÁM BÀI KỆ CHUYỂN SỬA TÂM

## Eight Verses of Mind Training

Tác giả: Geshe Langri Thangpa

(1054 – 1123 CE)

### Thanh Thái

Tôi theo chị bạn tới thăm một ngôi chùa Tây Tạng. Thấy người lạ tới thăm chùa, Thầy trụ trì nghiêm trang chấp tay đứng trước tôi đọc mấy câu kệ ngụ ý chúc lành cho tôi. Bạn tôi giới thiệu thêm với Thầy tôi cũng là một Phật tử nên khi chúng tôi chào Thầy ra về, Thầy trao cho tôi một bài kệ và bảo rằng “Bài kệ này có thể giúp ích đạo hữu trên đường tu học, xin tặng đạo hữu.”

“Đó là bài kệ của Đạo Sư GesheLangri Thangpa, một vị Đạo Sư Tây Tạng nổi tiếng về bài kệ Chuyển Hóa Tâm của Ngài từ thế kỷ thứ 12. Thật ra Ngài viết bài này chỉ là để cho chính Ngài suy ngẫm, nhưng rồi sau này trở thành lời khuyên dạy vô giá cho các Phật Tử qua bao thế kỷ....”

(Trích lời Đức Dalai Lama thứ 14 giới thiệu cuốn “Now I know” của tác giả Sally Devorsine vì sách đó nói về những bài giảng dạy của Đạo Sư GesheLangri Thangpa)

Sau nhiều lần nghiền ngẫm bài kệ, tôi tự thấy tâm tôi còn nặng nề quá, tôi còn vướng mắc nhiều chấp trước quá, quả thật cái ngã của tôi còn lớn quá, vô minh còn bao phủ dày đặc quanh tôi, làm sao mà thân tâm an lạc được. Và rồi càng đọc kĩ cả tám bài kệ, tôi càng nhận ra rằng mỗi bài là một lời chỉ dẫn thiết thực làm sao cho chính tâm mình được nhẹ nhàng thanh thản, mà cũng là cho tất cả mọi người được yên vui. Bài kệ được diễn đạt bằng Anh ngữ, tôi xin cố gắng phiên dịch qua tiếng Việt, và xin chia sẻ với chư pháp hữu bài kệ vô cùng ý nghĩa này.

### **Tám Bài Kệ Chuyển Hóa Tâm**

Với nguyện ước mong đến bờ toàn giác,  
Cùng vì lợi ích mọi chúng sinh,  
Xin trân quý các bậc Mẹ hiền như bảo ngọc,  
Suy tư này xin ghi mãi trong tâm.

Rồi mỗi khi gặp gỡ bạn thân sơ,  
Nguyện khiêm nhường chẳng quản hơn thua,  
Và với tất cả lòng thành kính,  
Tôn kính người như những bậc ân sư.  
Nguyện năng quán xét tư duy hành động,

Vô minh lóe đến còn đâu là an lạc,  
Không chỉ một ai mà tất cả chúng sinh,  
Phải kiên cường lập tức phá vô minh.

Khi giao dịch gặp người thâm hiểm,  
Lòng dạ đầy sân hận hờn căm,  
Mẹ bạn ấy con nguyên thương quý,  
Như kho tàng vô giá mới tìm ra.

Còn những người ưa ghen tuông đố kỵ,  
Hay nói lời phỉ báng chê bai,  
Con xin gắng nhận phần thua kém,  
Nhường phần toàn thắng cho đời yên vui.

Lại có người con hằng giúp đỡ,  
Cùng mến thương tin tưởng hết lòng,  
Bỗng trở mặt làm con tê tái,  
Xin nhủ lòng coi họ như những bậc tối cao.

Dù xa gần con xin dâng hiến,  
Niềm yên vui đến khắp bậc Mẹ hiền,  
Phần riêng con xin âm thầm gánh chịu,  
Mọi khổ đau ác nghiệp thế chúng sinh.

Bao cơn bão không làm con lay chuyển,  
Trong tâm con vạn pháp chỉ là không,  
Không chấp trước con nguyện tinh tấn,  
Cứu độ người khỏi luân hồi trong biển khổ  
vô minh.

### **Hồi Hướng**

Pháp môn vô lượng con nguyện học,  
Phật đạo vô thượng con nguyện thành,  
Nguyện con có được khả năng,  
Giúp người thoát khỏi khổ đau não phiền.

Nguyện cầu Bồ Đề Tâm cao quý,

Nở rộ khắp nơi nơi,  
Nguyện cầu Bồ Đề Tâm kiên cố,  
Bền vững với thời gian.

Nguyện cầu pháp Chân Không tối thượng,  
Sẽ hiển hiện khắp cùng,  
Nguyện cầu tri kiến ấy,  
Sẽ mãi mãi thăng hoa.

Trước đây 900 năm, từ thế kỷ thứ 12, Đạo Sư GesheLangri Thangpa đã dạy cho những người con Phật đức tính từ bi bác ái, cùng tinh thần khiêm cung nhẫn nhịn phá chấp ngã, qua thái độ luôn luôn trân quý các bậc Mẹ hiền, gặp bạn bè thì chẳng quản hơn thua, chấp nhận phần thua kém. Ngài lại dạy coi bạn bè như những bậc ân sư, cùng lòng hy sinh, khoan dung thuận thảo bằng cách gánh chịu khổ đau thế chúng sinh, mong cứu độ người khỏi biển khổ trầm luân.

Phật tử chúng ta ngày nay may mắn cũng đã thấm nhuần giáo lý của đạo Phật như tinh thần từ bi bác ái, luật nhân quả, lý vô thường, cùng đức tính khiêm cung, nhẫn nhịn, chúng ta cũng đã cảm nhận được niềm an lạc trong hiện tại. Mong rằng những lời dạy khuôn mẫu sáng suốt trên sẽ giúp chúng ta tiến xa hơn nữa,

cho đến ngày chúng ta sẽ “đáo bỉ ngạn,” sẽ vượt đến bờ toàn  
giác để an hưởng cảnh Niết Bàn an lạc nơi cõi Phật.

Mùa Phật Đản 2556-2012

**Thanh Thái**

Nhớ

---

thơ

**Hoài Hương**

“Chiều chiều ra đứng ngõ sau  
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiu...”  
Kể từ để bước phiêu linh,  
Ra đi mới thấy thấm tình quê hương  
Nhớ ai, nhớ cả phố phường,  
Nhớ con đường cũ, nhớ trường năm xưa  
Đạp xe lên xuống sớm trưa  
Anh em bạn cũ, đón đưa vui vầy  
Chén trà thân hữu vui đầy  
Hàn huyên không dứt, chuyện gần, chuyện xa  
Viếng khu mộ cổ Ông Bà  
Hai bên cha mẹ cùng là hiền thê...

*Nhớ cô cắt cỏ bờ đê  
Nhớ đồng lúa chín, hương quê thơm nồng!  
Nhớ Rạch cát, nhớ sông Đồng  
Nhớ chùa Phước Hội, thắng xông đình làng  
Nhớ thân hữu, bạn vong niên  
Sớm trưa bày ván cờ tiên giải buồn  
Bao giờ trở lại cố hương  
Hồn thiêng Sông Núi vẫn vương tác lòng  
Bao giờ cho hết chờ mong  
Bao giờ gặp lại cho lòng nguôi ngoa ...*

*( 12/87)*

***Hoài Hương***



# Thiếu lâm công phu võ thuật

Thanh Đình chuyển ngữ



Được sự hoan hỷ của Hòa Thượng Viện Chủ chùa Bảo Quang cho phép tổ chức các khóa “võ thuật, Thiếu Lâm Công Phu”.  
Đích thân Master Shifu Shi Yan Hong chỉ dạy và tập luyện.  
Nhằm mục đích trau dồi đạo đức, rèn luyện thân thể tráng kiện thanh - thiếu niên.

\* \* \*

Thiếu Lâm Tự đã có mặt tại Trung Hoa hơn 1500 năm, nghiên cứu và thực hành tu viện của võ thuật Thiếu Lâm và thiền định. Ngôi đền nằm cao trên núi Song, là một ngọn núi thiêng liêng tại

Hà Nam, Trung Quốc. Thiếu Lâm Tự được công nhận là nguồn gốc của Phật Giáo Chan (Thiền) .

Môn võ thuật này đã được thực hành tại ngôi đền trong suốt chiều dài lịch sử. Một truyền thuyết đã có nói rằng Bồ Đề Đạt Ma, Ngài thấy các nhà sư yếu kém và không lành mạnh sau khi thực hành thiền định trong thời gian dài. Do đó, Ngài đã phát triển các môn võ thuật để tăng cường, hình thành cơ sở của võ thuật Thiếu Lâm. Tuy nhiên, khía cạnh độc đáo của võ thuật Thiếu Lâm là sự kết hợp của võ thuật và Phật Giáo Chan. Đây cũng là lý do chính cho các hiệu ứng huyền bí của võ thuật và phân biệt võ thuật Thiếu Lâm với những võ thuật khác.

Để có được một trình độ cao, võ thuật Thiếu Lâm luôn luôn phụ thuộc vào sự giảng dạy và hướng dẫn bằng miệng của các bậc thầy cũng như các môn đệ hiểu tinh thần Phật giáo Chan. Để đạt đến cấp độ đó, các tu sĩ phải cải thiện bản thân và hằng ngày phải nghiên cứu Phật giáo Chan và thực hành võ thuật. Ý tưởng đằng sau võ thuật Thiếu Lâm là niềm tin vào sự kết hợp của Phật Giáo và võ thuật.

Một ví dụ điển hình của các thực hành này có thể được nhìn thấy từ những lời dạy của Shifu Shi Yan Hong tại chùa Bảo Quang. Shifu Shi Yan Hong từ chùa Thiếu Lâm đã được huấn luyện đặc biệt kể từ khi sáu tuổi. Vào bảy tuổi, Shifu Shi Yan Hong đã được chấp nhận như một tu sĩ đào tạo. Mười sáu năm sau, ông được tu viện trưởng của chùa Thiếu Lâm nhìn nhận như

là một tu sĩ chiến binh đầy đủ. Sau nhiều năm đào tạo, Shifu Shi Yan Hong đã được chọn là một trong 18 vị La Hán. 18 vị La Hán là một nhóm được sự chọn lựa từ tất cả các nhà sư chiến binh tại ngôi chùa và đã chứng minh là hoàn thành các môn võ thuật của Thiếu Lâm. Một trong những nhiệm vụ chính của Shifu Shi Yan Hong là giám sát và hướng dẫn cho 150 tu sĩ chiến binh tại chùa Thiếu Lâm. Là một trong 18 vị La Hán được lựa chọn, Master Shi Yan Hong được bầu ra để biểu diễn vào các sự kiện quốc gia cho các nhà lãnh đạo thế giới (bao gồm cả cựu Tổng thống Nga Vladimir Putin và cựu Ngoại trưởng Henry Kissinger của Hoa Kỳ). Hiện nay, Shifu Shi Yan Hong đang sinh sống tại Hoa Kỳ.

Một lần nữa chúng con thành kính tri ân Hòa Thượng Viện Chủ chùa Bảo Quang đã dành cho nhiều phương tiện như: phòng ốc và các tiện nghi trong sự luyện tập cho các võ sinh. Cũng là nơi để Shifu Shi Yan Hong có thể chia sẻ giáo lý của chùa Thiếu Lâm và võ thuật cho các anh chị em thanh thiếu niên tại Santa Ana, Nam California.

“ Thời gian luyện tập: Thứ Bảy và Chủ Nhật hằng tuần

- Từ 2:30 p.m đến 6:00p.m
- Tại: 713 N. Newhope St. Santa Ana, CA 92703

Thiếu Lâm không chỉ là một hình thức nghệ thuật võ. Thiếu Lâm thiền và tập thể dục đã được công nhận là một trong những

cách hiệu quả nhất để cải thiện sức khỏe con người và giúp giảm rủi ro và tỷ lệ mắc bệnh. Võ Thiếu Lâm được trình bày với sự chuyển động của cơ thể con người chẳng hạn như: phòng thủ, tấn công và đấu vật và những bài quyền là đơn vị cơ bản của nó. Những bài quyền được thực hiện qua một số động tác. Việc thiết kế và sắp xếp của các động tác này được dựa trên những kiến thức y tế của Trung Quốc cổ đại và phù hợp với quy định chuyển động của cơ thể con người. Các động tác và bài quyền đặc biệt nhấn mạnh trên sự kết hợp của sự chuyển động và sự yên tĩnh, cân bằng giữa Âm và Dương, bổ sung dẻo dai và mềm mại, và bao gồm của tinh thần và hình thức.

Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc:

Lisa Phone (626) 228-7308, Bằng (Anh Ngữ)

**Thanh Đình** - chuyển ngữ

## Những ngôi chùa cổ

### Diệu Trí

*Mái chùa che chở hồn dân tộc*

*Nếp sống muôn đời của Tổ tông”*

(thơ Huyền Không)

Hai câu thơ trên nói lên nếp sống văn hóa của dân tộc đã đi liền với những ngôi chùa từ ngàn xưa. Vì thế, các nước Á Châu nói chung và Việt Nam nói riêng, ở làng nào, tỉnh nào cũng có một ngôi chùa.

Đến chùa, chúng ta sẽ cảm nhận được sự nhẹ nhàng, thư thái. Chùa là nơi thanh tịnh trang nghiêm. Đạo Phật là một tôn giáo lớn của nhân loại, có ảnh hưởng sâu rộng đến tâm linh, là nền móng trong đời sống những dân tộc ở Á Châu.

Đạo Phật đã có mặt trên quả đất này hơn 2500 năm. Đạo Phật đang uyển chuyển để hội nhập vào các nước Tây phương.

Đạo Phật đem đến cho nhân loại một tôn giáo bình đẳng, không tin vào Thượng Đế và không dựa vào bất cứ một vị thần linh nào và giáo điều - tất cả đều từ trí tuệ, lòng từ bi hỷ xả, giác ngộ để giải thoát.

Đức Phật là bậc Đại Giác đã diệt hết tham sân si. Con đường do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là con đường giải thoát, san bằng mọi bất công, truyền bá sự bình đẳng giữa người với người và mọi chúng sinh. Pháp Phật đưa đến hạnh phúc chân thật, dựa trên kinh nghiệm thực tiễn mà Đức Phật đã tìm tòi và trải qua. Phật dạy:

- Lấy từ bi hỷ xả để xóa bỏ hận thù, giúp người bất hạnh
- Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đều có khả năng thành Phật.
- Nếu biết tu hành, sửa đổi những lỗi lầm thì có thể được giác ngộ và giải thoát.

Đạo Phật được truyền bá vào các nước Á Châu, trong đó có Việt Nam, từ đó đã có nhiều bậc cao tăng tu hành đặc đạo. Chùa chiền được xây ra khắp nơi từ các làng xóm xa xôi hẻo lánh cho đến các thành thị; và tới bây giờ vẫn có nhiều ngôi chùa cổ từ ngàn năm vẫn còn lưu lại. Xin kể ra ở đây một số ngôi chùa cổ như sau:

1-Chùa một trăm gian:

Được xây vào đời vua Lý Thái Tông. Đây là một ngôi chùa đầy sắc thái dân tộc, tọa lạc trên một khu đất rộng trên ba mẫu, chung quanh có những cánh đồng lúa. Tường xây gạch, còn kèo, cột, xà nhà, cánh cửa đều bằng gỗ có chạm trổ rất đẹp. Cửa chính của chánh điện là hai cánh lớn có chạm hình Đại Bàng nổi trên mặt gỗ. Còn những gian khác của chùa cũng đều có cửa và các cánh cửa này có chạm hình rồng, phượng, trên mặt gỗ nổi chạm rất khéo. Trước khi bước vào sân chùa, phải đi qua một cổng gọi là tam quan, có hai sư tử đá nằm chầu hai bên đường của lối đi. Từ cổng đến sân chùa rộng khoảng 1m, được lát bằng gạch bát tràng vuông, xa chừng  $\frac{3}{4}$  cây số. Chùa đã lâu năm qua nhiều thế kỷ, nên có nhiều nơi gạch bị vỡ, nhiều chỗ cỏ mọc, tường vôi cũng có nhiều chỗ loang lổ do bị hư hại và đã được trùng tu.

Bước vào chánh điện ở giữa có xây một tòa cao. Trên tòa có ghế gỗ lớn vuông vức, được trạm trổ hình hoa lá, chim bay lượn, và được khảm xà cừ. Tượng Đức Phật Thích Ca ngồi trên ghế theo thế kiết già. Lư hương lớn bằng sứ cổ xưa được đặt phía trước tượng của ngài. Một bức bình phong chắn ngang. Còn những gian chùa khác thì bày rất nhiều tượng của các vị Phật và các vị bồ tát. Tòa thờ của các Ngài cũng đều bằng gỗ được sơn đỏ, tuy có thấp hơn so với tượng Phật Thích Ca Mâu Ni. Nhiều bức hoành phi, câu đối bằng gỗ được thếp vàng, trên được chạm trổ và có những hàng chữ nho, tuy màu sơn đã phai nhưng vẫn còn thật trang nghiêm. Mỗi gian chùa đều có rất nhiều cột gỗ lim đen bóng. Ngoài hành lang, gác chuông bằng gỗ đã bị mục và được trùng tu chút ít.

## 2. Chùa Hương Hải:

Được xây cất vào năm 1041 có ghi trên tường. Chùa không lớn, chỉ vuông vức khoảng ba gian, thờ Đức Phật Thích Ca, tượng đồng đen không lớn lắm. Nhiều tượng khác như tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và Địa Tạng Vương Bồ Tát được tạc bằng gỗ. Phía sau chánh điện thờ Tổ hình vẽ trên tường, tuy không tạc tượng nhưng những nét vẽ xưa trông vô cùng tinh xảo. Các cánh cửa làm rất dày và kiên cố, tuy nhiên chung quanh tường đã quét vôi mới. Phía sau chùa có một cái ao nhỏ được một hàng cây bao quanh, nhìn rất cổ kính. Mái đã được lợp lại, chuông trống ở đây cũng trung bình, không lớn lắm. Tất cả đều đã xa xưa nên màu sắc phai nhạt, khiến cho người nhìn cảm thấy băng khuâng trong lòng.

## 3. Chùa Kiến Sở:

Ngoài việc thờ Phật, chung quanh chánh điện cũng thờ những thánh, những vị anh hùng dân tộc đã có công xây dựng đất nước từ thuở khai quốc, và cũng thờ những vị minh quân của các triều đại xa xưa. Tất cả đều được tạc tượng và trưng bày từ khi lập chùa nên không ai dám thay đổi. Những bức hoành phi, câu đối được gắn chặt vào tường, vào xà nhà trên cao. Các bát nhang, bình bông bằng đồ cổ đã bạc màu và cũng được để nơi bàn thờ bằng xi măng trên kệ thờ xây gạch. Những gươm, ngựa bằng xi măng vẫn còn nguyên vẹn, các cánh cửa chùa toàn gỗ lim, cột kèo cũng bằng gỗ, trên nóc chùa rất kiên cố, có đắp tượng rồng.



Từ sân trước lên chánh điện phải qua ba bậc tam cấp. Ngoài hành lang trước chánh điện cũng lát gạch, tuy nhiên vì đã trải qua bao nhiêu năm tháng nhiều thế kỷ nên nhìn cũng rất cũ kĩ.

#### 4. Chùa 100 cây cột gỗ lim:

Chùa xây trên một mound đất cao hơn mặt sân chùa ba bậc tam cấp cao. Sân chùa để nhiều đỉnh đồng và hai hàng voi phục cũng bằng đồng dọc theo hai bên, lát gạch bát tràng, với hai hàng cây dọc theo hai bên sân gạch ra đến tam quan. Phía sau có một nhà tổ và một nhà trù, cũng xây tường ngăn. Nhìn lên mái ngói chùa và nhà tổ, nhà trù, nhiều chỗ có rêu mọc, tuy có nhiều chỗ đã trùng tu nhưng có lẽ chùa này đã xây từ nhiều thế kỷ trước nên không tránh được hư hoại theo thời gian. Trong chánh điện toàn bằng gỗ, kèo cột, xà nhà một màu gỗ đen bóng rất chắc chắn. Các tượng Phật và Bồ Tát cũng được tạc bằng gỗ quý, bình hương và đỉnh bằng đồng được gắn chặt trên bàn thờ xây gạch. Dân địa phương cho biết chùa chỉ mở cửa vào 4 ngày là 30, mùng 1, 14, 15, vì chùa này xây trên một ngọn đồi thấp rất xa vùng dân cư.

#### 5. Chùa Mía:

Chùa này thờ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, tượng lớn đứng trên tòa sen bằng sứ và 7 tượng nhỏ cũng bằng đồng để chung quanh.

Thầy trụ trì nói qua về hạnh nguyện từ bi hỷ xả, sự nhu hòa của ngài như những đức tính của một người mẹ. Ngoài ra còn có nhiều tượng với các hình thái khác nhau để độ chúng sinh, tùy theo cảm ứng và mẫu nhiệm như trong kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni. Quán Thế Âm Bồ Tát linh cảm độ những chúng sinh nào cầu nguyện đến ngài, tùy theo duyên nghiệp mà ứng hiện.

## 6. Chùa thờ Tam Tổ Trúc Lâm

Ngoài Tam Tổ Trúc Lâm, chùa còn đúc một bức tượng của ngài trung thân Nguyễn Trãi. Sau khi chết, ngài được đưa về an tang tại đây và thờ phụng. Lăng của ngài được xây sau chùa, tuy nhiên sau nhiều thế kỷ mưa nắng, nền gạch trong lăng ngài cũng bị phai màu và sứt mẻ.

## 7. Chùa Phổ Minh:

Được lập vào năm 1262, đời vua Trần Thánh Tôn, cũng thờ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, tượng chính là Thiên Thủ Thiên Nhãn bằng đồng, phía sau thờ các vị Tổ đã khai sáng đạo Phật tại Việt Nam. Chùa Phổ Minh có một tháp cao 60m để thờ tượng vua Trần Thánh Tôn là vị vua xây chùa này. Ngoài việc an dân, trị nước, ngài hay đến chùa để tọa thiền, tu tập lúc an nhàn. Ngài là vị vua nhiều đức độ, anh minh nên quốc gia được thái bình

thịnh trị, dân chúng có đời sống ấm no hạnh phúc. Dân thời đó có khắc một bảng đồng bằng chữ nho để ca tụng ngài.

Nhân mùa Đản Sanh Phật Lịch 2556, chúng tôi kính chúc quý vị luôn sống an vui trong ánh hào quang Đức Phật.

**Diệu Trí**

## **Trường Việt Ngữ họp mặt tân niên**

**Phan Như Huyền**



Nhân dịp đầu năm, trường Việt Ngữ Hùng Vương họp mặt mừng Xuân. Thứ Bảy, ngày 28 tháng 01 năm 2012, toàn thể học sinh cùng phụ huynh đã đến trường dự buổi **Tân Niên Họa Mặt**, gồm có sự hiện diện của Hòa Thượng Viện Chủ chùa Bảo Quang, Đại Đức Viện Phó, cùng tất cả quý thầy cô trong ban điều hành và giảng huấn. Vui thật là vui!

### **Nghi Thức Khai Mạc**

Đúng 10 giờ, ai nấy vào ghế ngồi, thầy Cúc cung thỉnh Tôn Đức và tất cả mọi người nghiêm chỉnh chào quốc kỳ Mỹ - Việt. Tiếp theo là đôi phút mặc niệm những anh hùng đã hy sinh vì lý

tưởng tự do và bảo vệ tổ quốc. Sau đó, toàn thể học sinh đồng ca bản **Hùng Vương Hành Khúc**.

### **Đạo Từ của Hòa Thượng Giám Đốc**

Hòa Thượng vui vẻ, gọi đây là buổi họp mặt tân niên thay vì tất niên như đã dự định. Trước hết, Hòa Thượng nhắc nhở là các em học sinh đã học qua được một nửa năm học. Thầy cô đã nỗ lực hy sinh để các em gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp. Không những chỉ học nói tiếng Việt, mà các em còn học cả cách lễ phép với cha mẹ và mọi người.

Thứ đến là chúng ta đã có một ngôi trường mới, khang trang và ấm cúng. Các em không còn phải học ngoài trời như năm ngoái. Trong năm mới này, Hòa Thượng ước mong quý thầy cô sẽ nỗ lực hơn nữa, và quý phụ huynh sẽ cộng tác với nhà trường nhiều hơn nữa, để trong tương lai sẽ có nhiều công dân tốt đem tài năng ra phụng sự xã hội.

### **Lời Khai Xuân của Cô Hiệu Trưởng**

Trước hết, cô Hiệu Trưởng đã tri ân mọi ân nhân của trường, gồm có Ban Chỉ Đạo, Ban Giảng Huấn, Ban Điều Hành, và các cựu giáo chức.

Thứ đến, cô Hiệu Trưởng nhắc lại: trường Việt Ngữ Hùng Vương là một phần của Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo chùa Bảo Quang. Ở đây, các em học tiếng Việt, học lễ phép là các em đang góp phần vào việc bảo tồn và phát huy văn hóa Việt Nam

rồi đó! Riêng quý thầy cô, văn bằng cao nhất của quý thầy cô là tấm lòng. Sau cùng, cô Hiệu Trưởng kính chúc mọi người, năm mới sức khỏe dồi dào, công danh thăng tiến, và vạn sự như ý.

### **Hòa Thượng Lì Xì**

Trước hết, Hòa Thượng đã lì xì cho các em học sinh. Các em mỗi lớp xếp hàng lên lãnh quà. Em nào cũng hoan hỉ khi nhận được bao thơ đỏ từ Thầy phát ra. Sau đó, Hòa Thượng cũng đã lì xì cho quý thầy cô. Đây là cái lộc của Thầy mà ai nấy đều hoan hỉ đón nhận với tấm lòng biết ơn. Sau cùng, Hòa Thượng cũng lì xì cho quý phụ huynh hiện diện. Tất cả mọi người đều cảm thấy một niềm vui rất thân thiện, không gì có thể diễn tả hoặc so sánh được.

### **Đại Diện Học Sinh Chúc Tết và Phát Thưởng**

Sau khi nhận quà lì xì, các em học sinh đại diện mỗi lớp đã lên sân khấu để chúc tết mọi người. Đây là lời chúc đơn sơ và tốt lành nhất của các em gửi đến mọi người: **Vạn sự như ý. Ngày Xuân Hạnh Phúc Bình An đến. Năm mới Vinh Hoa Phú Quý về.**

Sau khi đại diện học sinh chúc tết, hai mươi em từ các lớp Mẫu giáo đến lớp Năm đã được lên lãnh bằng khen sau nửa năm cố gắng học tập.

## **Văn Nghệ Cây Nhà Lá Vườn**

Sau đó là đến mục văn nghệ cây nhà lá vườn. Đầu tiên, lớp Mẫu Giáo hợp ca bài **Vườn Hoa Chúng Mình**. Dễ thương chưa! *Mỗi người là một vòng hoa, cùng đem về đây góp gió...* Sau đó, lớp Một A hợp ca bản **Chúc Mừng Năm Mới**. Mỗi em cầm một tấm thẻ nhỏ và một cành hoa tươi, đưa qua đưa lại, chúc mừng quan khách. Kế tiếp, lớp Một B hát bài **Xuân Hẹn Mặt**. *Xuân đã về, cùng đón xuân sang...* Sau đó là lớp Hai, hợp ca bản **Mùa Xuân Oi**. Chúng ta nghe các em hát: *Xuân xuân ơi, xuân đến rồi!...* Sau phần giới thiệu, lớp Ba hát bài **Tết Đến Rồi**. Nghe như tiếng pháo, *Tết tết tết tết đến rồi, tết đến trong tim mọi người...* Tiếp theo là lớp Bốn, hợp ca bài **Bà Mẹ Quê**. *Vườn rau, vườn rau xanh ngắt một màu... Mẹ quê, mẹ quê vất vả trăm chiều...*

Trong phần văn nghệ, thầy Định cũng đã múa nhịp cho khán giả cùng hát bài **Trống Cơm**, rất vui tươi và nhộn nhịp. Sau cùng, quý thầy cô cũng đã góp một tiết mục, với bài ca **Ly Rượu Mừng**, để cống hiến một nụ cười cho mọi người.

Xen giữa những bài hát là hai màn vũ rất đặc sắc, do trưởng ban Văn Nghệ của trường là Cô Nguyễn Tuyết Trang tập dượt rất công phu. Hai màn vũ **Xuân Và Tuổi Trẻ** và **Chiều Lên Bản Thượng** thật xuất sắc.

## **Ăn Trưa**

Mười hai giờ trưa. Hơn 150 phần ăn do Ban Trai Soạn chùa Bảo Quang cung cấp đã được các thầy cô phân phát đến tận tay các em học sinh.

## **Kết Thúc Chương Trình**

Buổi **Họp Mặt Tân Niên** đã kết thúc lúc 12:30 trưa, giữa sự luyến tiếc của mọi người. Trời bên ngoài bớt gió. Các em học sinh cùng phụ huynh ra về an toàn và vui vẻ.

**Phan Như Huyền** ghi



# **Những Búp Sen non/ Gia Đình Phật Tử**

## **Bảo Quang**

**Phúc Lâm - Đình Thanh Tùng**



Sau ba tháng đến sinh hoạt Gia Đình Phật Tử Bảo Quang, các em đoàn sinh mới được các anh chị trưởng hướng dẫn ý nghĩa hoa sen và điều luật ngành Oanh Vũ và ngành Thiếu. Và hôm nay, dưới ánh nắng ban mai tỏa ấm nơi sân chùa Bảo Quang, các em được bố mẹ chở đến chùa thật sớm chuẩn bị làm lễ phát nguyện đeo hoa sen.

Trước đại hùng bửu điện, bác gia trưởng Bảo Hòa - Ngô Văn Thuận niệm hương nguyện cầu đức Từ Phụ chứng minh lễ phát nguyện đeo Hoa Sen cho 70 đoàn sinh G.Đ.P.T Bảo Quang.

Hai huynh trưởng Nguyên Thường và Diệu Nghiêm điều hợp chương trình lễ phát nguyện đeo Hoa Sen cho các em. Đa số các em đoàn sinh đều sinh trưởng tại Hoa Kỳ, Các anh chị đã uyển chuyển sử dụng hai ngôn ngữ Việt và Anh về ý nghĩa Hoa Sen cho các em và các bậc phụ huynh. Và hôm nay, các em chính thức trở thành đoàn sinh G.Đ.P.T Việt Nam.

Anh liên đoàn trưởng Nhuận Sang – Lê Hoàng Kiều cùng các ACE huynh trưởng đang đeo hoa sen cho các em đoàn sinh mới.

Trong niềm hân hoan, sung sướng được phát nguyện đeo Hoa Sen, các em nghiêm trang chấp tay hướng lên đức Từ Phụ với tất cả lòng thành kính của mình... Trong suốt thời gian đi sinh hoạt qua nhiều G.Đ.P.T. tất cả các anh chị Trưởng đều có chung một nhận xét đây là lần đầu tiên chúng ta thực hiện được lễ phát nguyện đeo Hoa Sen cho các em đoàn sinh mới thật trang nghiêm và ý nghĩa hơn hết.

Ban huynh trưởng cung thỉnh hòa thượng Thích Quảng Thanh viện chủ chùa Bảo Quang là cố vấn giáo hạnh của G.Đ.P.T Bảo Quang chứng minh và ban đạo từ cho toàn thể gia đình. Thầy

nhắc nhở các em phát nguyện đeo Hoa Sen cố gắng làm một đoàn sinh G.Đ.P.T ngoan ngoãn vâng lời dạy dỗ của phụ huynh và huynh trưởng.

Các em là những búp sen non đang được các anh chị Trưởng uồn nắn, dìu dắt để sau này trở thành những Phật Tử chân chánh để tiếp nối sứ mạng Áo Lam của thế hệ đàn anh, đàn chị. Như những búp sen non đang cùng nhau vươn lên trong nắng ấm mùa Xuân mang lại một sắc thái mới, tỏa ngát hương thơm đón mừng mùa Phật Đản 2556 dưới mái chùa Bảo Quang.

**Phúc Lâm – Đình Thanh Tùng**

# Cuộc Di Tản Miền Trung 29-3-1975

Phóng Viên -**Trần Khiêm**

(cựu phóng viên của đài ABC News)



Ghi nhận cuộc lui binh của quân đoàn I và di tản miền Trung tại Đà Nẵng tháng 3-1975.

Vào thượng tuần tháng 2 -1975 dân chúng Huế bỏ nhà cửa ruộng vườn bồng bế nhau chạy vào Đà Nẵng thậm chí họ mang theo cả trâu bò, gà vịt gồng gánh đi trên quốc lộ 1, vượt đèo Hải Vân để tìm đường sống. Mặc dầu bị quân Cộng Sản chặn đường vì theo quan điểm của họ hòa bình rồi sao lại lũ lượt bỏ xứ ra đi. Dân chúng Huế không còn tin tưởng vào những gì Cộng Sản hứa, kinh nghiệm của Mậu Thân 1968, Cộng quân nói một đường lại làm một nẻo khiến cả thế giới kinh ngạc. Cộng quân chặn đường đèo Hải Vân, nhưng nhờ quân đội Việt Nam Cộng Hòa, thủy quân lục chiến, lực lượng nhảy dù đã tiên phong mở đường nên đa số đồng bào đến Đà Nẵng an toàn.

## **Đà Nẵng trong cơn hấp hối.**

Đầu tháng 3 -1975 dân chúng Quảng Trị, Huế đổ dồn vào Đà Nẵng 20-3-1975 gia đình quân đội, công chức đổ xô chạy vào sân bay Đà Nẵng tìm đủ mọi cách để rời khỏi Đà Nẵng chiều ngày 25-3-1975 có lệnh tất cả báo chí truyền hình ngoại quốc phải rời khỏi Đà Nẵng. Chiều ngày 26-3-1975 Trung Tướng Ngô Quang Trưởng Tư Lệnh Quân Đoàn I Vùng I chiến thuật hợp khẩn cấp tuyên bố tử thủ Đà Nẵng theo lệnh Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu tại Quân Trấn lúc 5 giờ 30 chiều 28-3-1975.

Đồng thời đề cử Thiếu Tướng Điem nguyên Tư Lệnh Sư Đoàn I kiêm Quân Trấn Trưởng Đà Nẵng với mục đích trấn an tình hình an ninh Đà Nẵng nhưng lệnh ban hành quá trễ nên các binh sĩ đã tự động tan hàng tùy nghi di tản.



### **LỆNH TẬP TRUNG**

Của Trung Tướng  
Ngô Quang Trưởng  
Tư Lệnh Quân Đoàn I.  
Ra lệnh tập trung toàn  
bộ quân đoàn tại bãi

biển Mỹ Khê, Đà Nẵng để được tàu Hải quân vào đón lực lượng quân đoàn I. Lúc bấy giờ gồm có: Lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến, Lữ Đoàn Nhảy Dù, Sư Đoàn I, Sư Đoàn II và Sư Đoàn III Bộ Binh Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I và các đơn vị trực thuộc,

Liên Đoàn Thiết Vận Xa, Liên Đoàn Chiến Xa M 48 phải tập trung tại điểm hẹn để kịp thời di tản lúc 4 giờ 30 sáng ngày 29-3-1975 trong cơn hấp hối bức tử.

Chúng tôi xin mời quý vị nhìn lại những hình ảnh dưới đây để tưởng nhớ những ngày đặng cay của cuộc di tản miền Trung 29-3-1975 lịch sử này.

### **Trần Khiêm**

cựu phóng viên chiến trường ABC News



Di tản qua đèo Hải Vân bằng đôi chân không





Bãi biển Mỹ Khê, Đà Nẵng ngày 29-3-1975 binh sĩ trên tàu hải quân.



Dân chúng vô cùng  
hoảng sợ lúc  
vượt đèo Hải Vân.



Chuyển lính qua tàu Trần Quang Khải để về Sài Gòn.



Thủy Quân Lực Chiến  
chờ  
lệnh di tản.





Quân đội di tản bằng cách lội ra biển để lên tàu HQ Việt Nam



Ngày cuối cùng của  
phố Huế.



Chuyến tàu định mệnh cuối cùng rời cảng Đà Nẵng ngày 29-3-1975 mang theo 12.000 người vào Sài Gòn.